

15 THÁNG 2 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu



SỐ TẮT NIÊN

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	50đ.
SÁU THÁNG	550đ.
MỘT NĂM	1050đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỆU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Số Tất niên

BÁCH KHOA

Số 363 ngày 15 - 2 - 1972

THẾ NHÂN <i>nhân dịp tất niên kể lại chuyện cổ tích kinh-tế</i>	05
VIỆT PHƯƠNG <i>cuộc chiến tranh Ấn-Hồi với quốc gia Bangla Desh</i>	17
NGUYEN THI NGOC THĂM <i>phụ nữ Việt-nam trong cộng đồng dân tộc</i>	23
LE VĂN ĐẶNG <i>nhân giải Cờ Tướng Tuệ-Thành thử điếm qua làng Cờ Tướng Việt-nam hiện nay</i>	35
GEORGES ÉTIENNE GAUTHIER <i>chung quanh khúc điệu Phạm Duy (Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm Duy)</i> THU THỦY dịch	39
TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ <i>đường lên Berlin (du ký)</i>	47
NGUYEN MỘNG GIÁC <i>mùa Xuân cho bé Thơ (truyện ngắn)</i>	55
KHANH LINH <i>rượu nguồn cùng say (thơ)</i>	66
VIÊN LINH <i>thơ</i>	67
PHẠM VAN BÌNH <i>mùa xuân bên ngoài (truyện ngắn)</i>	69
HOÀNG DIỄM KHANH <i>phỏng vấn Diệp Túy Bạch nhà danh-họa hiện-đại Trung-hoa Dân-quốc (Họa sĩ nổi danh về vẽ ngựa)</i>	77
SINH HOẠT	
CAO TIÊU <i>Tam Ích và những giềng chưa đọc</i>	81
IHU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83
<i>Tranh bìa của họa sĩ PHẠM TĂNG (1958)</i>	

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Lựa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Các bạn thân mến,

Lời nói đầu tiên của tòa soạn Bách-Khoa trong số cuối năm này là một lời chân thành cáo lỗi cùng quý bạn đọc, quý bạn gửi bài, về những số báo trong năm đã ra rồi, những trang in không rõ, những lỗi ấn loát sửa không kỹ, về những bài chậm đăng, thư chậm trả lời...

Vì tình trạng kinh tế mỗi ngày một «cách mạng», vì thiếu người thiếu phương tiện, nên đã có những khuyết điểm trên đây mà chúng tôi sẽ cố gắng khắc phục trong năm thứ 16 này, để xứng đáng với lòng tin cậy lâu bền của quý bạn, mặc dầu làng báo Việt-nam đương lâm vào một hoàn cảnh bi đát nhất trong 15 năm qua.

Từ khi vật giá leo thang, lạm phát phi mã, đồng bạc Việt-Nam phá giá cho tới nay chưa bao giờ giá giấy báo chính thức tăng lên đột ngột đến 130% như bây giờ và mọi thứ liên quan đến việc ấn loát và tạo thành tờ báo đều tăng theo với giá giấy. Trong số Bách-Khoa này, bạn Thế-Nhân có nhìn lại giá sinh hoạt từ năm đầu của Bách Khoa đến nay và tưởng như cuộc sống vào những năm 1956-57 đến 1962-63 là một giấc mộng đẹp không thể nào có thực được! Tạp chí Bách-Khoa đã giữ được giá 10 đ. một số trong 9 năm liên tiếp. Rồi là bắt đầu thời kỳ chạt vật của báo giới: Riêng báo Bách-Khoa năm 1966 phải tăng giá tới hai lần, năm 1967 cũng phải tăng hai lần nữa, năm 1968 một lần, năm 1969 một lần, và sang năm 1970 mỗi số tăng lên 50đ.

Hiện nay giấy khổ lớn (65 × 100) giá chính thức từ 630đ. một rame lên tới 1450đ. một rame (mà một tháng nay vẫn chưa có loại giấy này) và công in Bách-Khoa cũng tăng lên gần 40%. Đáng lẽ với giá giấy và công in như trên, Bách Khoa phải tăng giá như một số đồng nghiệp báo định kỳ và các đồng nghiệp báo hàng ngày, từ 70% đến 100% mới đủ để trả được các phí khoản mới nhưng Bách-Khoa chỉ tạm thời tăng lên 70đ. một số và sẽ cố gắng thu xếp để giữ được giá này càng lâu càng hay cho hợp với mãi lực của quý bạn đọc đã tin yêu Bách-Khoa mà đa số là quân nhân, công tư chức, giáo chức, sinh viên, học sinh, tu sĩ v.v.,

Chúng tôi ước mong quý bạn sẽ thông cảm cho sự cố gắng của chúng tôi trên đây mà chấp nhận giá mới này và vui lòng cổ động cho tạp chí Bách-Khoa được phổ biến rộng rãi hơn nữa để tờ báo đủ điều kiện đứng vững và phát triển trong hoàn cảnh khó khăn của những năm tới đây.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý bạn và kính chúc quý bạn một năm Nhâm Tý đầy may mắn.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Nhân dịp Tết niên kể lại:

Chuyện Cò tích Kinh-tế

● THẾ-NHÂN

Ngày xưa, tại một nước nhỏ bên bờ biển cả, dân chúng sống trong thanh bình, an lạc, Khí hậu hiền hòa, ấm cúng, đồng ruộng bát ngát phì nhiêu. Áo chỉ cần một manh che thân. Nhà chỉ cần một mái tranh che mưa nắng. Ăn đã có gạo ngoài đồng, cá dưới sông. Tuy chẳng được như thời Nghiêu, Thuấn nhưng chẳng khác gì một địa đàng kinh tế. Nhưng vì dân chúng không biết an hưởng thái bình, bày ra trò cò tục tương tàn nên Thượng đế nổi giận phái một bầy phù thủy xuống tung ra những phép lạ kinh tế để trừng phạt bọn dân ngu muội đã không biết báo nhau an hưởng lộc trời.

Bọn phù thủy đó hóa thân thành các gian thương xảo trá, các tài phiệt lưu manh, các quân phiệt hiếu chiến, các nhà kinh tế tài ít nhưng nhiều bằng cấp, các nhà chính trị giàu nước bọt chỉ biết tuyên bố vung vít..., cả bọn này len lỏi vào trong đủ mọi lãnh vực sinh hoạt để thi hành phép lạ kinh tế bần-cùng-hóa dân chúng cho đáng kiếp.

Phép lạ kinh tế

Một số nhỏ dân chúng, từ bỏ nhân phẩm chạy theo làm tay sai cho bọn phù thủy thì được ưu đãi. Nhưng đa số dân chúng — những tiểu tư sản hãy còn giữ tiết tháo của nhà nho, những anh lao động nghĩ sao nói vậy, những anh lính chiến xông pha sương gió, những kẻ công bộc sớm vác ô đi tối vác về — không chịu

chạy theo bọn phù thủy, đã bị bọn này đem ra làm vật tế thần cho phép lạ của chúng. Bọn phù thủy không cần tra tấn, giết chóc, giam cầm dọa nạt mà chỉ...ký một nghị định, thi hành một biện pháp, là khiến bao nhiêu cơ nghiệp tài sản của lớp lớp dân chúng tự nhiên mười phần tan đi mất chín. Dân chúng trước kia kiếm được 10đ. bây giờ chỉ còn có 1đ. Gạo ngoài đồng, cá dưới sông trước kia là những cửa trời cho chỉ mất công trả 6đ. ký gạo và 60đ. ký cá lóc là cả gia đình đã được bữa ăn thịnh soạn vừa ngon vừa bổ. Nhưng sau khi bọn phù thủy làm phép thì giá gạo tăng lên 60đ. một kí và cá lóc cũng tăng lên đến 450đ. một kí. Muốn bỏ gạo mà ăn bánh mì cũng không thoát khỏi bùa phép của chúng. Ở bánh mì 3đ. trước kia, bây giờ đã lên tới 30đ. Bỏ cá ăn thịt, ăn trứng, thậm chí ăn rau muống cũng thấy không thoát khỏi những bàn tay lông lá. Cơn thịt bò trước có 65đ. bây giờ ngọt nghét 600đ. Cái trứng gà 2đ. cũng leo lên 20đ. Mớ rau muống tầm thường trước có 1đ. 50 bây giờ cũng hách dịch đòi tới 15đ. Ăn xong, muốn tráng miệng bằng trái chuối cũng thấy giá chuối leo từ 10đ. một bẹ lên tới 60đ. một bẹ mười hai trái. Con nhỏ cần sữa ư? Thì một hộp sữa trước kia 12đ. bây giờ giá leo lên ngọt 100đ. Khát nước, uống ly nước chanh cũng thấy đường tăng từ 20đ. một kí lên tới 110đ. một kí.

Ăn đã vậy. Mặc cũng không khá hơn. Trước vải trắng nội hóa trước kia chỉ có 16đ. bây giờ lên tới 90đ. Công may áo dài trước kia chưa tới 200đ. bây giờ phải trả 1200đ. Ở lại càng tệ hơn nữa. Bao xi măng trước kia có 60đ, bây giờ đã lên tới trên dưới 600đ. Không có tiền xây nhà đi ở thuê cũng thấy trước kia chỉ phải trả có 500đ. tiền nhà mỗi tháng mà bây giờ phải chi tới ít ra 5000đ. mỗi tháng.

Cả những khi trái gió trở gười, xổ mũi nhức đầu nằm trên giường bệnh cũng thấy mình vẫn nằm trong vòng tay của bọn phù thủy. Ông thuốc nhức đầu trước kia có 4đ, bây giờ đã lên tới 30đ. Nặng hơn một chút, chữa lấy không xong phải đi khám bác sĩ thì đã thấy phải trả 600đ. thay vì trước kia chỉ trả có 100đ. hoặc 120đ.

Ngay cả những nhu cầu giản dị nhất như cắt cái tóc, hút điếu thuốc, nhậu chai la-de, đọc tờ báo cũng không thoát khỏi móng vuốt của bọn phù thủy. Trước kia cắt cái tóc chỉ mất có 12đ. mua gói Bastos có 5đ. nhậu chai la de « 33 » có 7đ. và mua tờ báo chỉ mất có 1đ 50. Chỉ cần có 25đ. là đã có thể có được từng ấy thứ để tiêu khiển giải trí cả về tinh thần lẫn vật chất suốt buổi chiều thứ bảy sau cả một tuần vất vả. Bây giờ để có từng ấy thứ phải chi những 260đ. Cắt cái tóc đã mất 130đ., mua bao Bastos mất 55đ., nhậu chai la de mất 60đ. và tờ báo bốn trang mất 15đ. nữa.

**Thời hoàng kim
đã mất**

Bây giờ nói lại chuyện đó quả thấy

như một thời nào xa lắm hay trong một giấc mơ nào đó. Còn mấy ai nhớ được là cái thời lúc đó. cái giấc mơ đẹp đó, mới chỉ xảy ra trước đây đúng 15 năm. Và bọn phù thủy cùng phép lạ nói trên không phải là cơn ác mộng phá vỡ giấc mơ đẹp, mà chính là cái thực tại phù phàng đang đè nặng lên đôi vai của giới có đồng lương cố định.

Câu chuyện cổ tích thực mộng lẫn lộn đó đã được đặt cho những tựa nghe rất thông thái như « Lạm phát trầm trọng » « Lạm phát phi mã » hoặc đã được gán cho những mỹ từ như « quân bình » « kiểm soát », « song hành » hay những danh từ quyền rũ như « ổn định », « cách mạng ». Nó đã được trình bày một cách trừu tượng hơn bằng những con số thống kê lạnh lùng trong những bản tin vắn tắt nói về chỉ số giá sinh hoạt gia tăng 30 điểm, 60 điểm, 100 điểm từ ngày này qua tháng khác. Nhưng tựu trung, tất cả các mỹ - từ đó đều che đậy căn bệnh hoại huyết đã ám ảnh giới có đồng lương cố định suốt trong 15 năm qua. Ở những nước đang phát triển, cái chứng bệnh gia tăng vật giá tuy cũng có, nhưng chỉ ở mức độ bình thường, 5 tới 6% mỗi năm. Nó là phụ chứng tất hữu của một cơ thể kinh tế đang tăng trưởng, cũng tựa như hiện tượng mọc râu, vỡ tiếng của tuổi dậy thì. Nhưng ở nước ta thì vì phép lạ của bọn phù thủy nên các phụ chứng đó đã trở nên trầm trọng. Năm 1956 là lúc nền kinh tế, đặc biệt là vật giá ở Saigon, đã trở nên bình thường sau cuộc xáo trộn gây nên bởi sự gia tăng ồ ạt của hơn một triệu miệng ăn do phong trào

di cư từ Bắc vào Nam gây ra. Điều đáng để ý là nguồn tài-nguyên ở miền Nam lúc đó dư dật đến nỗi có thể đón nhận con số hơn một triệu người cần cơm ăn nhà ở đó mà không sinh ra những xáo trộn về vật giá. Từ năm 1956 đến năm 1963, vật giá gia tăng ở mức bình thường, trung bình khoảng từ 6 tới 8 phần trăm mỗi năm. Riêng năm 1959-1960 thì vật giá không những không gia tăng mà lại giảm 6% so với năm trước. Đó là cái thời hoàng kim của giới công tư chức. Cả nhà hai vợ chồng bốn đứa con vào tiệm phở ăn no căng bụng cũng không hết 50đ. Ở tiệm phở ra chỉ cần đứng lề đường, ông tắc xi đang chạy bên kia đường cũng vòng lại mời đón. Ông không bê đồng hồ, không phải để đòi thêm tiền như bây giờ, mà để cho có thể chạy hạ giá ngang với xích-lô máy. Về nhà thì bên anh đọc sách, bên nàng nghe radiô vì ở nhà đã có hai người giúp việc mượn với giá rẻ mạt là 300 đ. mỗi người một tháng.

Leo thang

Nhưng ngày vui chóng tàn. Cái thời hoàng kim đó chỉ kéo dài được khoảng hai năm. Sang năm 1961, trận bão Cora gây ra nạn lụt trầm trọng ở miền Trung. Rồi những xáo trộn chính trị liên tiếp của những ngày cuối cùng của Đệ nhất Cộng hòa. Rồi Cách mạng tháng 11. Rồi những trận địa-chiến lớn lao từ cấp tiểu đoàn trở lên liên tiếp diễn ra trên lãnh thổ, những biến cố đó cứ dồn dập kéo tới khiến cho vật giá đang leo với tốc độ của máy bay bà già, bỗng nhiên xả ga leo thang

với tốc độ của máy bay phản lực. Trong khi đó thì Bộ Kinh tế vẫn khiêm nhường đóng vai trò chính là cấp giấy phép xuất nhập cảng. Còn Bộ Tài-chánh thì vẫn giữ vai trò cổ truyền là thu thuế và giữ sổ sách. Những cuộc cải tổ liên tiếp của các nội các cách mạng, chỉnh lý, chiến tranh, v.v.. đã khiến cho mọi chính sách mất đi tính chất liên tục. Và nền kinh tài nước nhà được mặc sức quay ngang quay dọc như chiếc máy bay không người lái.

Sang đến năm 1965 thì vật giá lại rồ ga làm tới nữa. Tình hình chính trị bấy giờ tương đối đã ổn định nhưng tình hình quân sự thì càng ngày càng khẩn trương. Chi phí quốc phòng tăng lên gấp đôi từ 14 tỷ năm 1964 lên tới 28 tỷ năm 1965. Và cứ tiếp tục leo lên cho tới 38 tỷ năm 1966, 53 tỷ năm 1967, 73 tỷ năm 1968. Đồng thời quân đội Hoa kỳ cũng ồ ạt tham chiến vào Việt-nam. Tháng bảy 1965 Tổng thống Johnson quyết định tăng số quân Mỹ tại Việt-nam từ 75.000 lên tới 125.000 người. Sự tham chiến ồ ạt của khối nhân lực đó bơm vào nền kinh tế vốn đã căng phồng, một khối nhu cầu dịch vụ khổng lồ. Chỉ trong khoảng 5 tháng, từ ngày 7.7.1965, khi anh Thủy quân Lục chiến đầu tiên của Hoa-kỳ lội lên bờ biển Qui-nhon và Đà-nẵng, chui đầu vào vòng hoa chiến thắng của cô nữ sinh Việt, cho tới khi quân số Hoa-kỳ tăng lên tới 186.000 người, thì số lượng ngoại tệ dự trữ tại Ngân-hàng Quốc-gia đã đột ngột tăng từ 120 triệu Mỹ kim lên tới 170 triệu. Đồng thời la de «33» cũng tăng từ 6đ.

lên 10đ. và thịt heo cũng leo từ 60đ. lên 150đ. một kí. Cả một nền kinh tế chuyển hướng để cung cấp dịch vụ cho khối mại lực ở ạt đó. Sự chuyển hướng được nhận thấy rõ rệt nhất trong thị trường người giúp việc tại Saigon. Mức lương 300đ. một tháng đột nhiên leo lên 500đ, rồi 700đ và rồi 1000đ, cho tới năm 1968 khi số quân đội Hoa kỳ lên tới 550.000 người, thì mức lương cũng leo lên tới 2500đ một tháng.

Vật giá bấy giờ đã từ bỏ cái tốc độ phản lực lồi thời để di chuyển sang tốc độ hỏa tiễn! Với cái tốc độ ghê hồn đó, các nhà cầm quyền mới thấy rằng không thể chỉ giữ vai trò cấp giấy phép xuất-nhập-cảng và thu thuế được chừng nào hay chừng đó. Và đến 17-6-1966, lần đầu tiên trong lịch sử kinh-tế nước nhà, chính phủ đã chính thức thi hành cả một chương trình nhằm ổn định kinh tế. Cùng với cuộc phá giá đồng bạc, còn có cả một chương trình nhập cảng ở ạt hàng tiêu thụ, để thu hút mại lực dư thừa gây nên do chi phí quốc phòng. Nhưng chương trình đó chỉ đủ để cầm giữ đà leo thang của vật giá được vài tháng. Cuộc cải-tổ được thi hành vào tháng 7-1965 gây nên một vài xáo trộn, cho tới tháng 9-1965 thì vật giá mới bắt đầu ổn định. Nhưng qua tháng 2-1967, với dịp Tết Nguyên đán, vật giá lại bắt đầu leo thang như trước. Cuộc Tổng Công kích của Cộng sản vào Tết Mậu Thân lại

lại lấp thêm một hỏa tiễn phụ nữa khiến cho giá cả tăng lên 50% trong vòng ba tháng từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1968.

Cho đến cuối năm 1968, thì giới có đồng lương cố định đã thấy túi tiền của mình nhẹ đi mất một nửa. Nhưng chỉ có giới lao động, vì tình trạng khan hiếm nhân công, vẫn có thể đòi được mức lương gia tăng theo với đà gia tăng của vật giá. Trong ba năm sau đó, nạn leo thang tuy tương đối đã giảm bớt nhưng vẫn còn tiếp tục gặm nhấm cái túi tiền rách mướp của giới có đồng lương cố định. Và cho tới bây giờ, khi năm Hợi bắt đầu tàn và năm Tý bắt đầu nở, thì câu chuyện kinh tế đầu heo đuôi chuột cũng bước vào một giai đoạn trong đó bàn dân thiên hạ hãy còn bàng hoàng ngơ ngác về cuộc Cách mạng Kinh tế mùa Thu.

Cuối năm Heo, người nói truyện cổ tích kinh tế — một chuyện chỉ cổ có chừng 15 năm, khi Bách Khoa mới chào đời — nhắc lại những quả trứng 2 đ., những chai la de 6đ., những bát phở thơm khức 5đ. và nhớ lại cái thời gạo ngoài đồng, cá dưới sông, cũng chẳng khác gì ăn một bát cháo lú để quên cái thực tại phũ phàng, làm một cuộc viễn-du trở lại thuở thanh bình của một thời vàng son không bao giờ trở lại.

THẾ NHÂN

Cuộc chiến tranh Ấn-Hồi với quốc gia *Bangla Desh*

Cuộc chiến tranh Ấn Hồi thế là đã kết thúc gọn sau 14 ngày sôi động. Nó bùng nổ ra như một cái nọt bọc vào đầu tháng 12-71 và chấm dứt bằng cuộc đầu hàng vô điều kiện của quân đội Tây-Hồi tại Đông-Hồi vào giữa tháng đó và sự sụp đổ tan tành của chế độ quân phiệt Yahia Khan. Chính bà Thủ-tướng Gandhi, khi ra lệnh tiến quân vào Đông Hồi, cũng không ngờ tình thế có thể kết thúc nhanh như vậy; vì ở đây không những chỉ có đụng chạm quyền lợi giữa Đông-Hồi và Tây-Hồi, giữa Ấn-độ và Hồi-quốc mà còn có đụng chạm quyền lợi giữa cả các đại cường trên thế giới là Mỹ-Nga và Trung-Cộng. Tại Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc, Nga đã phải dùng quyền phủ quyết để ngăn chặn Hội đồng này, ra lệnh cho 2 bên ngưng chiến. Và tại Đại Hội-đồng L.H.Q, Ấn-độ đã bất chấp quyết nghị của 104 nước để cứ tiếp tục tiến quân.

Biện pháp mạnh đó đã có kết quả là làm cho cả Mỹ và Trung-Cộng đều bối rối và Ấn-độ đã nhanh chóng giải quyết được chiến trường trước một kẻ địch đang bị mất tinh thần.

Hiện nay quân đội Ấn vẫn còn đóng ở Đông Hồi và ngót 100.000 tù binh đã được đưa qua đất Ấn. Nước Cộng-hòa nhân-dân Bangla-

Desh đã được thành lập. Dĩ nhiên Ấn-độ là nước đầu tiên thừa nhận nước này. Những cuộc trả thù đẫm máu, may thay, đã không xảy ra một cách đại quy mô. Dân tị nạn Bengali (khoảng gần 10 triệu người, đa số theo Ấn-độ giáo) đã dần dần hồi hương từ các trại định cư bên đất Ấn, làm nhẹ bớt gánh nặng cấp dưỡng cho Ấn-độ (xem B.K số 360, bài «Tân Quốc-gia Bangla Desh» của Từ Trì).

Một nước Cộng - hòa nhân-dân Bangla Desh do Liên-đoàn Hồi-giáo Awami chủ trì với một dân số 70 triệu người là một cái lợi lớn cho Ấn-độ.

Trước hết sườn phía Đông của Ấn không còn bị sơ hở. Xứ Assam không còn sợ bị cô lập và Hồi-quốc không còn phải là một đối thủ đáng sợ của Ấn-độ nữa. Vì thế một nước Cộng-hòa Bangla Desh tách rời ra khỏi Hồi-quốc là một điều đáng mừng cho Ấn mặc dầu còn một đe dọa về chủng tộc tuy nhiên không lấy gì làm trầm trọng lắm trong lúc này: 70 triệu người Bengali theo Hồi-giáo ở bên này có thể liên-hiệp với 40 triệu người Bengali theo Ấn-độ-giáo ở bên kia để thành lập một nước Bengal lớn.

Nhà Xuất-bản LÁ-BỐI

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh
lô O số 121, Chung cư Minh Mạng — Saigon 10

SÁCH MỚI

NĂM 1972

- *10 Khuôn mặt Văn Nghệ hôm nay*
biên khảo của Tạ Ty
- *Vô-Môn-Quan*
Thiền-sư Vô-Môn bình tụng, Trần
Tuấn Mẫn dịch chú.
- *Chinh Phụ Ngâm điển âm Tân Khúc*
Phan Huy Ích diễn giải, Nguyễn
Văn Xuân phát giác.

Kính Chúc

*Toàn thể độc giả, quý vị tác giả,
quý vị chủ nhân nhà sách toàn quốc,
một năm mới Khang an và thịnh vượng.*

Nhà xuất bản LÁ BỐI

Tủ-sách Hoa-Lư

ĐÃ PHÁT HÀNH

1. — **Việt-Nam ca-trù biên-khảo** : của Đổ-băng-Đoàn và Đổ-trọng-Huề
2. — **Triết học tổng quát** : của Đổ-trọng-Huề.
3. — **Hương trà** : của Đổ-trọng-Huề.
4. — **Những đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt-Nam** : của Đổ-băng-Đoàn và Đổ-trọng-Huề.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ĐÔNG-Y LƯỢC-KHẢO

của Dược-sĩ **ĐỔ-ĐÌNH-TUÂN**

— Một cuốn sách không thể thiếu đối với các bạn tìm hiểu khoa Châm-cứu, nghiên-cứu Đông-Y, khảo-cứu tư-tưởng triết-lý Đông-phương.

— Tác phẩm Việt-ngữ đầu tiên khảo-cứu tổng-quát một cách khoa-học các vấn-đề cốt yếu của y-học cổ-truyền Trung-Hoa và Việt-Nam, với sự tham khảo gần 100 tài-liệu Hán, Việt, Pháp. Sách dày 500 trang khổ lớn, có phần Hán-tự đối chiếu, nhiều hình ảnh và chia làm 5 phần :

PHẦN I : Lược-sử Đông-Y Trung-Hoa và Việt-Nam.

Quan chức ngày xưa và thê-lệ hành nghề ngày nay của giới Đông-Y. Tiều-sử 118 vị danh-y và các nhà nghiên-cứu thảo mộc.

PHẦN II : Y-lý tổng-quát.

Quan niệm triết-học nền tảng của Y-lý Đông-phương. Ngoại cảm và nội thương. Bệnh cơ lục yếu. Sự biến hóa của bệnh. Lục phủ ngũ tạng. Kinh mạch. Sự chẩn đoán bệnh. Phép xem mạch.

PHẦN III : Xử dụng dược-liệu

Sự chế biến dược-liệu. Các hình-thái của dược-phẩm. Sự áp dụng dược-liệu vào thực tiễn-lâm-sàng, Y-án.

PHẦN IV : Thương hàn luận

PHẦN V : Phương dược.

Vì có nhiều trở ngại về ấn-loát nên phút chót, sách phải chia làm 2 quyển : quyển I giá 300đ, quyển II giá 560đ. Thư từ xin đề bà Vũ-thị-Mùi 311 Thành Thái, Saigon 5.

Những sự kiện lịch sử.

Lịch sử đã chứng minh như vậy : Bengal là tên của vương-quốc Vanga hay Banga. Vào thế-kỷ thứ 3 sau TC, nó là một phần của đế quốc Maurya, đặt dưới quyền của đại-đế Asoka. Vào thế-kỷ thứ 5, người Trung-hoa đem đạo Phật vào Bengal, xung đột kịch liệt với Ấn-độ-giáo. Đến thế-kỷ thứ 10 thì 2 đạo đó chung sống ôn hòa với nhau. Bước sang thế-kỷ thứ 12, người Hồi - giáo đem quân tràn ngập Bengal, tàn sát các sư sãi Phật-giáo mà không gặp kháng cự nào. Từ thế-kỷ thứ 16, Bengal thuộc quyền Đại-đế Mông-cô Akbar thống trị cả Ấn - độ và A-phú-hãn. Vào thế-kỷ 18, đế quốc Mông - cô suy yếu, người Anh đặt chân vào thay thế sau khi phá vỡ âm mưu của vị vua Mông - cô Shah Alam muốn chiếm lại Bengal. Năm 1773, Bengal có một vị toàn quyền Anh đầu tiên, cai trị luôn cả Ấn-độ. Năm 1854, Bengal có một chính phủ riêng khác hẳn với chính phủ Ấn. Năm 1905, người Anh thấy việc cai trị xứ Bengal rất bề bộn nên mặc dầu có sự phản đối của dân bản xứ, đã phân chia xứ này ra làm hai tỉnh. Tỉnh thứ 1 gồm Tây Bengal, Bihar và Orissa gọi là Tây Bengal; tỉnh thứ 2 gồm Đông Bengal và Assam gọi là Đông Bengal; mỗi tỉnh đặt dưới quyền một Phó Thống-đốc (lieutenant governor). Năm 1915 vì bị phản đối quá, người Anh lại chia lại : đặt xứ Bengal (cả Đông lẫn Tây) thuộc quyền một vị Thống-đốc, xứ Bihar và Orissa thuộc quyền một vị phó

Thống-đốc và Assam thuộc quyền một viên Cao-ủy (chief commissioner). Cũng vào năm đó, thủ-đô của Ấn-độ được chuyển lên Delhi chứ không phải ở Calcutta nữa.

Năm 1937, Bengal được lập thành một tỉnh tự trị. Đến năm 1947, trước khi rời khỏi Ấn-độ, người Anh đã chia xứ này thành 2 nước có tôn giáo khác nhau. Xứ Bengal từ xưa vẫn thống nhất cũng được chia ra làm 2, căn cứ trên tiêu-chuẩn tôn-giáo, giao cho 2 nước đối nghịch.

Chính có lẽ vì e ngại sự hình thành một xứ Bengal thống nhất, tách ra khỏi cả Ấn-độ và Hồi quốc trong một hoàn cảnh tương đối thuận lợi mà Ấn-độ từ trước đã không sốt sắng ủng hộ một phong trào tự trị tại Đông-Hồi dù biết rằng phong trào này sẽ làm suy yếu Hồi Quốc đi rất nhiều.

Mãi gần đây với cuộc đàn áp dã man của nhà cầm quyền Tây-Hồi đối với phong trào đòi độc lập Đông-Hồi, dân Bengali đã thực sự nổi loạn chống lại quân đội Tây Hồi, gần 10 triệu người (phần lớn theo Ấn-độ giáo) đã ồ ạt tản cư sang Ấn, gây cho Ấn-độ một gánh nặng quá sức chịu đựng. Quân du kích Bengali đã yêu cầu quân đội Ấn giúp đỡ để giải phóng quê hương họ. Chỉ khi đó, bà Thủ-tướng Gandhi mới dứt khoát có thái độ. Bà quyết nắm lấy cái cơ hội bằng vàng này để làm một công hai việc: Việc thứ nhất là chia cắt được Hồi-quốc, việc thứ 2 là che chở sườn phía Đông của mình bằng một quốc gia thân hữu, lấy cái cớ cầm thù chúng

CCCLXIII

tộc để xóa mờ bớt cái hố sâu tôn giáo và củng cố vị thế của Ấn-độ tiêu Á-lục.

Hành động của Ấn-độ có phải là một hành động xâm lăng ?

Nhìn vào những biến cố vừa qua, ai cũng phải nhận thấy là bà Gandhi đã hành động rất cương quyết, mau lẹ và rất đúng với quyền lợi của Ấn-độ.

Thâm tâm bà không hề có ý muốn xâm chiếm Hồi-quốc. Có lẽ, lúc đầu bà chỉ muốn thuyết phục nhà cầm quyền Hồi đừng có đối xử quá tàn tệ đối với các phần tử ái quốc Đông Hồi. Một sự đàn áp quá dã man (gần một triệu người chết) đã làm xúc động cả thế-giới và quyết định thái độ của bà đứng hẳn về phía kháng chiến quân. Trước thái độ đó, Tổng thống Hồi-quốc Yahia Khan không những không ngừng tay mà còn đàn áp mạnh hơn phong trào Awami. Tướng Yahia Khan còn định bắt chước Do-thái đánh phủ đầu trước, làm cho lực lượng khổng lồ của Ấn-độ (gấp 3 lần Hồi-quốc) phải tan rã ngay từ phút đầu. Bất đồ mưu sự không thành, Ấn - độ phản công lại trên khắp các mặt trận. Nhưng vì không chủ trương thôn tính Hồi-quốc mà chỉ muốn cho miền Đông Bengal trở về tay người Bengali nên bà đã ra lệnh cho quân đội Ấn chỉ đánh cầm chừng ở mặt trên phía Tây và Cachemire cốt sao đừng mất đất, còn thì dồn lực lượng hơn 200.000 quân với ưu thế không quân tuyệt đối,

về phía Đông để thanh toán hơn 10 vạn quân Hồi tại đây. Sau khi quân Hồi đầu hàng rồi, Ấn-độ cũng lại trao quyền cai trị miền Đông Bengal cho chính phủ Bangla Desh. Như vậy có thể bảo là Ấn-độ xâm lăng Hồi-quốc được không, khi mà Ấn - độ không có một chút tham vọng nào về đất đai và của cải của Hồi, khi mà biên-giới vẫn còn nguyên như cũ, chỉ có việc Đông Hồi tách rời ra khỏi Tây-Hồi thành một quốc gia độc lập trái hẳn với ý muốn của Hồi quốc.

Chính Hoa-kỳ, trong những văn thư trao đổi với Ấn-độ cũng không coi hành vi của Ấn-độ là một hành vi xâm lăng. Chữ «aggression» không hề được dùng tới như Hoa-kỳ đã dùng tới rất nhiều đối với Bắc-Việt.

Nhưng nếu không coi hành vi đó là xâm lăng thì người ta cũng không thể chối cãi được hành vi của Ấn-độ là một hành vi can thiệp vào tình hình nội bộ của một nước dù với một ý định tốt (giúp nhân dân chống bạo tàn).

Hành vi đó trái với Hiến-chương LHQ, vì nếu ở trên thế giới nước nào cũng tự cho mình quyền can thiệp vào công việc của một nước khác, giúp cho những phần tử nổi loạn của nước đó chiếm đất đai hoặc lũng đoạn chính quyền, thì làm gì còn có sự ổn định cần thiết ở trên mặt địa cầu này ?

Và lại, làm như thế Ấn-độ đã vi phạm 5 nguyên-tắc « sống chung hòa bình » mà chính Thủ-tướng Nehru, thân-phụ của bà Gandhi, đã ký ở Bandung năm 1955 (nguyên tắc thứ 3 : không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau) chính nhờ dựa trên 5 nguyên tắc này mà Ấn-độ đã có uy tín lớn lao trong thế-giới đệ-tam.

Vì thế cho nên tại Đại hội-đồng LHQ, 104 nước đã yêu cầu Ấn-độ ngưng tiến quân và sau đó rất dè dặt trong việc công nhận Bangla Desh. (Tuy nhiên cho tới nay đã có khoảng 20 nước công nhận tân quốc gia này trong đó có Ấn-độ, Bhutan, Nga-xô và tất cả các nước Cộng sản thân Nga-xô.) Ấn-độ biện bạch là giúp cho phong trào giải-phóng của người Bengali, nhưng sự giúp đỡ đó có hơi quá đáng. Liên đoàn Awami, tuy đã chiếm gần hết số ghế 167/169 dành cho Đông-Hồi tại Quốc hội trong cuộc bầu cử tháng 12-70, nhưng chưa có một cơ sở vững chắc trong quần chúng nông dân Hồi. Nó có nhiều ảnh hưởng trong giới tư sản thành thị cùng phú nông và vị lãnh tụ là Sheikh Mujibur Rahman, rất có uy tín, bị cầm tù ở Hồi - quốc vừa mới được phóng thích. Chính đảng quốc gia Awami mới thực sự nắm được nông dân. Đảng này khuynh tả và lãnh tụ của nó là ông Bashani đã hơn 80 tuổi, hiện đang bị cầm tù ở Ấn-độ. Có lẽ vì muốn đẩy mạnh cho Liên-đoàn Awami sớm có thực lực và đồng thời không cho đảng Awami phát triển mà Ấn-độ đã phải can thiệp ngay để đưa những người được mình che chở lên nắm chính quyền ở Dacca. Liên đoàn Awami, ôn hòa, có xu hướng chính trị gần giống như đảng Quốc-đại, chắc chắn sẽ làm yên lòng bà Gandhi hơn là đảng quốc-gia Awami trong đó có nhiều phần-tử quá khích, thân Mao. Các phần tử này chắc chắn

sẽ gây khó khăn nếu họ có công trong cuộc kháng chiến chống lại quân Tây Hồi và tự tạo cho mình một lực lượng đáng kể.

Giúp giải phóng như vậy là rất có lợi cho Ấn-độ. Kẻ bị thiệt là Hồi-quốc, vì từ thế-chiến II, đây là lần đầu tiên, một nước l qua phân và Hồi-quốc không có hy vọng gì dùng biện pháp quân sự để thu hồi lại phần đất và phần dân mà mình đã mất vì đất đó ở quá xa tầm tay của mình và dân đó cũng không còn muốn trở lại với mẫu quốc. Giữa 2 miền lại có sự cách biệt của một biên máu và sự bạo tàn của những kẻ chiếm đóng.

Mâu thuẫn giữa các đại cường trong vụ Ấn Hồi

Nhưng một điều khiến mọi người đều phải lưu ý nhất là thái độ rất trơ trẽn của 3 đại cường Mỹ, Nga, Trung Cộng Trước tiên, Nga là nước đã giật được Ấn-độ ra khỏi tay Mỹ. Nga đã đứng hẳn về phía Ấn trong cuộc tranh chấp Ấn Hồi nhất là từ sau cuộc hòa giải thành công ở Tackhent năm 1966, nhằm chặn đứng ảnh hưởng của Trung-Cộng. Từ đó Nga độc quyền trang bị cho quân đội Ấn và con đường xuống Ấn-độ. Đương đã rộng mở đối với Nga. Đảng Cộng sản Ấn thân Nga cũng được chỉ thị liên kết với đảng Quốc-đại của bà Gandhi để quyết đánh bại hẳn ảnh hưởng của phe Cộng sản thân Mao đang gây được một ít ảnh hưởng tại miền Tây Bengal trong đám quần chúng nông dân nghèo. Tuy thân Nga, nhưng bà

Gandhi vẫn không muốn đoạn tuyệt với Mỹ, chứng cứ là trong năm 1971 viện trợ kinh tế Mỹ cho Ấn-độ còn lên tới 160 triệu Mỹ kim.

Nhưng trong cuộc tranh chấp Ấn-Hồi này thì Ấn đã ngã hẳn về phía Nga vì Mỹ đã nhất định chống lại việc Ấn đem quân đánh Hồi. Mỹ là đồng minh của Hồi trong Minh ước SEATO và trong Minh-ước CENTO nhưng Mỹ đã tuyên bố rõ rằng lực lượng của SEATO chỉ can thiệp trong trường hợp Cộng-sản xâm lăng chứ không can thiệp trong trường hợp tranh chấp Ấn-Hồi. Hồi thấy rằng không thể trông cậy vào Hoa-kỳ được trong việc xung đột với Ấn, phải tìm một đồng minh khác chắc chắn hơn. Đồng minh đó chỉ có thể là Bắc-kinh vì Nga đã đi với Ấn rồi. Nga và Trung-Cộng lại bất hòa với nhau, vậy chỉ còn việc kết thân với Trung-Cộng là thượng sách.

Về phía Bắc-kinh, họ cũng thấy rằng Ấn-độ không thể đi với mình được vậy chỉ còn cách liên minh với Hồi để tạo thế quân bình ở Tiểu-Á, mặc dầu chế độ chính trị ở Hồi quốc là một chế độ quân phiệt. Thành ra vì nhu cầu thời cuộc mà một nước Cộng sản cực đoan liên kết với một nước quân phiệt độc tài, còn nước xã-hội chủ-nghĩa đầu tiên lại ủng hộ một nước phát triển theo đường lối tư bản. Nhận xét đó đã kéo theo nhiều nhận xét khác. Trong khi Bắc-kinh thừa nhận chế độ Sihanouk là một chế độ quân chủ nhưng lại gắn liền

với phong trào giải phóng, thì Mạc-tur-khoa vẫn duy trì liên lạc ngoại giao với chính phủ Lon Nol, là một chính phủ do Mỹ đưa lên và dĩ nhiên là chống Cộng Nhìn sang cuộc xung đột Ấn Hồi, Nga hết mình ủng hộ Ấn-độ thành lập nước Cộng-hòa nhân dân Bangla Desh, một quốc gia được thành lập theo đúng nguyện vọng của nhân dân Đông Hồi, dù nó không hoàn toàn cách mạng, nhưng nó cũng không thể là một chính thể «phản động». Thế mà Bắc-kinh đã thỏa m nó, coi nó như là bù nhìn của Ấn-độ.

Sở dĩ có những thái độ trái ngược nhau như vậy là vì những phong trào giải phóng ở nơi này hay ở nơi kia chịu ảnh hưởng của Bắc-kinh hay của Mạc-tur-khoa.

Còn Mỹ thì sao ? Vì nhu cầu của tình thế mà Hoa-thịnh-đốn bắt buộc phải đứng cùng một chiến tuyến với Bắc-kinh, bên vực Hồi-quốc chống lại Nga và Ấn-độ.

Mỹ không muốn làm mất thế quân bình ở tiểu lục-địa Á-châu, có lợi cho một phe nào. Nga mà giúp Ấn-độ thì chắc chắn là Ấn sẽ thắng Hồi và thế quân bình sẽ sụp đổ, nên Mỹ bắt buộc phải can thiệp bằng cách này hay bằng cách khác để Nga và Ấn không thể nuốt trôi được Hồi quốc. Một mình Mỹ làm không xong, phải có Trung-Cộng cùng làm mới được mặc dầu mỗi nước làm một khác. (Mỹ đưa hạm đội 7 vào Ấn-độ

dương. Trung Cộng đưa quân đến biên giới Ấn. Tại LHQ, những quyết nghị của Mỹ đưa ra về vấn đề này đã được Trung Cộng hậu thuẫn và Nga-sô phủ quyết).

Mỹ thực tình không muốn ủng hộ những phong trào giải phóng dân-tộc, dù nó đỏ choé như ở V.N. hoặc chỉ hơi hồng hồng như ở Bangla Desh, nhất là phong trào giải phóng Đông Hồi do Ấn-độ hậu thuẫn và chỉ có mục đích làm cho Hồi quốc bị tan rã. Ở trong thế đồng minh với Hồi, Mỹ không muốn chấp nhận sự chia cắt trái với ý muốn của chính phủ Hồi-quốc.

Thành ra từ hai quan điểm khác nhau, một nước trùu tư bản và một nước Cộng sản cực đoan nhất đã đi đến hiệp ý với nhau trong việc bênh vực Hồi-quốc.

Trong giai đoạn hiện tại, Nga là nước đang nâng thế ở Tiều-Á. Nhưng Bắc-kinh đã nắm vững được Hồi-quốc hơn. Ông Bhutto, nhân vật thân Trung-Cộng, đã lên làm Tổng-thống và đang sửa soạn biến chế độ chính trị tại Hồi quốc thành một chế-độ dân-chủ nhân-dân, còn phe Cộng-sản thân Mao ở Bengal chắc chắn đang có những hoạt động ngầm để gây thế lực ở phía bên kia biên giới.

Chỉ có Mỹ là thiệt thòi vì không những mất ảnh hưởng ở Ấn-độ mà còn mất ảnh hưởng ở cả Hồi-quốc nữa. Ấn-độ chắc không thể quên được thái độ không thân thiện của Hoa-kỳ trong cuộc chiến vừa qua và

sẽ nhìn cuộc công du Hoa-lục của Tổng-thống Nixon bằng một con mắt ngờ vực.

Một hậu quả đầu tiên của thái độ bất thân thiện của Ấn-độ đối với Hoa-kỳ, liên quan trực tiếp đến Việt-nam, là việc Ấn-độ đã nâng Tòa Tổng Lãnh-sự Bắc-Việt ở New Delhi lên hàng Đại-sứ-quán trong khi tòa Tổng Lãnh-sự V.N.C.H. vẫn giữ nguyên vị. Việc này, tuy Ấn-độ đã sửa soạn từ 2 năm trước nhưng mãi đến nay mới thực hiện để tỏ thái độ với Hoa-kỳ, mặc dầu VNCH tỏ ra rất thận trọng đối với Ấn-độ, nhất là trong vụ xung đột Ấn-Hồi. Để trả đũa, Mỹ đã quyết liệt cảnh cáo Ấn đã dõ dàu cho nước Bangla Desh ra đời, Ấn cũng quyết liệt cảnh cáo Mỹ phải chấm dứt can thiệp ở Đông Dương bằng cách chính thức thừa nhận chế-độ Hà-nội. Việc này cũng nằm trong chiến dịch kéo thêm Bắc-Việt nhích lại một chút về phía Nga giữa lúc Nixon đang ráo riết sửa soạn cuộc Hoa-du.

Thái độ của người dân VN đối với việc thành lập quốc-gia Bangla Desh

Trước hết, chúng tôi xin tránh nói đến thái độ của chính quyền vì ngay từ đầu, chính quyền VNCH vẫn giữ một sự im lặng rất dè dặt và tế nhị. Ở đây tôi chỉ muốn nói tới thái độ của người dân đối với việc thành lập một tân quốc-gia cũng ở trong khu vực Đông-Nam-Á, thuộc vào loại đông dân cư nhất (thứ 8 trên thế giới) và cũng nghèo nhất.

Trước kia, khi nói tới Hồi quốc, phần nhiều ai cũng chỉ nghĩ tới miền Tây của nước này. Bởi vì diện tích của nó rộng gấp 8 lần miền Đông (850.000 km²), trong khi dân số của nó chỉ bằng non nửa (6 triệu).

Từ khi người Anh thành lập Hồi- quốc bằng 2 mảnh cách xa nhau cả một lục địa Ấn-độ (1947), thì mầm chia rẽ đã xảy ra giữa 2 miền Đông Tây. Thủ-đô và nền hành chính Trung-ương đều đặt ở miền Tây. Tất cả những gì khai thác được ở miền Đông đều để làm giàu cho miền Tây. Miền Đông sản xuất và xuất cảng đay, thu về cho chính phủ 43% ngoại tệ, nhưng lợi tức lại chỉ để xây cất ở miền Tây. Miền Tây coi miền Đông như một thuộc địa để khai thác. Miền Đông lại có sức sinh sản dễ sợ: dân số tăng 3% mỗi năm. Năm 1960: 55 triệu, năm 1971: 75tr. 1980 sẽ lên tới 95 triệu, 80% dân chúng sống ở đồng bằng sông Gange, mật độ dân cao nhất thế giới và lợi tức cũng vào bậc thấp nhất thế giới, chỉ bằng một nửa lợi tức của người dân Tây-Hồi. Nông dân chiếm 95% dân số, sống tập trung trong 60.000 làng, vì quá nghèo đói nên đã có xu hướng di cư bớt lên các thị xã lớn như Dacca, Khulna, Chittagong. Sản xuất gạo mỗi năm còn thiếu 2 triệu tấn để cung ứng cho nhu cầu. Cả miền Đông chỉ có 6000 nhà thương trong khi miền Tây có tới 26.000. Một tình trạng bất công như vậy làm sao không gây ra phong trào chống đối và ly khai? Có người cho rằng chẳng cần gì phải có sự can thiệp của Ấn-độ, sớm muộn gì Đông-Hồi cũng sẽ

tách ra khỏi Tây Hồi bằng một cuộc Cách-mạng đẫm máu. Nhưng có điều là càng đề muộn bao nhiêu, phe tả càng dễ thắng thế bấy nhiêu. Đó cũng là một nguyên do mà Ấn-độ muốn can thiệp gấp trong khi Bắc-kinh thì lại phản đối vì chưa chuẩn bị xong lực lượng.

Nhân dân VN bị áp bức bóc lột từ lâu, dĩ nhiên là phải nhìn công cuộc giải phóng Đông Hồi và sự thành lập Cộng-hòa nhân-dân Bangla Desh bằng một con mắt thiện cảm miễn là những người lãnh đạo phong trào giải phóng đó đừng quá ỉ lại vào ngoại bang để biến nước này thành một chư hầu cho những tham vọng quốc tế.

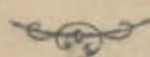
Nhưng từ nay cho tới ngày Bangla Desh có một chỗ đứng vững vàng trên võ đài quốc tế, họ cũng còn gặp nhiều chông gai cản trở vì nhiều nước không muốn thừa nhận Bangla Desh như trước kia quốc-tế đã không thừa nhận Mãn-châu-quốc do Nhật lập ra. Bangla Desh phải có một sức sống đặc biệt, tự lực tự cường, các nhà lãnh đạo của họ phải hết sức khôn khéo và tài ba để đừng đi vào vết xe của bao chính phủ bù nhìn mà các cường quốc đã lập ra để phục vụ lợi ích của họ. Thời gian thử thách đó có vượt qua được thì chắc chắn Bangla Desh sẽ đóng được một vai trò quan trọng trong khu vực phát triển Đông-Nam-Á và thế giới không thể nào không biết đến một quốc gia đông dân cư có một sức sống riêng biệt và mạnh mẽ như dân tộc Việt-Nam chúng ta. Như ở trên đã nói xứ Bengal đã là một thực thể quốc gia và đã có một lịch sử lâu dài.

Nhà Xuất-Bản LÁ-BỐI

Giám-đốc sáng lập : Nhất-Hạnh

Lô O, số 121 Chung-Cur Minh-Mạng — Saigon 10

SÁCH MỚI



● NẸO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất-Hạnh

Cuốn sách THIỀN của tác giả Phật-học thâm-quyền

● NGUỒN - GỐC MÃ - LAI

CỦA DÂN - TỘC VIỆT - NAM

biên khảo của Bình-Nguyên-Lộc

Một công trình học hỏi 20 năm của tác giả và 6 năm hoàn thành. Tác phẩm «bác bỏ tất cả những sai lầm từ cổ chí kim, kể cả cuộc nghiên cứu về văn minh Đông-Sơn».

Sách dày nhất trong năm 1971 được sự tín nhiệm của độc giả qua 4 tuần phát hành. (Lá-Bối Tổng phát hành).

● THIỀN HỌC TRẦN THÁI TÔNG

của Nguyễn-đăng-Thục

(Lá Bối Tổng-phát-hành)

Mua sách tại Lá-Bối được trừ hoa hồng. Luôn luôn bày bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gởi sách cho bạn đọc ở các nơi không có sách bày bán, qua bưu điện. Viết thư đề cho

Ông VÕ-THẮNG-TIỆT

Phụ nữ Việt-nam trong cộng-đồng dân-tộc

Vang bóng một thời

Tục truyền rằng ngày xưa ngày xưa, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra 100 cái trứng, nở ra được 100 người con. Sau Long Quân bảo :

— Ta là loài rồng, sinh-trưởng ở thủy-tộc ; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm-dương hợp lại mà có con nhưng phương-viên bất-đồng, thủy-hỏa tương-khắc, khó mà ở cùng nhau trường-cửu. Bây giờ phải ly-biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy phủ phân-trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai-trị, dù lên, nới xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ-giã mà đi. Âu Cơ cùng với năm mươi người con trai ở lại Phong Châu (bây giờ là huyện Bạch Hạc) tự suy-tôn người hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương (1).

Người đàn bà đầu tiên trong lịch sử dựng nước của dân tộc mang một hình ảnh vừa mỹ miều vừa nên thơ... như tiên. Còn sự kiện bà Âu Cơ tôn người con trưởng lên làm vua không biết có phải tượng trưng cho giai đoạn mới, giai đoạn mạnh mẽ của chế độ ph. g-kiến và phụ-quyền hay chăng ?

Theo Louis Finot (2), nước Văn Lang khi bị người Tàu xâm lăng (ở thế kỷ thứ III và II trước TC) tổ tiên ta vẫn sống theo chế độ mẫu hệ. Con cái chỉ biết có mẹ. Tất cả quyền hành gia đình đều nằm trong tay người mẹ. Lại có tục khi chồng chết, người đàn bà sẽ tái giá với anh hoặc em của chồng (lévirat). Quan điểm cùng công trình khảo cứu của Louis Finot về sau được nhiều sử gia và học-giả Việt-Nam đồng ý (3). Hiện nay ở miền thượng du, dọc theo dãy Trường sơn vẫn còn nhiều nhóm người Việt thiểu số sống trong tình trạng gia đình mẫu hệ.

Ở miền xuôi, trước đây có tục gả rề và mua vợ. Ông Trương Tửu cho rằng đó cũng là dấu vết còn sót lại của gia tộc mẫu hệ. (4)

(1) Theo « Lĩnh-nam chích quái » của Trần Thế Pháp, bản dịch Lê Hữu Mục, nxb Khai trí, Sg. 1961 tr. 44.

(2) Louis Finot, « Les grandes époques de l'Indochine », Bulletin de la S.E.M. du Tonkin, n^o 2, pp. 281-287

(3) Đào Duy Anh, Việt-Nam văn-hóa sử cương », nxb Bốn Phương Sg. 1951, tr. 105 Trương Tửu « Kinh thi Việt-Nam », nxb Liên Hiệp, Sg. 1950, tr. 106. Trần Quốc Vương Hà-Văn Tấn, « Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam », nxb Giáo Dục, HN 1960 tr. 67.

(4) Trương Tửu, sdd, tr. 107-118.

Trong các huyền thoại của dân tộc ta, những chứng tích về tình trạng xã hội trên đây còn in dấu lại rất nhiều (1): Bà mẹ Thánh Gióng vì đã ướm thử vào dấu chân gập trên đường mà mang thai (2). Mẹ Lý Ông Trọng cũng thế (3). Truyện miền núi cũng kể rằng người mẹ vì uống nước ở một vũng chân voi nên có mang đẻ ra nàng Tóc Thơm (4). Mẹ Đạm Đông và Đạm Pha ăn quả dưa chuột nhật được trên rừng mà đẻ ra hai chàng (5). Chàng Trăng thì được mẹ mang thai trong một đêm nằm mơ thấy có con thỏ bạch nhảy qua nhảy lại trên ngực (6) v.v.

Tất cả những nhân vật trên đây đều đã sinh ra không có cha. Hay nói đúng hơn, không biết cha mình là ai. Điều đó thiên nhiên có thể hiểu được. Bởi vì thuở ấy cổ nhân còn sống trong tình trạng «ăn lông ở lỗ», đói có trái rừng, khát uống nước suối, khi cần thì gặp nhau làm tình rồi đường ai nấy đi. Cho nên lúc sinh ra, đứa con chỉ biết có mẹ và lớn lên bên cạnh mẹ.

Thế rồi đời sống du mục nay đây mai đó chuyển dần sang đời sống nông nghiệp phôi thai. Tất cả những người có cùng một dòng họ mẹ định cư và cùng sống dưới một mái nhà. Người em trai của mẹ sẽ phụ giúp việc dạy dỗ đàn cháu. Và tất cả tài sản kiếm được là của đại gia tộc. Người đàn bà làm việc nhiều hơn đàn ông, nào cày cấy, chăn nuôi, may vá, nấu nướng... Bởi vậy họ có nhiều uy quyền. Còn đàn ông thì địa vị thấp kém; có khi phải về nhà mẹ mình

mà ở và hằng ngày chỉ đến thăm vợ vào lúc ăn cơm hoặc buổi tối (7).

Dần dà đời sống nông nghiệp mỗi ngày một phát triển. Nhưng đàn bà phần vì sức khoẻ kém, phần vì trở ngại bởi việc sinh sản nên cần đến đàn ông phụ giúp nhiều hơn nữa. Do đó đàn ông bỏ dần công việc săn bắn, chài lưới và tiến đến chỗ đóng vai trò chính trong việc canh tác cùng chiến đấu với các bộ

(1) Trong bài nói chuyện «Xã hội và văn minh thái cổ Việt Nam» tại tỉnh đường Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn và được đăng lại trên tạp chí Bách Khoa số 344 ngày 1-5-1971, ông Trần Ngọc Ninh bảo rằng «Trong những truyền thuyết để lại, không có một hình tích nào» chứng tỏ nước ta trước đây theo chế độ mẫu hệ. Và theo ông «đó là một điều đã được bày đặt ra bởi một nhà viết sử theo Marxisme một cách máy móc đã khẳng định như thế...» (tr 33)

Chúng tôi tự hỏi khi viết «một nhà viết sử», không biết ông muốn ám chỉ ai? Vì lẽ những người chủ trương rằng xưa kia nước ta theo chế độ mẫu hệ thì có nhiều lắm. Và chẳng lẽ tất cả những người chủ trương như thế đều «theo Marxisme một cách máy móc» cả ư?

Lại nữa, điều mà ông bảo «trong truyền thuyết để lại, không có lấy một hình tích nào» thiên nhiên cũng thật là võ đoán.

(2) Trần thế Pháp, sđd, tr. 55

(3) Nguyễn Đồng Chi, «Kho tàng cổ tích Việt Nam», t. II, nxd Khoa Học, HN 1963, tr. 166

(4) Tô văn Học Dân Gian, «Truyện cổ tích dân gian Việt Nam», t. III, nxb Văn Hóa, HN 1964, tr 62

(5) Sđd, tr. 220

(6) Sđd, tr. 255,

(7) Trương Từu, sđd, tr 58

lạc khác. Đồng thời với sự gia tăng sức sản xuất, địa vị của đàn ông cũng thay đổi theo. Bây giờ người đàn ông đã có tài sản và sẽ dùng lễ vật đi mua vợ đem về nhà mình. Ai có lễ vật nhiều hơn hoặc nhanh chân hơn thì được vợ (Phải chăng huyền thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh, ngoài việc giải thích về hiện tượng nước lụt, còn bao hàm luôn sự kiện xã hội này?)

Từ đó đàn bà lấy chồng phải theo chồng. Con cái lấy họ cha và phải phục tùng uy quyền người cha. Người đàn bà thu mình dần vào trong những công việc nhà như nuôi nấng đàn con, lo chuyện bếp núc, giặt giũ, chăn nuôi, dệt vải v.v... Trái lại đàn ông đảm đang phần lớn những việc canh tác nặng nhọc, cai quản hết mọi người trong gia đình. Địa vị này của đàn ông đưa dần xã hội vào chế độ phụ hệ. Và có lẽ cho đến khoảng đầu Tây lịch kỷ nguyên, xã hội Việt Nam mới thực sự đi sâu vào chế độ phụ quyền dưới sức thống trị và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa.

Những ngày làm than

Trong một chương nói về « Dân chúng Việt Nam và Nho giáo » ở quyển *Kinh thi Việt Nam*, ông Trương Tửu đã mỉa mai rút ra từ đạo Nho một « bảng giá trị ». Trong đó có bà điềm liên quan đến thân phận của người phụ nữ như sau:

1. Tôn trọng quyền đàn ông và áp chế quyền đàn bà (*Thuyết nam ngoại nữ nội, nam nữ hữu biệt, nam nữ bất đồng tịch*).

2. Tôn trọng quyền chồng và đàn áp quyền vợ (*Thuyết tam tông, sự thuyết trinh tiết, cấm cải giá, luật thất xuất*).

3. Tôn trọng lý tính và tởa chiết tình cảm của bản năng (*Thuyết « quân tử và tiểu nhân» — Thuyết quả dục*) (1).

Đó là 3 cái ách đè nặng trên cuộc đời của người phụ nữ Việt Nam. Ngay từ khi sinh ra, đứa bé gái bị xem là kém cỏi, yếu đuối, thấp hèn và rồi đây, suốt đời chỉ còn biết nương tựa vào đàn ông. Nó kém đến nỗi mười phụ nữ cũng chưa bằng một đấng nam nhi (*nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô*). Bởi vậy đàn bà con gái bị khinh ra mặt. Người ta chê « đàn bà lắm chuyện ». Người ta bảo « đàn bà biết gì » ! Thậm chí đàn bà lại còn mang tiếng xấu là « khó dạy » (phụ nhân nan hóa) và bị coi là vật tội lỗi, ô uế. Ra ngõ gặp gái xui lắm. Cho nên phụ nữ chẳng bao giờ được phép dự vào những công việc tế tự và xã hội. Chả trách cha mẹ chỉ quý con trai (nam tôn nữ ti) và xem con gái như là người ngoài gia đình (nữ nhân ngoại tộc) :

Con gái là con người ta,

Con dâu mới thật mẹ cha đem về.

Trong khi con trai được chiều chuộng, cho ăn học để chuẩn bị tương lai sự nghiệp thì con gái cứ phải, quanh quẩn ở xó bếp để thái khoai, băm bèo, quét nhà, rửa chén

(1) *Sđd*, tr. 77-78.

bế em... Nếu có được dạy dỗ thì cũng đại khái theo một tinh thần giáo dục sau đây :

Con ơi ! Mẹ bảo con này,
 Học buôn học bán cho tầy người ta.
 Con đừng học thói chua ngoa,
 Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.
 Dù no dù đói cho tươi,
 Khoan ăn bớt ngủ liệu bài lo toan.
 Phòng khi đóng góp việc làng,
 Đồng tiền bát gạo sửa sang cho chồng.
 Trước là đặc nghĩa cùng chồng,
 Sau là họ mạc cũng không chê cười.
 Con ơi, nhớ bấy nhiêu lời !

Hoặc :

Chồng giận thì vợ bớt lời,
 Cơm sôi nhỏ lửa, một đời không khê.
 Con cuốc kêu khặc khoải mùa hè,
 Làm thân con gái phải nghe lời
 chồng.
 Sách có chữ rằng « phu xướng phụ
 tòng »,
 Làm thân con gái lấy chồng xuất gia.

Về đến nhà chồng, nàng lại được
 chồng dạy dỗ thêm :

Từ khi em về làm dâu
 Anh thì dặn trước bảo sau mọi lời,
 Mẹ già dữ lắm em ơi.
 Nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn lời mẹ cha,
 Nhịn cho nên cửa nên nhà
 Nên kèo nên cột nên xà tầm vông.
 Nhịn cho nên vợ nên chồng
 Thời em coi sóc lấy trong cửa nhà
 Đi chợ thời chớ ăn quà

Đi chợ thì chớ rề rà ở trưa
 Dù ai bảo đợi bảo chờ,
 Thời em nói dối con thơ em về.

Bấy nhiêu lời nữ huấn không ngoài
 mục đích dạy cho người đàn bà biết
 hầu hạ chồng và quán xuyến công
 việc nhà chồng. Bồn phận làm vợ
 thật là nặng nề : Nào là phụng
 dưỡng cha mẹ chồng, chiều chuộng
 anh em chị em chồng, thức khuya
 dậy sớm lo cho con cái, có khi lại
 còn phải tần tảo nuôi chồng ăn học.
 Rồi nào giỗ, tết, khao vọng, ma chay,
 việc làng việc họ... cũng ở một tay
 người vợ. Đúng là « lấy chồng gánh
 vác giang sơn nhà chồng » !

Bồn phận của người vợ nặng nề
 như thế nhưng quyền lợi xem ra
 chẳng có gì. Người đàn bà mang
 tiếng là được cùng chồng quản trị
 gia tài và giám sát đàn con nhưng
 thực tế lại chẳng khác nào như một
 người quản gia và một chiếc máy để.
 Quyền lợi đó cũng sẽ bị mất hẳn nếu
 chồng chết mà người đàn bà lại đi
 lấy chồng khác. Đến như con của mình
 mà lỡ đã tái giá rồi, người mẹ cũng
 không có quyền thăm viếng, săn sóc
 nữa. Chúng ta hãy xem cái cảnh một
 người phải lén lút thăm con :

« Mẹ tôi bảo tôi ra lối cổng ; tôi vừa
 định làm theo, mẹ tôi lại gọi giật lại :

— Thôi đừng đây vậy, con ạ. Ra
 cổng, bà và chú biết mất.

Nói xong, mẹ tôi khẽ đưa một tay
 qua hàng rào, ấn sang bên phải ấn sang
 bên trái. Qua cái lỗ hồng đó, hai mẹ

con tôi nói chuyện với nhau. Mẹ tôi đưa tay ra cho tôi. Hai mẹ con tôi nắm chặt lấy cổ tay nhau. Mẹ tôi như cố kéo tôi ra ngoài hàng rào, trái lại tôi muốn lôi mẹ tôi vào trong khu vườn. Hai mẹ con cứ yên lặng như thế một lúc lâu chẳng biết nói gì với nhau...

Trời đã nhá nhem tối. Tôi cố hết sức trợn hai mắt để nhìn mẹ tôi, nhưng tôi không nhận được rõ. Tôi kéo gần, kéo gần mãi mẹ tôi tới hàng rào. Nét mặt mẹ tôi vẫn lơ mơ trong bóng chiều. Mẹ tôi cũng cố nhìn tận mặt tôi, nhưng rồi mẹ tôi buông tay tôi ra mà sờ sờ trên đầu tôi, trên má tôi. Tôi yên lặng ngồi để mẹ tôi vuốt ve như thế. Tôi sung sướng quá đến nghẹn ngào trong cổ. Tôi nhìn mặt mẹ tôi, lơ mơ y như qua một miếng vải đen mỏng người ta phủ lên mà tôi đã thấy cái ngày cô tôi chết» (1).

Đi sâu vào đời sống tình cảm và hôn nhân của phụ nữ Việt Nam chúng ta lại còn gặp nhiều bi thảm hơn nữa. Người con gái nào lớn lên lại chẳng ôm ấp trong lòng một mối tình. Thứ tình cảm ấy có thể đã nảy nở vào một buổi sáng đi hái dâu :

Sáng ngày tôi đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,

Hay vào một buổi chiều cắt cỏ bên
đường :

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho tôi cắt với chung tình làm đôi,
Cô còn cắt nữa hay thôi,
Cho tôi cắt với làm đôi vợ chồng.

Thế rồi những lời bóng gió bâng quơ ấy có thể đâm bông kết trái thành thứ tình cảm mặn nồng tha thiết :

Nhớ chàng như nhớ lạng vàng,
Khát khao về nét mơ màng về duyên
Nhớ chàng như bút nhớ nghiên
Như mực nhớ giấy như thuyền nhớ sóng
Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ như rồng nhớ mây.

Và lắm lúc đi đến độ đam mê cùng cực :

Một thương hai nhớ ba sầu,
Cơm ăn chẳng được ăn trầu ngậm hơi
Thương chàng lắm lắm chàng ơi !

Nhưng yêu nhau đâu phải bao giờ cũng được lấy nhau mà còn phải tùy quyền cha mẹ. Cha mẹ «đặt đâu ngồi đấy». Song cha mẹ lúc nào cũng muốn nơi «môn đăng hộ đối», ham danh ham giá, tham của tham giàu.

Cũng vì cái nạn ép duyên con mà nhiều phụ nữ Việt Nam đã phải chịu lắm nỗi đắng cay trong cảnh làm lẽ và tục tảo hôn. Khi thì cha mẹ hai bên hứa hôn từ lúc đôi trẻ đang còn nằm trong bụng mẹ. Lại có khi chú rể mới chín mười tuổi, mũi giải còn lòng thòng mà cô dâu thì đã mười sáu, mười bảy tuổi. Tại sao lại có cái cảnh oái oăm như thế ? Thừa rằng «Vì nhà trai giàu có cần người làm, cưới con dâu về để làm thay đầy tớ. Gia dĩ, cha mẹ cô dâu lại nghèo, gả con thì được

(1) «Làm lẽ» của Mạnh Phú Tứ, dẫn lại trong Nhà Văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan nxb Thăng Long, SG 1960, tr. 874-875.

món tiền thách cưới, nên tuy biết rằng gả con như vậy, con sẽ không được hưởng ngay hạnh phúc gia đình, nhưng bố mẹ cũng cứ gả. Rất nhiều trường hợp về nhà chồng, vợ tối tối phải đưa chồng đi rửa chân rồi bế chồng đi ngủ». (1) Buồn cười nhất là cái cảnh:

Mùa đông tháng giá nó nằm co trong lòng.

*Cũng đã mang là gái có chồng,
Chín đêm trực tiết năm không cả mười.
Nói ra sợ chị em cười,
Má hồng bỏ quá thiệt đời xuân xanh.
Em cũng liêu mình về thằng bé trẻ ranh,
Đêm nằm sờ mó quần quanh cho nó đỡ buồn.*

*Buồn tình em lại bế thằng bé nó lên,
Nó còn bé mọn đã nên cơm cháo gì.
Nó ngủ nó đánh tí tí
Một giấc đến sáng còn gì là xuân!*

Thân phận của những cô gái làm lẽ cũng chẳng hơn gì:

*Lấy chồng làm lẽ khờ thay,
Đi cấy đi cày chị chẳng kể công,
Tối tối chị giữ mát chồng,
Chị cho manh chiếu nằm không nhà ngoài
Sáng sáng chị gọi bớ hai,
Trở dậy nấu cám thái khoai đấm bèo.*

Trong cảnh làm lẽ ấy người phụ nữ chẳng khác nào như một tên đầy tớ không công. Nhưng khờ thay hoặc vì gia đình nghèo khó, hoặc vì ham giàu, hoặc vì lầm lỡ, hoặc vì không chịu nổi cảnh góa bụa mà người phụ nữ đành phải dấn thân vào cuộc đời

hầm hiu. Lắm lúc năm bảy người cùng chịu chung cái cảnh hầu hạ một người đàn ông:

*Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu.
Vợ cả pha nước tèm trâu chàng xoi,
Vợ hai trái chiếu chia bài,
Vợ ba coi sóc nhà ngoài nhà trong,
Vợ tư trái chiếu quạt mừng,
Vợ năm thức dậy trong lòng xót xa,
Chè thang cháo đậu bưng ra,
Chàng xoi một bát kéo mà công lênh.*

Trong năm người đàn bà chúng ta vừa thấy, số phận của họ chẳng tốt đẹp gì. Họ đều phải chịu chuộng quy lụy ông chồng, đều phải cạnh tranh để dành dặt tình cảm và đều mất phẩm giá như nhau.

Nhưng làm vợ lẽ đã vậy, làm nàng hầu hại còn tệ hơn nữa. « Lấy vợ lẽ thì phải nộp cheo, còn mua nàng hầu thì không cần một lễ nghi gì, nàng hầu cũng ví như một món hàng, mua bán xong là xong! » (2) Người vợ lẽ đẻ con, con còn được kêu mình bằng mẹ chứ con nàng hầu thì phải dùng tiếng mẹ cho bà vợ cả và gọi mẹ ruột là cô. Thậm chí có nhiều nàng hầu chẳng mấy khi được chồng đoái hoài tới. Cho nên rúc cục họ đúng là thứ đầy tớ gái do người vợ cả bỏ tiền mua về để làm những việc nặng nhọc trong nhà.

Có điều dù là vợ cả, vợ lẽ hay nàng hầu thì người phụ nữ Việt Nam cũng

(1) Toan Ánh, «Nếp cũ», nxb Nam Chi Tùng Thư, SG 1965, tr. 189.

(2) Toan Ánh, Sđd, tr. 188.

đã phải kéo dài suốt một đời tối tăm dưới sự áp chế độc tài và bất công của đàn ông.

Chỉ có đàn ông là toàn quyền trong gia đình, từ quyền nắm thê bầy thiếp, bài bạc chèn chén đến quyền... bỏ vợ. Còn người vợ sẽ bị chồng đuổi ra khỏi gia đình nếu phạm phải một trong bảy trường hợp sau đây:

1. Không con (vô hậu)
2. Dâm dật
3. Không thờ cha mẹ chồng (bất sự cậu cô)
4. Lảm lời (khẩu thiệt)
5. Trộm cắp (đạo thiết)
6. Ghen tuông (đố kỵ)
7. Có bệnh tật hiểm nghèo (ác tật)

Trong bảy trường hợp đó, trường hợp người đàn bà bị chồng bỏ vì không có con hoặc mang bệnh tật ngặt nghèo xem ra thật vô lý và đã man. Làm đàn bà ai lại chẳng muốn có con. Kê nào lại chẳng muốn lành mạnh? Thế mà người ta lại dựa được vào những điều như thế để đuổi một người đàn bà ra khỏi gia đình nhà chồng! Cho hay với bảy lý do vừa kể, bất cứ lúc nào người chồng cũng có thể tìm ra lý lẽ để bỏ vợ. Một khi không còn yêu thích nữa, người chồng chỉ việc viết vài chữ «cho về lấy chồng khác» hay «Phú về cha mẹ vợ.» Thế là xong. Chẳng cần đến cửa công mà cũng không có pháp luật nào xét xử việc ấy.

Thật mỉa mai thay, các đặc quyền

đó chỉ dành riêng cho đàn ông. Còn đàn bà thì không bao giờ được bỏ chồng, dù người chồng đó có tồi tệ cách mấy.

Chồng tôi nó chẳng ra gì.

Tở tôm xóc đĩa nó thì chơi hoang.

Nói ra xấu thiếp hổ chàng,

Nó đánh, nó chửi tan hoang cửa nhà.

Ông chồng có quyền đánh vợ, lỡ tay có đánh chết cũng chẳng sao. Chồng lại có quyền hoa nguyệt đủ điều nhưng vợ thì không được phép như thế. Lúc còn con gái lỡ có chửa hoang, thế nào cũng bị cha mẹ từ, làng nước phạt vạ. Lấy chồng rồi mà vụng trộm với người khác khiến chồng bắt được thì hoặc bị «gọt gáy bôi vôi» (1), hoặc bị «thả bè chuối trôi sông» (2).

Bởi vậy việc giữ gìn tiết hạnh của phụ nữ là việc hết sức quan trọng. Chồng chết mà nghèo đói không nương tựa cũng phải thủ tiết thờ chồng. Bởi vì chết là việc nhỏ mà thất tiết mới là việc lớn (Nhiên tử sự cực tiểu, thất tiết sự cực đại).

Phản ứng tiêu cực

Chúng ta biết rằng hầu hết phụ nữ Việt Nam vốn có tính nhẫn nại, đảm đang và biết hy sinh tất cả cho chồng cho con. Các cô khi chưa lấy chồng

(1) Người đàn bà phạm tội ngoại tình sẽ bị cạo tóc phía sau đầu hoặc cạo trọc hẳn rồi bôi vôi vào gáy, dẫn đi khắp làng chửi thiên hạ phỉ nhổ, bêu riếu.

(2) Tội nhân bị cột chặt trên một bè chuối rồi thả trôi sông cho đến chết.

thì làm duyên làm dáng đủ điều vậy
mà lấy chồng rồi thì :

*Chưa chồng nón thúng quai thao,
Chồng rồi nón rách quai nào thì quai.
Chưa chồng yếm thắm đeo hoa,
Chồng rồi hai vú bỏ ra tay giành.*

Bây giờ nàng chỉ còn biết có chồng
và suốt ngày quán xuyến công việc
nhà chồng. Trống đêm canh hai còn
ngồi dệt cửi, sang canh năm đã trở
đậy rón rén thức chồng :

*Canh một dọn cửa dọn nhà,
Canh hai dệt cửi canh ba đi nằm,
Canh tư bước sang canh năm :*

— *Trình anh dậy học chớ năm làm chi.*

*Nửa mai chúa mở khoa thi,
Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh.
Nếu chồng đi học ở xa nàng sẽ :
Mùa hè cho chỉ mùa đông,
Mùa nào thức ấy cho chồng ra đi.
Hết gạo thiếp lại gánh đi,
Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao.
Hỏi thăm đến ngõ thì vào,
Tay đặt gánh xuống miệng chào : Thưa
anh.*

Nàng lại còn dành ăn nhịn tiêu
đề sấm bút sấm nghiêm cho chồng :

*Quả cam nho nhỏ, cái vỏ vân vân,
Nay anh học gần, mai anh học xa,
Tiền gạo thì của mẹ cha,
Cái nghiên cái bút thật là của em
Em là con gái Phụng Thiên,
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng.
Nửa mai chồng chiêm bảng rông,
Bõ công tâm tưới vun trồng cho rau.
Cho nên không những trong sinh
hoạt kinh tế mà ngay đến sinh hoạt*

văn hóa, phụ nữ Việt Nam cũng đã
gián tiếp đóng một vai trò quan trọng.
Biết bao đấng nam nhi đã nhờ vợ tần
tảo nuôi cho ăn học mà nên người
danh giá. Cái cảnh tượng ấy trước
đây không phải là hiếm trong xã hội
Việt Nam. Đó là một xã hội đặt trên
nền tảng nông nghiệp nên hầu hết các
kẻ sĩ đều xuất thân từ giai cấp nông
dân và mớ chữ nghĩa mà họ đã hấp
thụ được chắc chắn cũng đã phải
trông cậy rất nhiều ở những mảnh
đất hoa màu và ở các bà nội trợ
đảm đang.

Nhưng tất cả công lao cùng sự đóng
góp tích cực của người phụ nữ trong
trong chế độ phụ quyền đã không được
đền đáp một cách xứng đáng. Họ
không có một địa vị gì quan trọng
trong xã hội. Đã thế lại còn bị áp bức
đủ điều và bị dành cho đủ thứ bất
công. Do đó phụ nữ không còn chịu
nổi và đã phải phản ứng lại. Trước
hết họ phơi ra tất cả những chứng
hư tật xấu của đàn ông. Họ bêu rếu
đàn ông đủ điều để hạ uy tín. Hành
động đó có vẻ tiêu cực nhưng thực ra
không kém phần táo bạo và chính
đáng. Thử hỏi làm sao chị em phụ
nữ có thể đội mãi trên đầu hạng
đàn ông như thế này :

*Bống bống bông này lọc ra hoa,
Một đàn vợ linh trầy ra thắm chồng.
Trầy ra gánh gánh gồng gồng,
Trầy ra thắm chồng bầy bị còn ba.
— Nào ai nhân nhủ mi ra ?
Mi ngồi mi kẻ con cà con kê.
Muốn tốt quây bị mà về,*

Việc quan tao chịu một bề cho xong.
Xưa kia tao ở trong phòng,
Bây giờ tao đã vào trong hàng quyền.

À ra bây giờ ông lính đó đã «vào trong hàng quyền». Chủ trách người ta bảo «giàu đời bạn, sang đời vợ». Lúc này sang rồi, ông muốn từ chối quá khứ (trong đó có người đàn bà chân lấm tay bùn xưa kia đã từng chu tất cho ông đủ điều).

Lại có hạng đàn ông lúc bệnh hoạn thì nhờ vợ tất tả ngược xuôi, chạy thang chạy thuốc, đến khi mạnh khoẻ béo tốt rồi quên hết tình nghĩa phu thê :

Ngày xưa anh bưng anh beo.
Tay bưng chén thuốc, tay dèo mùi chanh.
Bây giờ anh tốt anh lành,
Anh âu duyên mới, anh tình phụ tôi.

Cái anh chồng sau đây mới thật là tuyệt, cờ bạc thâu đêm suốt sáng, thua đến cầm cổ cả áo quần, lại còn bần tiện lén móc cả tiền của nhà gái :

Trời sinh ra ông tướng tài,
Cờ bạc xóc đĩa đông dài cả đêm.
Canh trước tướng hầy còn tiền,
Canh sau cổ áo ngồi bên hồ lì,
Cái ngoảnh đi, tay thò móc lọ.
Cái ngoảnh lại, phì phò chén say.
Còn tiền đánh cái cũng hay,
Hết tiền đi ngủ lại hay giật mình.
Tướng sự tình bạc này hai sắp,
Chẳng ai ngờ nó lại sắp ba.
Bây giờ quan tướng thua ra,
Áo quần cổ hết trở ra về trần.

Về giữa sân vạch quần bắt rận,
Vợ ở nhà giận chẳng nấu cơm.
Bấy giờ, tướng chúm ồ rơm,
Chẳng dám hạch nước, hạch cơm, hạch trầu.

Vợ thương chồng ra máu rét mướt,
Dem tiền đi chuộc lấy áo về.

Từ rầy tướng sẵn xin thề :
«Còn đi đánh bạc chẳng về chi đây»,

Đến hạng quan quyền có ông cũng thật tẻ. Khi thì cậy quyền, cậy thế nham nhở :

Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông nghè.
Ông nghè sai lính ra ve.

— Trăm lạy ông nghè tôi đã có con!

— Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho giòn mà lấy chồng quan.

Khi thì ra đường bệ vệ hách dịch mà về nhà tư cách không đáng một xu :

Ra đường võng giá nghênh ngang,
Về nhà hỏi vợ : «Cám rang đâu mày»
— Cám rang tôi để cối xay.
Hễ chó ản mất thì «mày với ông».

Hạng nam nhi như thế mà bắt đàn bà phải phục tùng, kính trọng, tôn thờ, thủ tiết, đức hạnh... thì thật là mỉa mai hết chỗ nói. Cho nên gặp các đấng phu quân quý hóa đó tướng chỉ còn có nước đem ra mà cười cợt cho thỏa lòng ảm ức. Có khi các chị em phụ nữ lại còn ngỗ ngáo khiêu khích cho bỏ ghét :

Chồng đánh bạc, vợ đánh bài.
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.

Tuy nhiên sự phản kháng ấy rồi cũng chẳng đi đến đâu. Có chăng chỉ để giải tỏa nỗi phẫn uất trong chốc lát mà thôi. Phụ nữ Việt Nam chưa đặt mình vào một cuộc giải phóng thực sự. Bởi vì một mặt họ chống đàn ông nhưng một mặt lại cảm thấy không thể thiếu vắng đàn ông trong cuộc đời của họ. Nhu cầu sinh lý, tâm lý và kinh tế là những sợi dây khắc nghiệt đã cột họ vào vòng nô lệ. Có nhiều cô gái thêm chồng đến độ thê thảm :

*Cứ đêm đêm tôi nằm tôi vuốt bụng kêu
Trời,
Xin ông thí bỏ cho tôi chút chồng.
Tôi về làm lễ tế ông,
Một con bò béo, ông cho tôi lấy được
đức ông chồng cho nó thật to.*

Nhưng cái tâm lý sợ ế chồng, sợ « già hết duyên » mới tác động mãnh liệt đến tâm hồn phụ nữ khiến họ phải sớm kiếm một tấm chồng.

Có cô lo sợ một mai già rồi, không biết nương tựa vào đâu :

*Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Biết đâu trong đục mà chờ,
Hương thẹn hết tuyết nương nhờ vào
ai.*

Có cô lại ngại nếu không lấy chồng sớm, rồi ra duyên sắc tàn phai, còn ai ngó ngang đến nữa :

*Một mình lo bảy lo ba,
Lo cau trổ muộn lo già hết duyên.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.*

*Ai ơi trẻ mãi ru mà,
Càng so sánh, càng già mất duyên
Còn duyên như tượng tô vàng
Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.
Còn duyên đóng cửa kén chồng,
Hết duyên ngồi gốc cây hồng liệng hoa.*

Thêm vào đó các cô thấy rằng lấy chồng dù có ra sao, vẫn hơn là sống tại nhà mình. Ở với cha mẹ các cô nào có được gì :

*Giàu thì chia bảy chia ba,
Thân em phận gái được là bao nhiêu !*

Gia tài đã không được hưởng (1), một mai luống tuổi bơ vơ mới biết nương tựa vào ai ? Thật khổ, cuộc đời của một gái già vừa cô đơn vừa vô vọng. Bởi vậy sớm muộn gì người con gái cũng mong có một tấm chồng. Xã hội thời ấy đã dọn sẵn cho họ một con đường duy nhất trên cuộc đời này : con đường đến nhà chồng.

Trước tình trạng như vậy chúng ta nhận thấy rằng muốn thay đổi thân phận của mình, phụ nữ Việt Nam phải dứt bỏ kiếp sống nương tựa, phải thoát khỏi sự lệ thuộc chồng và gia đình nhà chồng, phải chống trả lại sự thống trị của đàn ông trong đời sống xã hội. Nhưng tất cả những điều

(1) Mãi đến lúc có luật Hồng Đức, quyền kế thừa của nữ giới mới được cải thiện. Nếu gia đình không có con trai thì trưởng nữ cũng được giữ của hương hỏa và thờ tự cha mẹ tổ tiên như trưởng nam.

đó, đối với họ, thật là khó quá. Những cánh tay yếu mềm làm sao có thể lay chuyển được chế độ phụ quyền đã được củng cố đến độ vững chãi cùng cực?

Giới phụ nữ có chút kiến thức thì đã thấm nhuần tư tưởng Nho giáo, quanh năm không bước ra khỏi chốn khuê phòng. Chị em chân lấm tay bùn

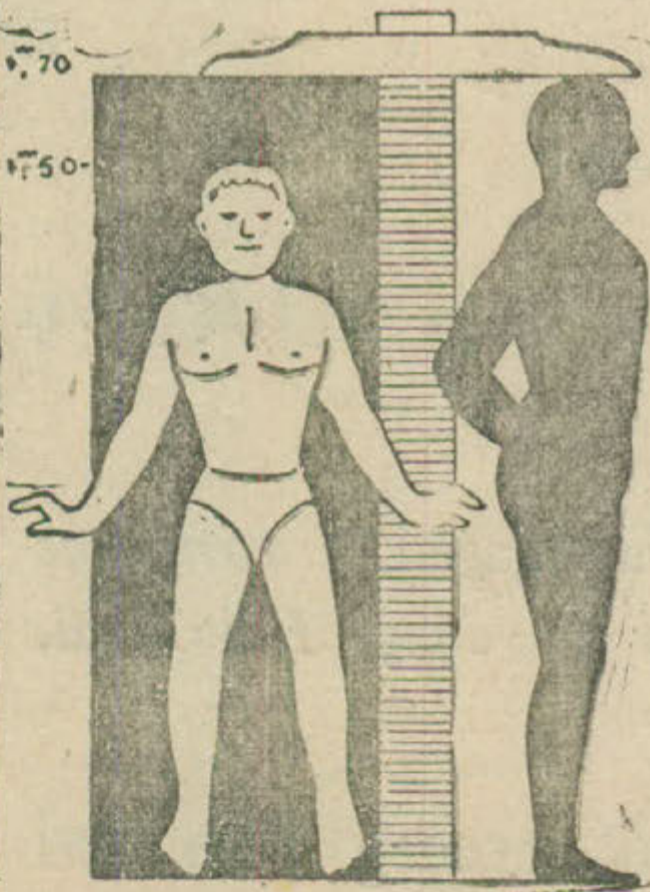
thì lại quen với nếp sống an phận thủ thường sau lũy tre xanh. Cho nên ví dù có kẻ ý thức được thân phận đen tối của phụ nữ, đứng dậy hô hào một cuộc giải phóng, thiên nghi cũng chưa chắc đã được hưởng ứng.

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cảnh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang-Long*

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Nhân giải cờ tướng Tuệ Thành thử điểm qua làng Cờ Tướng Việt Nam hiện nay

Từ nhiều năm nay, do ảnh hưởng của cuộc chiến dằng dai và quá nhiều khó khăn kinh tế, cờ tướng ở xứ ta gần như không có một sinh hoạt nào cả. Nay, nhân ngày Tết, ta thử nhìn qua làng cờ tướng Việt Nam hiện đại.

Cờ tướng đã từng được các Văn nhân xếp thứ hai trong các môn nghệ thuật, trên cả Thi và Họa. Đó là một thú tiêu khiển tao nhã, được quảng bá từ lâu ở xứ ta. Người đánh cờ có thể là một em bé, một thiếu niên, một thiếu nữ, một phụ nữ hoặc một cụ già và cũng có thể là một lao công, một quan lớn hay một nhà trí thức. Một ông bác sĩ đậu xe 404 ở bên này lề đường, đi qua bên kia lề đường, đứng cạnh một anh phu xe, xúm xích quanh một bàn cờ, ở đây không có giai cấp. Có người đánh cờ, mê cờ đến quên ăn, quên ngủ. Họ đánh cờ cả trong giấc ngủ. Một nước cờ chưa nghĩ ra hồi chiều có thể là thủ phạm của một đêm dài không ngủ. Có khi các bà bắt gặp đảng phu quân của mình vào một, hai giờ sáng thức giấc ra bàn sắp cờ đánh một mình. Đó là ông đã tìm được cách gỡ thế cờ bí của ông hôm qua hay trong tuần trước cũng nên. Quả thực là «Gia trung hữu kỳ, nam tắc loạn»!

Trở lại sinh hoạt cờ tướng hiện nay, chúng tôi xin nói đến giải cờ tướng do Hội Thể Thao Tuệ Thành tổ chức mang tên: «Đệ Nhị Kỳ Toàn

Việt, Nam Nữ Công Khai Tượng Kỳ Tái», diễn ra từ 10-10 đến 28-11 năm 1971 tại Trường Trung Tiểu Học Việt-Tú Chợ Lớn qui tụ được 170 nam đấu thủ và một số nữ đấu thủ. Trong năm 1970, Hội Tuệ Thành cũng đã tổ chức một giải cờ tướng tương tự với quán quân toán A là Phạm Nam Đài tức Phạm Thanh Mai và quán quân toán B là Lê Thiên Vị. Trong Đại Hội Kỳ hai này cả hai kỳ hữu trên đều bị loại. Giải Tuệ thành Kỳ hai là một dịp tranh tài thực sự giữa các đấu thủ Việt và Việt gốc Hoa.

Bên Việt có ghi tên :

- Phạm Nam Đài
- Lê Văn Tám
- Trần Văn Kỳ
- Lý Anh Mậu
- Phạm Tấn Hòa
- Lê Thiên Vị
- Trần Ngọc Lâu
- Nguyễn Bá Hùng

...

Bên Việt gốc Hoa có :

- Lê Bình (con trai của Lão Tướng Lê Vinh Đường)
- Trần Đình Thủy (tức Chuối)
- Hứa Kim Thành (tức Tiều)
- Từ Đạo Tân
- Hoàng Lập Dân (tức Hoàng Thiểm)

...

Thề thức đấu như sau :

— Các đấu thủ bắt thăm từng cặp đấu phân toán :

thắng ở toán A, bại ở toán B ;

— Các đấu thủ trong toán A bắt thăm đấu từng cặp, ai bại qua toán B ; cuối cùng toán A còn một đấu thủ duy nhất ;

— Các đấu thủ trong toán B bắt thăm đấu từng cặp, ai bại bị loại ; vòng sau cùng đấu xếp hạng ;

— Trận chung kết tranh giữa đấu thủ duy nhất còn lại trong toán A và đấu thủ xếp hạng nhất trong toán B ; đấu thủ nhất toán B muốn được kẻ thắng phải hơn đối thủ liên tiếp trong hai trận đấu, bằng không (dù hòa) cũng kẻ bại trận.

— Một trận đấu gồm từ 2 đến 4 ván : đấu thủ nào thắng trong hai ván đầu (một thắng một hòa hoặc hai thắng) được kẻ thắng trận ; nếu đến ván thứ tư mà chưa phân thắng bại thì tính giờ đi quân.

Kết quả của giải Tuệ Thành II như sau :

Nam : 1. Phạm Tấn Hòa (Việt)
2. Trần Đình Thủy (gốc Hoa)
3. Từ Đạo Tân (gốc Hoa)
4. Hứa Kim Thành (gốc Hoa)

Nữ : 1. Dương Nga Bình, 10 tuổi (gốc Hoa)
2. Lý Khiết Dung, 19 tuổi

Trong giải cờ tướng này các kỳ hữu gặp lại Lý Anh Mậu đã vắng bóng

trong kỳ giới khá lâu. Trong toán A, Mậu thua Thanh Mai trong 4 ván (1 thắng, 1 hòa, 2 bại) ; trong toán B, Mậu bị Trần Ngọc Lâu loại trong 2 ván (1 hòa, 1 bại) Mậu là soạn giả của một sổ sách cờ tướng hiện còn lưu hành. Ngoài ra còn một đấu thủ trẻ đáng nói đến là Nguyễn Bá Hùng do danh thủ Quách Anh Tú khám phá và giới thiệu trong kỳ giới mấy năm trước. Trong toán A, Hùng thua danh thủ Hoàng Thiểm hai ván. Gặp lại trong toán B, Hùng loại Hoàng Thiểm cũng bằng hai ván. Hùng được xếp ngang với danh thủ Trần Văn Kỳ. Trong bảng kết quả 3 đấu thủ cuối cùng được xếp hạng là Lê Bình, Nguyễn Bá Hùng và Trần Văn Kỳ ; ba đấu thủ này đồng hạng, nhưng ban tổ chức đã xếp thiên vị Bình, Hùng rồi mới đến Kỳ).

Sau cùng chúng ta cũng nên nói qua về quán quân Phạm-Tấn-Hòa, người đã oanh liệt thắng tất cả đối thủ và không bị bại một ván nào trong tất cả các trận đấu. Hòa đã thắng danh thủ xếp hạng nhì là Trần Đình Thủy trong hai trận với bốn bàn trắng, Dưới mắt người Hoa Kiều ở Chợ lớn, cờ của Thủy vẫn hơn Hòa. Sau khi đã bị Hòa đưa qua toán B, Thủy hạ tất cả các đối thủ còn lại ở toán B để đấu lại với Hòa trong trận chung kết. Phía Hoa Kiều đặt rất nhiều hi vọng và tin tưởng vào sự phục thù của Thủy và số tiền đánh cá lên đến hơn 300.000 đồng. Trận này là trận quyết định về phía Hòa cũng như về phía Thủy. Hòa phải xác nhận lại tài nghệ của mình

bằng cách đánh bại Thủy. Còn phần của Thủy sau mấy hôm thâm cứu với các danh kỳ Chợ lớn anh quyết rửa mối thù « hai ván ». Trận cờ này có cả vui lẫn buồn. Lúc Thủy thắng thế, những người đồng hương của Thủy đã vỗ tay cổ vũ quá nhiều. Sau trận đấu, Thủy đã phải lui thủi một mình. Những người mới đây sẵn đón anh, cổ vũ anh, giờ đã quên anh. Hòa và Thủy biết nhau đã lâu nhưng chưa đấu với nhau một ván nào, dù là đấu giao hữu. Đây là một cơ hội tốt để Hòa so tài với Thủy trong cùng những điều kiện. Từ trước, được bảo trợ « tinh thần », Thủy đã từng thách thức Hòa nhưng Hòa chưa dám nhận. Con của cố danh thủ Phạm Văn Ngọc (Á quân 1943) và cháu của lão tướng Phạm Văn Sáng (Quán quân 1949), Hòa đã tạo được một căn bản vững chắc về khai cuộc, trung cuộc và tàn cuộc dưới sự chăm sóc của chú. Hòa có đủ tư cách của một nhà vô địch: phong độ, trầm tĩnh và biết trọng đối thủ. Hòa thường dợt cờ ở nhà với danh thủ Tám Hải và tiểu tướng Lê thiên Vị. Mấy năm trước lão tướng Lê Văn Trừ (tức Sáo Mẹo) đã nói về Hòa như sau: «Mấy em trẻ trẻ bây giờ đánh khá lắm. Đầy đủ nhứt phải nói là thắng Ân (tên riêng của Hòa), cháu Năm Sáng». Từ nhiều năm nay Hòa đã tung hoành trong kỳ giới, nhưng mới chính thức ra mặt với chức vô địch giải Hùng Vương 1971.

Các đấu thủ trẻ đang lên, ngoài

Phạm Tấn Hòa còn có Quách Anh Tú, từng đoạt giải Kim Bài Tinh Võ, với những nước cờ độc đáo, thoát sách. Lúc sau này, không thấy Tú xuất hiện trong kỳ giới nữa. Sau này có xuất hiện Lê thiên Vị, một đấu thủ mới vào nghề đã làm các bậc đàn anh chú ý. Những danh thủ mà Vị chạm trán lúc đầu là Quách Anh Tú, Lê Văn Trừ, Trần Văn Kỳ... Đến sau Vị gặp Hòa và kết bạn với Hòa. Vị có một khuyết điểm lớn là hay khinh địch và thường thua những đấu thủ kém mình. Vị có thể đi xa hơn nếu khắc phục được khuyết điểm trên. Ngoài ra còn một số đấu thủ khác, ít đến sông cờ Công lý Saigon nên không được nhắc đến. Đó là Nguyễn Ngọc Phú tự Xí ở Nha Trang; Minh Trung ở Tuy Hòa; Nguyễn Văn Minh, đại úy, vô địch quân khu 1. Trần Tấn Mỹ, vô địch Đại học Khoa học; Châu Diêm Diệu, quán quân giải Pasteur 1966 do nhóm Bách Việt tổ chức;...

Trong số các hảo thủ «rửa tay gát kiếm» có Nguyễn Văn Anh, Huỳnh Thi Biện, Thái Sanh Bính, Thái Văn Hiệp, Lý Anh Mậu, Phạm Văn Sáng, Lê Văn Trừ...

Phía Hoa Kiều còn Tất Hạnh Dương, Lê Vinh Đường, Trần Du Thám...

Tại Việt-nam, số người đánh cờ tướng cũng khá nhiều nhưng không ai đứng ra lập nổi một hội cờ tướng, một trụ sở để các kỳ hữu luyện tập và cũng không ai nghĩ đến một chương trình đào tạo các mầm non. Mấy

năm trước Ông Nguyễn Văn Anh có ý thành lập một hội cờ tướng và đến nay không biết công việc tiến hành đến đâu mà không nghe nói đến nữa. Nói về tài liệu cờ tướng, sách soạn bằng Việt ngữ thì quá hiếm. Các Kỳ hữu muốn tra cứu đều dùng sách viết bằng Hoa ngữ. Gần đây các nhà xuất bản sách cờ tướng ở Hồng Kông có in lại bộ *Trung Quốc Tượng Kỳ Phổ* ở Đại lục do nhóm Dương quan Lân,

Trần Tùng Thuận, Hà Thuận An... biên soạn. Đó là những tài liệu quý giá cho các kỳ hữu dùng bổ túc các quyển *Quất trung bí* và *Mai hoa phổ* đã quá cũ và không sát với thực tế. Hai bộ sách sau này dùng để luyện các thế sát rất có lợi. Về cờ tàn có bộ *Tàn kỳ lệ điển* do La quân Trù biên soạn.

LÊ VĂN ĐẶNG

SIÊU ĐẲNG THƯỢNG HẢO HẠNG

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
名
貴
大
方
真
地
超
等

NGON NHẤT VỀ LOẠI THUỐC ĐEN

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Phạm-Duy

một nghệ thuật khúc điệu

Âm nhạc, đó là tình yêu
đi tìm một lời nói.

LANIER

Chung quanh khúc điệu Phạm-Duy...

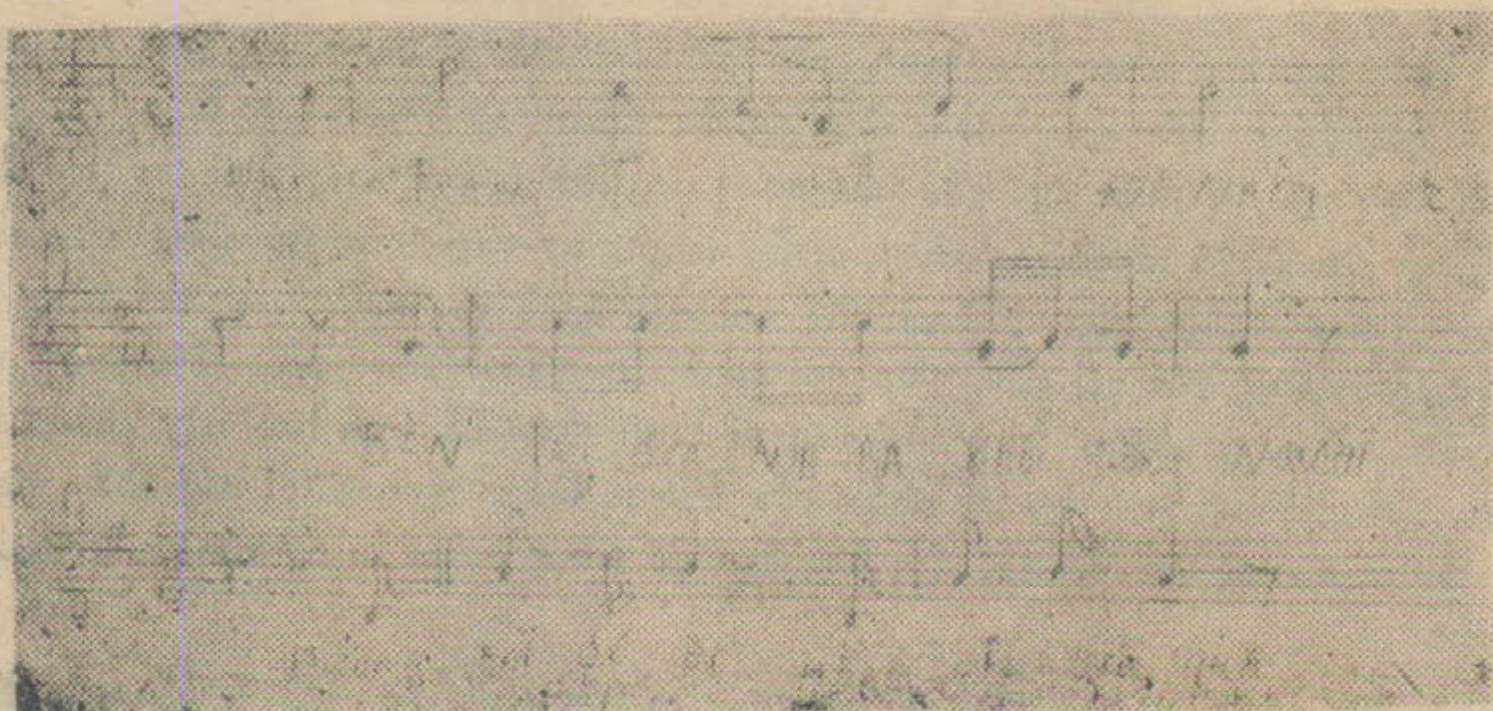
Trong một bài trước đây, tôi có nói đến cái *đà sống*. Có những khúc điệu của nhạc sĩ xuất hiện hoàn toàn như một luồng sinh lực. Ở đây, tôi nghĩ đến những bài *Giấc mộng trắng sữa*, *Thanh niên ca*, *Về miền Trung*, *Tình hoài hương*, *Em bé quê*, *Tình ca*, *Ngày trở về*, *Này người ơi!*, *Nhờ gió đưa về*, *Tâm sự gửi về đâu*, *Mùa xuân yêu em*, *Tôi đang mơ giấc mộng dài*. Khi tôi về và đến ba hay bốn ca khúc khác nữa. Trong khi phần nhiều khúc điệu của tác giả được xây dựng theo một bố cục khá rõ rệt, thì những bài kể trên lại như là những *phóng khúc*. Nhưng chữ «phóng khúc» ở đây không có ý muốn bảo rằng những khúc điệu ấy được xây dựng một cách lộn xộn hay không liên tục. Trái hẳn thế. Chữ ấy chỉ có ý bảo rằng các khúc điệu *biến đổi* từ đầu đến cuối, nói cách khác, là những câu nhạc trong các khúc điệu *tiếp nối* nhau một cách hợp lý, nhưng cứ mỗi lần tiếp nối mới là mỗi lần biến đổi thành phần của nét nhạc. *Em bé quê* và *Tình ca* có lẽ là những thí dụ cụ thể nhất về điều tôi muốn nói ở đây. Trong hai ca khúc ấy, hơi nhạc làm thành một thứ *đà sinh lực liên tục*. Bởi vì, trong những *khối khúc điệu* ấy, ý nhạc diễn ra do những sự phối hiệp hợp lý, theo một *lý luận nội tại* thực sự, gắn liền nhau do tính cách hiển nhiên. Sự phô diễn ấy không cần để lộ ra những chỗ chuyển mạch, sự tiếp diễn dễ dàng theo dõi, với một tâm lý thực đến nỗi có thể nói nó thành ra một thực thể bằng âm thanh tương ứng với cái thời gian nội tại của Bergson. Theo như thuật-ngữ của tôi ở đầu bài này, những khúc điệu dưới hình thức *đà sinh lực* này không lấy gì làm nhiều trong toàn bộ tác phẩm của Phạm Duy, nhưng tôi xin nhấn mạnh rằng tất cả những bài đó đều đặc biệt đẹp đẽ trong cảm hứng cũng như trong thể hiện.

Tôi xin dừng lại một lát ở bài đầu tiên trong số các bài đã kể trên đây,

ức bài *Giơm tráng sĩ*. Được sáng tác vào năm 1945, đó là tác phẩm thứ nhì của nghệ sĩ, sau bài *Cô hái mơ* (1942). Có phải chăng đó là do ảnh hưởng của Hà-nội, nơi mà chàng Phạm-Duy trẻ tuổi vừa mới trở về sau một thời gian vắng mặt lâu dài, Hà-nội của buổi đầu kháng chiến? Có phải chăng đó là do câu chuyện huyền thoại được gọi đến trong cái tên của hồ Hoàn kiếm, cái hồ ở sát bên con đường Felloneau, nơi nghệ sĩ đã sống tuổi ấu thơ? Dù sao, với bài *Giơm tráng sĩ*, chúng ta đứng trước một trong những mẫu hoàn hảo nhất của toàn thể nghệ thuật Phạm Duy. Mặc dù không kém sút *Cô hái mơ*, một tí nào, bản hợp phở *Giơm tráng sĩ* có một vẻ Á Đông rõ ràng hơn; náo nhiệt và hào hùng, khúc điệu này được vẽ ra bằng từng đợt nhạc nòng nân và rất nổi bật. Biết bao hung hãn, biết bao cuồng nộ trong khúc điệu Ré thứ ấy, mà cũng biết bao là nghệ thuật trong đó? *Giơm tráng sĩ* đã báo hiệu từ nhiều năm trước, những nét cao cả của *Tình ca*, *Chiều về trên sông* và *Đạo ca ba*.

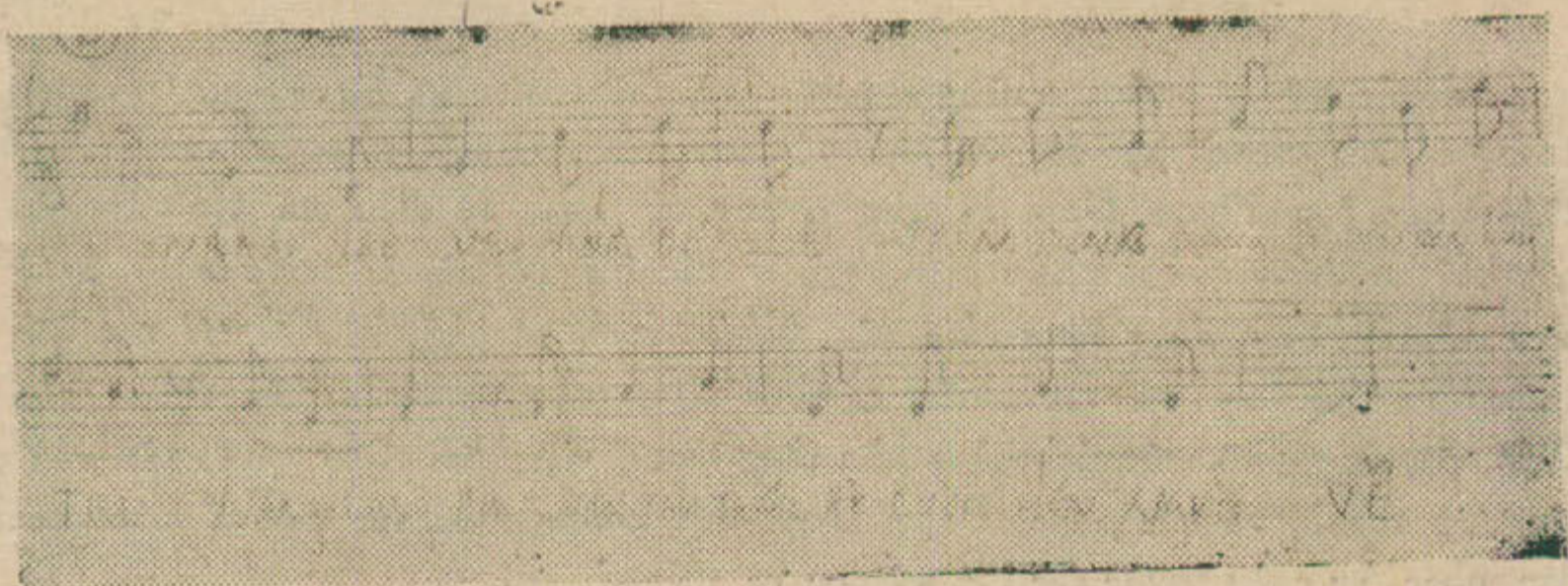
Mặt khác, nếu người ta đặt ra một bên những khúc điệu tự do phóng khoáng mà tôi vừa nói qua, phần lớn các ca khúc khác của Phạm Duy — nếu tôi có thể nói như thế — đều được "kế hoạch hóa" kỹ hơn nhiều, đều có vẻ "cổ điển" hơn nhiều. Nghệ sĩ thích những khúc điệu có bố cục dứt khoát, dứt khoát nhưng vẫn uyển chuyển bởi vì các khúc điệu của Phạm Duy bao giờ cũng linh động — nhất là từ những năm 40 cho đến giữa những năm 60.

Nhưng người nhạc sĩ của chúng ta bẩm tính cũng có cả khiếu *nhào nặn chất liệu âm thanh*. Thường khi Phạm Duy thích bắt đầu từ một nhạc đề giản dị và dễ biết, để xây dựng cả một công trình âm thanh tinh tế và táo bạo. Và lại về mặt ấy, Phạm Duy giống với nhiều nhà soạn nhạc Âu châu ở các thế kỷ thứ 18 và thứ 19. Chẳng hạn, các khúc điệu *Vườn thơ sầu rụng*, *Một bàn tay* và *Đường em đi* đều hoàn toàn được xây dựng từ một nhạc đề nguyên thủy:



Nhạc đề ấy rồi sẽ được lặp đi lặp lại, với ít biến đổi, cho đến cuối bài, nhưng nhạc sĩ đã đưa nhạc đề đó qua nhiều chuyển cung trong những giọng gần nhau để tránh sự buồn tẻ đơn điệu, do đó mà đã làm nên một công trình khá cân xứng và hấp dẫn.

Kỹ thuật xây dựng ấy, một trong những kỹ thuật sở trường của Phạm Duy, đôi khi lại còn được sử dụng một cách phức tạp và tinh luyện hơn nhiều. Do đó, bài học quau trọng nhất mà chúng ta có thể rút được ở *Ngày trở về* là làm cách nào mà nhạc đề:



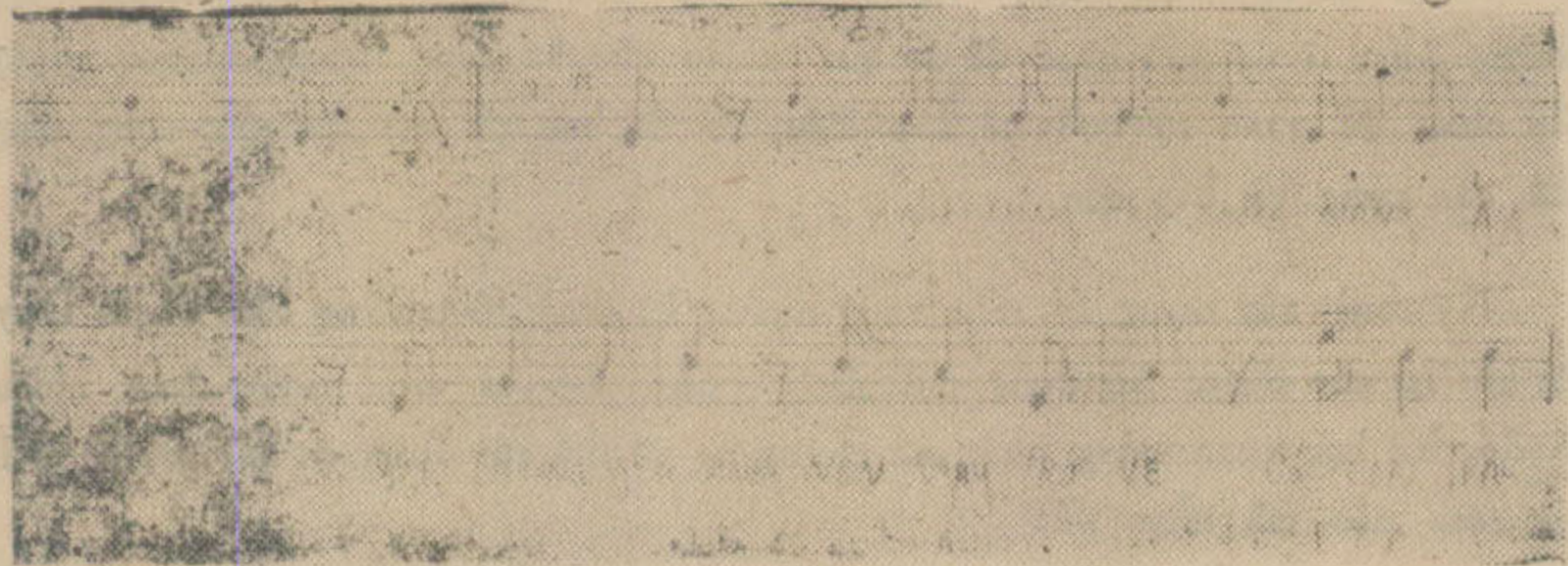
có thể chuyển một cách tài tình, thành:



rồi lại chuyển một cách vắn tắt nhưng không kém tinh vi:



Và sau hết là sự chuyển biến tốt đẹp và rực rỡ :



Ngày trở về không những là một tuyệt phẩm về nhạc hứng, mà lại còn là một trong những chứng cứ đặc sắc nhất về cách đùa với một nhạc đề và cách khai thác nhạc của Phạm Duy. Những chứng cứ khác về điều mà tôi vừa nói qua có thể tìm thấy, với ít nhiều biến thái, ở các bài *Người về miền xuôi*, *Nhờ gió đưa về*, *Những dòng sông chia rẽ*, *Nhân danh* và nhất là *Khi tôi về*. Tất cả những ca khúc ấy và rất nhiều ca khúc khác mà nếu kể ra đây thì sẽ quá dài dòng, đã chứng tỏ một cách hùng hồn rằng trong việc khai triển và đi sâu vào chất liệu của thanh và của nhạc, Phạm Duy thật không thua sút một tí nào các nhà soạn nhạc Âu châu thuộc các thế kỷ 19 và thế kỷ 20.

Như tôi đã có lần nhấn mạnh vấn đề trong một bài trước đây (Về sắc thái của toàn thể...) những chỗ mà khúc điệu Phạm Duy chuyển từ cung thứ sang cung trưởng luôn luôn cực kỳ đẹp đẽ. Cũng như ở Beethoven, Schubert và Chopin, việc sử dụng cung thứ ở Phạm Duy thường khi là dấu hiệu cho thấy một sự *căng thẳng nội tại*. Trong trường hợp ấy, việc chuyển cung từ thứ qua trưởng đánh dấu việc *thoát khỏi* sự căng thẳng ấy. Đôi khi là chuyển từ cái mạnh mẽ sang cái tinh tế, thường khi là chuyển từ bóng tối ra ánh sáng, sự chuyển cung từ thứ qua trưởng luôn luôn đưa đến một cuộc *tái xác định* khúc điệu, nó đem đến cho khúc điệu một ý nghĩa mới, một sức sống mới, nhất là nó đem đến cho khúc điệu một nhiệt tình nồng nàn hơn. Thỉnh thoảng — chẳng hạn trong trường hợp các bài *Thu chiến trường*, *Ngày trở về*, *Tiếng hò miền nam*, *Nhờ gió đưa về* và *12 tháng anh đi* — việc chuyển từ cung thứ qua cung trưởng có vẻ như một bột phát sinh lực đẹp đẽ và cuồng nộ. Niềm phấn khích bắt đầu từ cung thứ, trong những ca khúc đó và gần đạt tới độ cuồng nhiệt, nhưng Phạm Duy lúc nào cũng hoàn toàn làm chủ kỹ thuật cũng như cảm xúc của mình, nên không để cho sự cuồng nhiệt ấy hóa thành điên rồ, và cơn bột phát sinh lực đó không tai hại chút nào, rốt cuộc chỉ thành ra một kết thúc tuyệt hảo của một khúc điệu cũng tuyệt hảo không kém.

Lại có đôi khi — chẳng hạn trong các bài *Chinh phụ ca*, *Phố buồn*, *Tìm nhau*, *Kiếp sau*, và *Phượng yêu* — khúc điệu lướt nhẹ từ cung thứ qua cung trưởng. Đẹp để biết bao! Khúc điệu của Phạm Duy khiến tôi nghĩ đến một đóa hoa ngủ dưới ánh trăng, rồi thức giấc và từ từ nở ra dưới ánh nắng vuốt ve của một sớm mai mùa hè...

Chuyển cung từ thứ qua trưởng là chuyện tương đối thường gặp ở Phạm Duy, còn việc chuyển cung từ trưởng qua thứ thì ít hơn, nhưng mỗi khi xảy ra — chẳng hạn trong *Khởi tình Trương Chi*, *Tiếng sáo thiên thai*, *Xuân nồng*, *Tình quê*, *Ngâm ngùi*, *Sóng vùi chôn mẹ*, và *Nghìn trùng xa cách* — thì nó luôn luôn đẹp và nhiều xúc cảm. Nhưng tài khéo léo sử dụng ánh sáng trong khúc điệu đó, phải chăng cũng có liên quan đến việc Phạm Duy trong quá khứ đã từng là *người của kịch trường*? Điều ấy tôi tưởng không phải là vô lý.

.....

Tôi luôn luôn ngạc nhiên về tính cách cực kỳ *tinh luyện* của các khúc điệu Phạm Duy. Từ 1942 cho đến 1965, tôi không thấy một khúc điệu nào của ông có bợn chút thô vụng hay có thoáng dấu hiệu cầu thả nào đó.

Bất cứ tác phẩm thuộc loại nào, điệu nào, bất cứ hình thức và nội dung của nó như thế nào, khúc điệu của ông *bao giờ cũng* cực kỳ *tinh luyện*, cực kỳ cao nhã. Cái *tinh luyện* ấy là đặc tính của một dân tộc chăng? của một cá nhân chăng? Trong lúc này thì tôi nghĩ rằng trước tiên và hơn hết, đó là đặc tính của một cá nhân, của chính Phạm Duy.

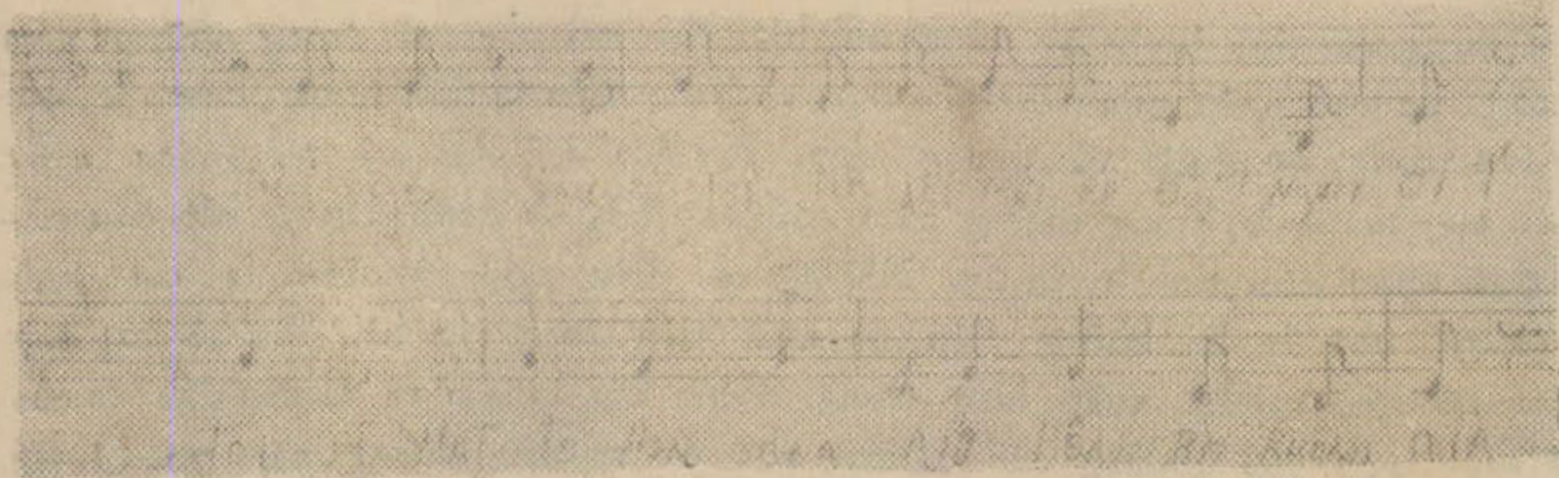
Nhưng cái *tinh luyện* ấy càng nổi bật khi mà nhạc sĩ, trong những năm gần đây, tự cho phép mình đưa ra một số khúc điệu ít *tinh luyện* hơn, ít cao nhã hơn trong kỹ thuật và phong cách, *Tôi bảo tôi mãi mà tôi không nghe* và *Sức mấy mà buồn*, trong những năm 1965-19-66, đã đánh dấu sự bắt đầu của những ca khúc kém *tinh luyện* ấy. Nhưng có điều ngộ nghĩnh là cái tính thiếu trang nhã ấy lại không tiếp tục xuất hiện trong các bài *Via hè ca* hay *Tục ca* kế tiếp, mà lại xuất hiện trong nhiều bài *Tình a* và *Chiến đấu ca* của Phạm Duy soạn vào khoảng cuối những năm 60 và đầu những năm 70.Ồ, tôi không dám bảo rằng các khúc điệu ấy là thô kệch, nhưng rõ ràng là chúng *thiếu nét cao nhã*. Người ta có thể để ý rằng nhiều lần, trong các tác phẩm bởi thiếu thời của Beethoven, Schubert và Chopin có những chỗ thiếu *tinh luyện*, có cả những chỗ thô kệch nữa, nhưng trái lại, trong các tác phẩm khi họ đứng tuổi hay vào cuối cuộc đời của họ thì luôn luôn chỉ có sự cao nhã và *tinh luyện* mà thôi. Đôi khi gần như có thể nghĩ rằng trường hợp của Phạm Duy ngược hẳn lại. Tác phẩm thiếu thời của Phạm Duy *tất cả* đều *tinh luyện* và cao nhã, chính những tác phẩm gần đây và hiện nay của ông mới có lác đác những chỗ thiếu *tinh luyện* và cao nhã. Những khúc điệu như *Sức mấy mà buồn*, *Tóc mai sợi vắn sợi dài*, *Đạo ca 9*, *Thăm gọi tên nhau* và *Huyền thoại trên một vùng biển* là những sản phẩm quái lạ của một trí óc đã từng sáng tạo ra những tuyệt phẩm

cao nhã và hoàn toàn như *Tình ca*, *Dạ lai hương*, *Nước non ngàn dặm ra đi*, *Tâm sự về đầu*, và *Những dòng sông chia rẽ*. Cái gì đã xui khiến Phạm Duy đưa ra trước công chúng những khúc điệu yếu kém ấy, thực ra là không xứng đáng với một đại khúc điệu-gia ấy? Theo ý tôi, điều ấy không phải do ở sự thay đổi hay từ bỏ một lý tưởng nghệ thuật nào đó (như một số người đã nghĩ), mà là do ở sự sút giảm về khiếu phán đoán của nghệ sĩ đối với giá trị tác phẩm của mình. Sau khi đã đóng vai một ông hoàng nghệ thuật suốt ba phần tư cuộc đời soạn nhạc, Phạm Duy có thể có ý muốn lột xác, để biến làm một kẻ tiện dân, gần như một tên du thực trong cái phần tư còn lại của đời mình chăng? Nếu có thể — và tôi mong rằng điều ấy là sai — thì hậu quả sẽ vừa bất xứng vừa đau khổ. Một công trình sáng tạo bắt đầu từ chỗ cao nhã, tiếp diễn trong cao nhã phải được kết thúc trong sự cao nhã. Bởi vì, nếu có những nghệ sĩ thuộc loại bò sát thì Phạm Duy lại thuộc loài chim ưng. Địa-vị bất ông không được khinh xuất.

.....

Ít khi giữa tác phẩm này với tác phẩm kia của Phạm Duy có sự trùng hợp, tuy nhiên thỉnh thoảng, khi một bố cục hay một câu nhạc nào đó được ông thích, thì ông có thể lập lại một cách vô ý thức phần nào trong những tác phẩm khác.

Có những trường hợp, hình như đó là một vấn đề âm thể, bởi vì một âm thể nào đó có thể ngẫu nhiên đưa Phạm Duy về một loại khúc điệu thích hợp với âm thể đó. Chính vì việc sử dụng âm giai «Do thứ» đã đưa đến sự giống nhau giữa các nhịp đầu của bài *Tình ca* và bài *Tiếng hát to*.



Cũng vì thể mà có sự giống nhau giữa nửa phần đầu của bài *Tôi đi từ ải Nam quan* và bài *Tiếng hò miền Nam* do âm giai La thứ, giữa *Mẹ trong lòng người đi* và phần đầu của bài *Một người mang tên Quốc* do âm giai Do trưởng, giữa bài *Lữ hành*, *Thương tình ca* và *Giọt mưa trên lá* do âm giai Ré trưởng, giữa *Khi tôi về* và *Đạo ca 10* do âm giai Sol trưởng, vân vân...

Lại cũng có khi, mặc dù trường hợp này hiếm hơn, sự giống nhau ấy không dính líu gì đến vấn đề âm giai. Đó là trường hợp giống nhau giữa phần cuối bài *Đố ai* (Mi trưởng) với phần cuối bài *Mùa xuân yêu em* (Mi giảm trưởng), là trường hợp giống nhau nổi bật hơn nữa giữa đoạn *Mẹ Việt-nam ơi!* bằng Mi

giảm trường — nói cho rõ hơn, là đoạn bắt đầu với mấy chữ «Chúng con đã về khát khao hơi mẹ...» và bốn nhịp kế tiếp — với mười nhịp đầu của bài Đạo ca 8 bằng Do trưởng.

Tuy nhiên chúng ta không nên dừng lại quá lâu ở những chỗ giống nhau ấy bởi vì dù sao đối với toàn bộ tác phẩm chúng chẳng đáng là bao, và rốt cuộc chúng chỉ chứng tỏ rằng tất cả bấy nhiêu khúc điệu đúng là *do một người* sáng tạo ra. Hơn nữa, tìm lại được «dấu vết» của Phạm Duy rải rác đây đó trong sự nghiệp sáng tạo của ông, đó không phải là điều khiến cho những ai yêu thích khúc điệu của ông lấy làm khó chịu.

.....

Trong các khúc điệu của Phạm Duy đã gặp nhau hai nền Văn hóa bề ngoài tưởng như bất khả thỏa hiệp = Văn hóa Đông phương và văn hóa Tây phương. Nhưng sự gặp gỡ ấy không xảy ra luôn luôn, cũng không xảy và ngay từ buổi đầu sáng tác. Từ năm 1942 cho đến 1948, các khúc điệu của ông hoặc có một không khí, một dáng dấp Đông phương, hoặc một không khí một dáng dấp Tây phương. Không có một ca khúc nào mà người ta có thể thực sự bảo rằng trong đó hai không khí kia hòa hợp vào nhau. Tuy nhiên, đến năm 1948, trong số vài chục ca khúc sáng tác vào năm ấy, người ta nhận thấy trong các bài *Nương chiều*, *Có gánh gạo*, và đích xác hơn cả là bài *Về miền trung* — bắt đầu có một sự pha lẫn dáng dấp và âm điệu Đông phương cùng với Tây phương. Nhưng phải chờ đến giữa những năm 50 — *Với Người về*, *Này trở về*, *Người về miền xuôi*, *Này người ơi!*, *Tìm nhau* và nhất là *Một đàn chim nhô* — sự hỗn hợp ấy mới đạt đến độ hoàn hảo. Từ đấy, tài pha luyện âm nhạc ấy trở thành một thiên tính thứ hai của Phạm Duy và khiến cho các khúc điệu của ông có được cái âm hưởng độc đáo không giống bất cứ của ai ấy, một âm hưởng mê hoặc. Khó mà xác định cho rõ ràng sự «hỗn hợp âm hưởng Đông phương và «Tây phương» ấy trong một tác phẩm nào đó của Phạm Duy. Đó là một điều người ta chỉ có thể *cảm thấy*, và tôi có thể bảo rằng chỉ có những kẻ hết sức am tường quen thuộc với tác phẩm của Phạm Duy mới thấy rõ những điều tôi vừa nhận xét và có thể thử lại tính cách chân xác của những nhận xét ấy, quả thực phải là một nhà soạn nhạc thiên tài mới có thể thực hiện cuộc pha luyện âm hưởng nọ một cách tự nhiên và toàn bĩ đến thế. Cũng như nhạc sĩ Debussy và họa sĩ Fouji ta trong các điểm vinh dự của mình, Phạm Duy có thể kể thêm cái điểm đã làm một kẻ *trung gian giữa Đông phương và Tây phương* bằng nghệ thuật

Mặc dù trong những năm gần đây, có những nét kém hiển nhiên, Phạm Duy đã để lại cho chúng ta một kho tàng khúc điệu đẹp đẽ. Thực ra không có một nghệ sĩ Việt nam nào khác có thể đạt đến cái đẹp đẽ và cái hoàn hảo

trong khúc điệu nhiều lần như Phạm Duy. Nhưng rất thường khi các khúc điệu ấy khởi dậy nơi chúng ta nghĩ tâm trạng những xúc cảm làm cho rơi lệ nhiều hơn là bưng vui. Bởi vì những khúc điệu hay nhất của Phạm Duy bao giờ cũng là sự xuất hiện của một *thiên đường* thấp thoáng và một niềm luyến tiếc không nguôi. Và ở đây tôi muốn áp dụng vào trường hợp tác giả các bản *Trường ca* tư tưởng sau đây của Beaudelaire : « Chính bản năng về cái Đẹp, bản năng tài tình và vĩnh cửu ấy đã khiến cho ta xem trần gian và cảnh sắc trần giới này như là một toán lược, một tương ứng với Cõi Trời, Chính vừa do thi ca vừa *xuyên qua* thi ca, vừa do và vừa *xuyên qua* âm nhạc, mà hồn người thoáng thấy những cái rực rỡ hay hoàng ở bên kia nội địa ; và khi mà một bài thơ đẹp, một khúc điệu hay khiến cho ta lệ ứa bờ mi, thì những giọt lệ ấy không chứng tỏ mọi khoái thích quá độ, mà chính là lời chứng của một niềm băng khuâng bực dọc, một bản chất bị lưu đày vào cõi bất toàn đang muốn chiếm đoạt tức khắc tại cõi trần này một Thiên đường vừa phát lộ. »

Một nhà văn khác, tức thi sĩ Anh John Keats, đã tóm tắt sự việc một cách nổi bật hơn : « một cái gì đẹp là một niềm vui vĩnh cửu ». Vì vậy mà tôi nói rằng các khúc điệu của Phạm Duy sẽ đi xuyên thế kỷ.

(còn tiếp)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Tháng 10-1971 (Gia-nã-đại)

(Bản dịch của THU THỦY)

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CÓ ACIDE GLUTAMIQUE





*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.6YT

Đường lên Berlin

(tiếp theo BK 360)

Tối hôm ấy, theo chương-trình, chúng tôi lại phải ăn cơm sớm để đến Hi-viện Deutsche Oper Berlin xem trình-diễn vở kịch nhan-đề «Der Rosenkavalier» (Hồng Hoa Kỵ-sĩ) của Richard Strauss. Lối dàn cảnh thật vĩ-đại, nhiều màn cười đến bẽ bụng, khán giả thích-thú theo dõi từng gút mắt của vở kịch và cú ngỗ như mình đang sống thực không có gì là «kịch» cả. Giáo-sư Kunze cho tôi biết các kịch sĩ đang trình-diễn trên sân-khấu đều thuộc loại «di động» nghĩa là hôm nay trình-diễn ở Berlin, nhưng tối mai đã có mặt ở Luân-Đôn, Ba-Lê hay La-Mã. Họ quá rỗi tiếng nên không ký giao-kèo với bất cứ một hí-viện nào và số tiền họ lãnh hàng đêm bằng một anh thư-ký làm việc mười năm ! Riêng vai chàng Hiệp-sĩ do một nữ diễn viên gạo cội của Đại-hý-viện ở thủ đô Wien đóng. Anh bạn người Nhật giật mình đánh thót ngạc nhiên hỏi : — « Tại sao hai người ôm nhau hôn miệng một cách mùi-mẫn thế ? Chẳng lẽ bị bệnh đồng tính luyến-ái ! ». Giáo-sư Kunze cười như nắc-nẻ, hai má ông xệ ra trông thật hiền-từ. Sau mỗi hồi (Akt), khán giả lại được nghỉ mười phút, xuống bên dưới hút thuốc và giải khát.) Hi-viện Deutsche Oper Berlin lớn nhất trong 18 hí-viện của Tây-Bá-Linh. Các hí-viện khác có thể

kê theo thứ tự : Schiller Theater, Werkstatt des Schiller Theater, Schlosspark Theater, Freie Volksbühne, Theater des Westens, Theater am Kurfürst endamm, Komödie, Renaissance Theater, Hebbel Theater, Berliner Theater, Tribune, Forum Theater, Schaubühne, am Halleschen Ufer, Die Vaganten, Schauspielhaus Hansa, Berliner Kammerspiele, «die buhne» (còn gọi là Figurentheater) ! Hi-viện Deutsche Oper Berlin kiến-trúc theo lối mới, mặt trước toàn bằng kính dày, trở cửa tự-động. Ở phòng đợi trưng bày một tác-phẩm bằng đồng thật lớn mang tên «Triarchie». Khán giả bước lên lầu theo những bậc thang lắp từng tấm riêng lẻ, lối xếp so le rất lạ mắt. Phòng gửi áo choàng cũng chia thành từng lô ngăn nắp, đánh số thứ tự đúng như trong vé, ngồi ở dãy nào, hành lang nào thì gửi áo theo đúng số của mình, do đó không có việc chen lấn hay mất-mát. Sân khấu rộng mênh-mông, những màn chỉ cần một vị-trí nhỏ thì các tấm phông dồn lại phía trước, những xen cần một khoảng rộng (chẳng hạn như cảnh thiết đại triều trong hoàng-cung) thì các tấm phông mở ra phía sau và hai bên trái, phải. Tất cả đều chuyển-động bằng máy. Sát trước sân khấu là vị trí của dàn nhạc. Khi nhạc trưởng

tử bên trong bước lên bục điều khiển cúi đầu chào, là vở kịch khởi diễn, khán-giả vỗ tay không ngớt. Không kể kịch sĩ, tổng số nhân viên điều hành hí viện lên đến gần 200 người, đa số là thợ may và thợ làm «phông». Y phục và các dụng-cụ diễn-kịch chứa đến mấy căn phòng lớn trông chẳng khác nào một viện-bảo-tàng.

Đêm nay tôi ngồi ở cánh phải, hàng 13, số ghế 28, cùng phía với giáo sư Kunze. Tấm vé cũng màu đỏ như đêm trước, chỉ khác một điều là có thêm hàng chữ . «Für Zuspätkommende Einlass nach dem I. Akt » (Đến trễ chỉ được vào khi chấm-dứt hồi một). Nghĩa là những kẻ đến trễ không được vào bừa bãi như các rạp hát ở xứ ta, làm phiền các khán giả khác. Cũng không có nạn khói thuốc ngập phòng như một đám cháy rừng, tưởng chừng những kẻ ốm yếu có thể chết ngộp. Ở xứ ta, khách đi xem hát ăn mặc xuề-xòa sao cũng được, ngược lại các hí-viện Âu-châu là nơi các bà các cô khoe những chiếc áo dạ hội đắt tiền, những nữ trang quý giá và mùi nước hoa sực nức. Nước hoa nổi tiếng của Đức là loại 4711 sản-xuất tại thành Köln mà ta thường gọi là «eau de Cologne», có lẽ dịch từ tiếng Đức Kölnisches Wasser. Riêng các ông, phải áo quần tề-chỉnh, cồ cồng cà-vạt đàng-hoàng, ăn mặc luộm thuộm sẽ bị nhân-viên gác cửa làm khó dễ.

Vở tuồng kéo dài bốn tiếng đồng hồ, 12 giờ khuya bái ra tôi định quay về ngủ một giấc. Chợt nghe có người gọi tên ời ời, ngoảnh lại gặp

Sethavanics người bạn Thái-Lan, quê ở Chiang mai, trước kia trọ học với tôi một chỗ, hiện đang theo ngành Y khoa. Anh cùng cô bạn gái Nhật Wada rẽ đám đông tiếp-tục gọi tôi giật giọng: «Trời ơi ! mấy hôm nay chúng tôi tìm anh khắp cả. Để Berlin mà không gọi điện thoại cho anh em biết trước. May Tsaku không nói lại thì ai biết đâu. Sao anh mê giang-hồ đến thế ! Mò đến Nikolsburgerhof mới biết anh đang xem hát. Bọn này đợi cả tiếng đồng hồ, lạnh quá !» Tôi cười bắt tay hai người, tưởng cũng như mấy lần trước, anh đến rủ tôi đi tìm chùa Phật, chưa kịp trả lời thì anh đã nắm tay kéo phăng xuống hầm tàu điện, vừa nhe răng trắng cười toe-toét : —«Tụi mình đến Big Apple uống một cốc Rotwein cho ấm. Ở Berlin giờ này thiên hạ mới «sống», anh mà về n ử thì phí cả cuộc đời». Tôi tròn xoe mắt ngạc nhiên sao bữa nay ông Phật sống Thái-Lan lại phá giới ngả mặt thế này ? Big Apple là nơi tụ họp của bọn trẻ, tiếng nhạc giật gân tru-tréo đinh tai nhức óc. Những bộ mặt hốc-hác, tóc dài kín gáy, những thân hình lõa-lồ căng tràn nhục-dục nhảy múa điên cuồng. Nói đến cái thác-loạn của bọn trẻ Berlin thì không bút mực nào tả xiết. Trên mấy tấm bưu-ảnh bán cho du-khách, họ đã dám vẽ một cô gái trần-trường, ngực to, đít nở, khuôn mặt đê-mê đòi-hỏi, thay cho hình tượng còm-cõi của chúa Jesus đứng trên thập-tự-giá. Bên dưới, các hàng giáo-phẩm, y-phục đại-lễ, cúi đầu đọc kinh chiêm-nguỡng. Tôi tưởng chỉ có bọn hippy trẻ đến đây, nhưng nhìn quanh một vòng mới biết mình bé-cái-

lâm. Hippy già ngồi đầy cả. Đây là một hiện-tượng lạ-lùng của dân Đức ở nước Đức, các rạp chiếu bóng thường chiếu những phim đôi-lốt «giáo-dục sinh-lý» như : Akte der Liebe (Động-tác ái-ân), Beiss mich Liebling (Cắn em đi cưng), Umarmung (Vòng tay), Der Mann der unbekannte Wesen (Đàn ông, thực-thề khó hiểu) màn giáo đầu thường có một ông bác sĩ giảng giải, nhưng tiếp theo là những động tác ái ân điên cuồng, nóng bỏng cốt câu khách. Lần nào vào rạp, tôi cũng thấy ông già bà cả ngồi chăt đống cả đấy, nhiều khi họ chiếm hơn nửa rạp. Với tuổi tác của họ, thận đã suy, gân yếu, các giác quan đã mòn cảm-xúc, không biết còn hứng thú gì mà họ nô nức đi xem ? Hiện tượng lạ lùng này không biết đã có nhà tâm lý-học nào nghiên cứu và giảng giải chưa. Phải chăng đó là một loại Postlude của cái mà Freud gọi là Libido? Họ đi xem để nhớ lại quá khứ vàng son của mình hay ở tuổi gần đất xa trời mọi vật của cuộc đời đều trở nên có ý nghĩa ? Đó là dân thành thị, ngược lại ở thôn quê nhiều nơi còn giữ những cổ tục khắt khe, nhiều khách sạn không chấp thuận cho các cặp trai gái thuê phòng ngủ chung, hoặc cảnh ôm nhau hôn hít ngoài đường bị dòm ngó, khinh khi. Tại miền Nam Đức, khi làm nhà, họ còn giữ tục đặt một vòng lá đề xua đuổi ô uế và trấn ếm ma quỷ như tập tục của người Thượng hoặc những lá bùa bát quái dán trên thượng-lương như ở xứ mình. Tôi hỏi họ

«ao còn giữ tục lệ đó thì trăm lần như một họ đều dùng câu «Wir sind auf dem Land» (Chúng tôi ở thôn quê) để hờ hững biện minh, thoái thác câu trả lời.

Ngồi một lát, mắt tôi mỏi rục, cố trông cho mau đến giờ các bars đóng cửa theo luật định « trước 3 giờ sáng » để về nhà ngủ một giấc. Bất ngờ hai cô « Beat » ngồi bên cạnh nói với Wada : « Bá-linh là thành-phố duy-nhất trên nước Đức không có giờ ấn-định của cảnh-sát » (ohne Polizeistunde). Nghĩa là tha-hồ ăn chơi, bất kể giờ giấc, chẳng ai cấm cản gì. Thất vọng, tôi bèn giả vờ vào phòng vệ-sinh, viết lại cho Sethavatics miếng giấy nhỏ, hẹn gặp ngày mai « để đi chùa », rồi chuồn mất.

Sáng hôm sau, đang quán mình trong chăn ấm, sương thu lành-lạnh len vào phòng mang theo mùi hoa thơm ngát, lại chợt nghe tiếng giáo-sư Kunze gõ cửa, gọi dồn-dập như lửa cháy. Nhìn đồng-hồ đúng 8 giờ. Hôm nay chương trình của chúng tôi có hai phần : buổi sáng xem bảo tàng-viện Staatlichen Museum ở Dahlem, buổi chiều có cuộc «Ausflug» (du-ngoạn) ra ngoại-ô xa. Mặc quần áo như cái máy, tôi chạy xuống phòng đã thấy giáo-sư Kunze ngồi đấy. Ông bắt tay tôi, nói với vẻ trịnh-trọng : « Một tin lạ » ! Một máy bay Nga bị cướp ! Chuyện hi-hữu ! Rồi ông say-sưa kể lại diễn-tiến của sự việc, mọi người lắng nghe với tất cả thích thú.

Từ trung-tâm thành-phố ra Dahlem, tàu chạy qua một vùng cây cảnh thanh-u trên mặt đất, giữa hai bờ đá đắp cao. Gió cuốn lá vàng bay tơi-tả, quyen vào thân tàu vàng thẫm. Giáo-sư Kunze buồn buồn tâm-sự : « Thiên-nhiên kẻ thật nhiệm-mầu. Cây cỏ lột xác sống mãi, duy chỉ con người đi biến-biệt vào hư-vô. Mới ngày nào đây, tôi còn học ở Berlin mà bây giờ đã đi vào mùa Thu của cuộc đời. Những ngày mùa Đông còn lại sẽ là gì đây ? Bởi thế các anh còn trẻ phải làm một cái gì để thân-thể khỏi nát với thời-gian ». Rồi ông khôi-hài ghép tên mình vào một tam-đoạn-luận trong triết-học :

Alle Menschen sind sterblich,
Kunze ist ein Mensch
Also ist Kunze sterblich.
(Mọi người đều phải chết,
Kunze là một con người,
Vậy thì Kunze phải chết.)

Tôi an-ủi ông : — « Ở xứ tôi những người chết già con cháu mừng rỡ bịt khăn đỏ cho là nhà có phúc. Giáo-sư hãy nhìn xem trong thama, mộ của những người trẻ tuổi nhiều hơn người già ». Chưa xong câu chuyện, tàu đã đậu trước sân ga Dahlem. Nhà ga lợp mái rạ, tường quét màu đất xám, phòng bán vé sơn-phết hoa-hoè trông thật là đẹp mắt. Chúng tôi đi bộ một quãng đến đại-lộ Animallee. Khu-vực này thật xinh và yên-tĩnh, các biệt-thự có vườn rộng nằm xa đường-cái. Bảo-tàng-viện Dahlem là một

trong những bảo-tàng-viện danh-tiếng nhất của nước Đức, ngày xưa còn danh tiếng hơn cả Deutsches Museum ở Munich, Senckenberg ở Frankfurt, Alexandre-König ở Bonn v..v... Những cơ-sở lớn của viện nằm rải-rác trên một khu đất rộng. Cỗ-vật của Trung-hoa, Ấn-độ, Nhật-bản, Thái-lan... nhiều vô-số. Tôi cố tìm xem có gì của Việt-nam không, nhưng tuyệt đối không thấy. Trên tường phòng, treo nhiều bức ảnh chụp sắc thái các giống dân Âu, Á, được phóng thật lớn. Mỗi phòng là một nền văn-minh cổ. Nền văn-minh phát-xuất thời kỳ nào, đặc-tính làm sao, cỗ-vật tìm thấy ở đâu, đều được tóm lược trên những trang giấy in gọn-ghẽ biểu du khách. Tôi thích nhất khu-vực của thổ dân Polynesie, Oceanie với những chiếc thuyền lớn, để choán cả một căn phòng. Có loại thuyền một thân, che thêm một mái lều cheo-leo để ngồi câu cá, có loại hai thân như chiếc pedalo. Có loại được kết thêm tre và rơm, dựng buồm cao để vượt bèo. Tất cả đều không giống những chiếc thuyền của ta, cả về hình-dáng lẫn cách đóng. Từ trong lòng thuyền phát ra một điệu nhạc trầm-trầm và tiếng ca rền-rỉ của thổ-dân khi chèo thuyền ra khơi. Các kiểu nhà, dụng-cụ, binh khí của họ thứ gì cũng thấy lạ mắt, đáng học-hỏi.

Chúng tôi đi vòng ra phía sau xem cơ-sở trưng bày các tác-phẩm Mỹ-thuật. Nhiều bức tranh lớn như một bức tường, du-khách phải ngồi xuống ghế, ngừng mắt nhìn lên mới thấy

hết. Giáo-sư Kunze giảng-giải từng chi-tiết cho sinh viên nghe, họ chăm chú ghi chép cẩn-thận, tôi đoán chắc lại thêm một đề luận nữa đây. Giáo-sư Kunze rất thông-thái, cái gì ông cũng biết và biết rất thấu đáo. Ông cho tôi biết, trong thời-kỳ chiến-tranh, tất cả những bảo-vật trong bảo-tàng-viện này nhờ cất xuống hầm sâu, nên không bị hư-hao gì, duy những bức tranh giá-trị nhất bị lấy về treo ở bảo-tàng-viện Đông-Đức.

Xem xong, ra phòng bán bưu-ảnh kỷ niệm, chúng tôi được quyền chọn mỗi người hai tấm khỏi trả tiền. Tôi chọn tác-phẩm điêu-khắc nhan đề «Adam und Eva» của Leonard Kern và bức họa «Der Jungbrunnen» (máy nước làm trẻ lại) của Lucas Cranach. Tác-phẩm của Kern tạo năm 1646, đường nét sắc-sảo, dáng điệu thật gợi cảm. Hai chiếc lá nho thay vì đây trên bộ-phận của bà Eva lại che bộ-phận của ông Adam. Và thay vì con rắn như trong thần-thoại, dưới chân Adam lại có con rùa. Chẳng hiểu ý nghĩa gì? Bức tranh của Cranach vẽ một hồ nước lớn, vô số đàn bà khỏa thân đang lặn-hụp. Các bà già cả bệnh tật được cẳng từ xa đến nằm đầy một bên hồ. Bên kia là các thiếu-nữ xinh-đẹp vừa lột xác, từ dưới hồ nước bước lên được đón tiếp vào cuộc vui có ca-xang, yên-âm. Bức tranh gợi trí tôi nhớ lại một câu chuyện trong kinh Phật, mà một nàng Tôn-nữ ở trường Luật Huế kể cho tôi nghe vào một chiều thu quạnh, lá vàng ngập lối như hôm nay. Nàng

kể rằng, đề thử lòng tham của con người, Đức Phật dùng phép thần thông tạo ra một giòng suối trong trẻo có khả năng biến những người già cả trẻ hẳn lại. Ai muốn mình trẻ lại chỉ việc cởi quần áo xuống lặn hụp trong vòng một khắc đồng hồ. Chỉ một khắc là đủ. Một bà già tham quá, thay vì một khắc lại kỳ cọ, ngâm dầm suốt hai khắc với ý nghĩ sẽ trẻ đẹp hơn mấy người kia. Không ngờ ngâm lâu quá, thay vì trở thành một cô gái tròn trắng xinh đẹp, lại thành một đũa con nít. Buồn lòng, bà già trong thân hình con nít thút thít khóc mãi. Trong tranh của Cranach, các bà cũng dành nhau xuống tắm. Không biết có bà nào tham lam tắm lâu như trong kinh Phật chẳng? Tôi đem câu chuyện kể cho giáo sư Kunze nghe. Ông cười đắc ý bảo: — «Trời ơi! đàn bà mà! Anh không biết mấy câu châm ngôn của Đức sao:

Die erste Frau von Gott,
Die zweite vom Menschen,
Die dritte vom Teufel.

(Người đàn bà thứ nhất do Chúa tạo, người thứ hai do con người, người thứ ba do bọn quỷ sứ). Chúng tôi cười bẽ bụng suốt trên đường từ bảo tàng viện Dahlem sang thăm viện Đại-học Freie Universitat của Berlin. Tưởng cũng cần biết người Đức rất thông hiểu Phật giáo. Dưới thời Hitler, người Đức tự tôn với huyết-thống và óc thông minh của họ, có kẻ cho rằng giống Aryen ở Ấn-độ liên hệ ít nhiều với dân Đức, do đó các học giả của họ đã ra công nghiên

cứu và mang về nước Đức tất cả những tài liệu Phật học xưa và quý nhất thế giới không nơi nào có. Hiện ở Berlin có một ngôi chùa lớn do các nhà sư Tích-lan trụ trì, quy tụ gần 500 tín đồ trên tổng số 7000 người Đức theo Phật-giáo.

Từ xa, đã thấy bóng dáng tòa nhà Đại-học, nhiều cơ sở đang được sửa chữa, tiếng còi trực chạy rì rào. Con đường phía trước bị chặn, chúng tôi luồn phía sau đi vào. Lối kiến trúc tân kỳ, phòng ốc rộng rãi, khoáng đãng. Trên mặt tiền Đại học ghi hàng chữ: « Freie Universitat Berlin — Henry Ford Bau ». Henry Ford, ông vua xe hơi Mỹ có lẽ là ân nhân đã giúp tài chánh xây cơ sở của viện. Việc xây cất khởi công năm 1948 với sự hỗ trợ của tướng Mỹ Lucius Clay, tư lệnh đạo quân chiếm đóng Berlin. Lúc bấy giờ có sự tranh chấp quyết liệt giữa những phần tử Mác xít và những sinh viên không muốn mang chính trị vào học đường. Viện Đại-học chính của Berlin lập năm 1810, trẻ nhất nhưng đầy đủ và lớn nhất nước Đức, nằm ở đại lộ Unter den Linden. Trong đệ nhị thế chiến, cơ sở viện bị bom đạn tàn phá. Một năm sau ngày Berlin thất thủ, ngày 29.4.1946 viện mở cửa trở lại dưới sự kiểm soát của chính quyền Cộng sản. Sinh viên ngồi học phải mặc áo choàng ấm vì trường không có lò sưởi, và được ăn buổi chiều miễn phí. Nhưng sự học vấn đã bỏ lỡ lối cổ truyền bước vào một nẻo mới. Một chứng nhân kể lại: « Giáo sư và sinh viên Cộng sản ngày mỗi ồn ào hơn, những người không

Cộng sản ngày mỗi gặp khó khăn hơn. Lịch-sử được biện-thuyết theo chiều hướng mác-xít. Văn-học « tiến-bộ » trở thành nền tảng. Những thi sĩ như Lessing và Heine trở thành những kẻ tiên phong của chủ nghĩa Cộng sản. Trong các cuộc hội thảo buổi chiều, người ta cho sinh viên ăn miễn phí và nghe lý-thuyết mác-xít. Những giáo-sư, trong giờ diễn giảng nói nhiều về tự-do, đã nhận được những lời cảnh cáo của kẻ vô-danh qua đường điện thoại. Đó là nếp sinh-hoạt đã xảy ra ở Đại học. »

Một sinh viên tên Georg Wrazidlo, chống đối việc mang chính-trị vào Đại học bị lừa bắt đưa ra tòa lãnh án 25 năm tù. Tất cả sinh-viên Berlin được tin, xôn xao ngỡ-ngác, không biết số phận mình sẽ ra sao. Bất ngờ, trong tập san sinh viên nhan đề « Colloquium » (tiếng la tinh có nghĩa là đàm-thoại) hai sinh viên Otto Hess (y-khoa) và Joachim Schwarz (luật) bàn đến một thể chế tự-do cho sinh viên. Cả hai lập tức bị tổng cò khởi Đại-học. Nhưng không ngờ từ Colloquium chính là cái nhân đã tạo ra ý nghĩ lập một viện Đại-học Tự do sau này. Ý nghĩ ấy thành hình vào tháng 12-1948, sau những bàn cãi cò kè bớt một thêm hai giữa dân Berlin khốn khổ và những tên tài phiệt ân nhân chính-trị bất đắc dĩ. Lúc bấy giờ, Đại học chỉ có 3 phân khoa. Y khoa với 12 giáo sư và 15 phụ giảng, Triết 17 giáo sư cộng 28 phụ giảng và Luật 9 giáo-sư và 32 phụ giảng. Ngày nay, số sinh viên lên đến 17.000 người và số giáo sư tăng gấp mười lần ngày xưa. Tất

cả các phân khoa đều mở đủ. Trên băng ghế đặt giữa sân, chúng tôi thấy nhiều nữ sinh-viên ngồi đọc sách. Nhiều cặp khác dìu nhau đi qua những rặng cây cao, dẫm chân trên thảm lá xào-xạc. Họ vừa bắt đầu khóa học mùa Đông (Wintersemester).

Ăn cơm trưa xong, chúng tôi dùng xe buýt của hãng du lịch ra chơi hồ Wannsee ở ngoại ô Berlin, nơi có bãi tắm dài 1, 2 cây số. Xe qua đại lộ Claystrasse, khu cư-trú của 3000 lính Mỹ, với cư xá, nhà giải trí, sân thể thao và hàng quán riêng. Họ sống với tư cách một chủ nhân ông trên miền đất chiếm đóng không dính dáng gì đến dân địa-phương. Vùng ngoại ô Berlin thật rộng-rãi với rừng cây êm-ả, lấm-tấm những mái ngói đỏ loét nổi bật lên giữa cảnh-sắc thiên-nhiên. Xe chúng tôi dừng trước cầu Glienicker Brücke, biên-giới phân chia Tây-Bá - Linh và Đông - Đức. Bên kia là lâu - đài Potsdam của Hoàng đế Friedrich đệ nhị, ngày xưa mệnh danh là "cung điện Versailles của nước Phổ", xây bên ven hồ Havel, giữa rừng Sans-Souci thơ mộng. Bên này là Kleinglie nieke, tiểu lâu đài nằm giữa một khu rừng cây xanh biếc khác, rộng 116 mẫu tây ăn thông đến hồ Havel. Người hướng dẫn cho chúng tôi biết, cầu Glienicke chỉ dành riêng cho xe quân sự của Đồng minh di chuyển. Chiếc cầu cồng kềnh thật đẹp, trên các trụ đầu cầu dựng nhiều tác phẩm điêu khắc bằng đá, dưới sông tàu chở khách du ngoạn trang hoàng cờ xí rực rỡ. Hoàng đế Friedrich II là một ông vua yêu văn

chương, nghệ thuật. Trong lâu đài Potsdam, ngày xưa thường quy tụ nhiều văn nhân, thi bá của Âu châu. Triết gia Pháp Voltaire thường nhắc đến ông vua này với tất cả cảm tình nồng hậu. Ngày nay quang cảnh thật buồn. Chiếc rào cản sơn hai màu đen vàng toát ra một vẻ thê lương áo nảo khiến du khách cảm thấy buồn lạ lùng. Thêm vào đấy, mấy cảnh sát viên mặc đồ dạ sẫm, súng đạn đầy người, thường xuyên dẫn theo chó trận tuần tiễu cần mật.

Rời cầu Glienicke, chúng tôi dạo qua rừng Grunewald bao la, bắt ngát đến thẳng tháp Grunewaldturm. Giữa rừng có hồ rộng, đường tráng nhựa láng bóng chạy mấp mô theo ven hồ, vào những ngày cuối tuần, dân Berlin thường đổ xô đến đây cắm trại nghỉ mát. Cô Ess khe-khẽ hát :

« Wenn ich am Waldrand steh' »,

« weit in die Talern seh' »

« Seh' ich mein Heimatland

« Still vor mir liegen »

« Du liebes Heimatland, »

« wie bist Du schön ! »

(Đứng ven rừng nhìn ra,

Lớp lớp thung lũng xa.

Trước tầm mắt hiện rõ

Thiên thiếp quê hương ta.

Chao ôi quê hương đẹp !

Yêu thương ngập hồn ta (1).

Chiếc tháp sơn màu gạch đỏ, nằm cô quạnh giữa rừng cây, không biết đã

(1) Bài ca của dân ca nguyên Eisenstein do Ing E. Ascherl sáng tác năm 1900.

xây từ đời nào. Có lẽ là một di tích của các vua chúa Đức dùng làm nơi nghỉ chân trong lúc ngự du săn bắn. Hiện tháp được dùng làm nơi bán đồ giải khát cho khách chơi rừng. Uống một cốc trà Tích lan, nhấm nháp xong một miếng bánh Grunewaldkuchen lớn, chúng tôi cho xe rẽ lên mạn Bắc thăm khu triển lãm quốc tế Ausstellungsgelände, rộng 67.000 mét vuông nằm trong một diện tích um-tùm thơ mộng rộng 125.000 thước vuông, với những hàng ghế sơn phết sắc sỡ đặt trên những lối đi yên tĩnh, mát mẻ, vào mùa xuân hoa nở đẹp. Trong khu triển lãm còn có nhiều dãy nhà lớn và chiếc tháp vô tuyến Funkturm cao 150 thước, đúc toàn bằng thép. Đứng trên đây nhìn ra,

tầm mắt có thể bao quát cả khu lâu đài Potsdam. Vượt Theodor Heuss Platz, chúng tôi đến vận động trường Olympiastadion. sau khi xem viện-bảo tàng Kolbe Museum ở Sensburger Allee. Viện bảo tàng này trước kia là xưởng làm việc của các nhà nghệ sĩ lừng danh do Hoàng gia bảo trợ. Trong viện còn có 250 tác phẩm bằng đồng và vô số các phóng đồ, mô hình lưu giữ nguyên vẹn. Vận động trường Berlin có đến 100.000 chỗ ngồi, xây vào dịp Thế vận hội Berlin năm 1936. Ngoài những môn điền kinh thông thường còn có nơi đua ngựa và hồ bơi.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN LÊ NGUYỄN VŨ

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Mùa Xuân cho bé Thơ

Buổi sáng hôm đó, bé Thơ dậy từ lúc mặt trời chưa mọc. Sương còn ngập đầy những khu rừng tiếp nối, cho nên nhìn sang nhà bên kia, Thơ thấy mái tôn xám mấp mờ ẩn hiện như căn nhà ma. Bé dậy đã sớm, nhưng cha còn dậy sớm hơn. Cha đang ngồi trầm ngâm bên cái bàn nhôm, một tay gõ bâng quơ trên mặt bàn, một tay lầu lầu tìm mấy sợi râu còn sót. Khác với mọi ngày, hôm nay cha mặc áo lương độn và quần tây cũ. Đôi giày da bé thấy cha giấu kỹ trong xó tủ, hôm nay được đánh bóng mới toanh.

Bé cũng được một đôi giày mới, mới hơn đôi giày của cha nhiều. Cha mới mua cho bé chiều ba mươi tết, lúc chủ tiệm đã cố ý tỏ sự ơ hờ với khách mua để lo đóng cửa sửa soạn giao thừa. Bé muốn mang giày ngay lúc đó, nhưng cha hiền từ khuyên lơn :

— Ráng chút con. Ráng chờ sáng mai đầu năm lấy hên.

Bé Thơ nhanh nhẹn lạng lẹ trụt xuống khỏi giường. Bộ đồ mới cha ủi thẳng hòm qua còn nguyên trên ghế. Nhìn xuống đũng quần, bé ngỡ ngàng với chính mình, lại lo sợ cha biết bé đã trở dậy nên nhón gót đi xuống bếp. Bé rửa mặt thật lẹ, gáng hạ thấp ca cho tiếng nước rơi khỏi đến tai cha. Bé cởi cái quần ướt đầm và khai đêm trước, khép cánh cửa lại rồi mặc quần áo mới. Tuy nhà chỉ có hai cha con, nhưng bé thấy cha luôn luôn

giữ gìn ý tứ lúc thay đổi quần áo. Cha bảo bé Thơ đi ra ngoài chơi, khép kín cửa lớn rồi mới thay đồ. Bé khâm phục sự cẩn thận của cha. Để cho người khác thấy bộ xương cách trí này thật không nên. Lúc mặc xong quần áo mới, lấy khăn lau sạch lần nữa cái mặt còn ướt, bé Thơ mới dám đẩy mạnh cánh cửa ngăn. Ông Thông hỏi :

— Thơ dậy phải không con ?

Bé trả lời.

— Dạ. Đi chưa cha ? Chờ con mang giày đã.

Giọng ông Thông hết sức ngạc nhiên :

— Đi đâu ? Sáng nay mồng một, xông đất nhà người ta, lỡ suốt năm họ làm ăn lỗ lã, đau yếu, mình phải nghe chửi mắng lắm. Chờ chiều hãy đi quanh thăm mấy nhà láng giềng.

Bé Thơ không ngờ cha mau quên đến như vậy. Mới chiều hôm qua, lúc bé phân bì nhà thằng Tèo có nhiều bánh trái và có cả bình hoa mai to tướng, cha đã ngáng mặt vênh vênh, ra vẻ tự đắc :

— Ôi, hơi đâu mà so bì với người ta, con. Mai cha dẫn con đi dự lễ, xem nhiều người mặc áo đẹp này, xem lính thổi kèn này, xem lính bắn súng này. A quên, mai cha cho con thả một chùm bong bóng xanh đỏ. Thích không ?

Bé Thơ đã nói : Thích. Thích lắm. Bé ngủ, và đã mơ thấy hàng hà sa số bong

bóng không biết từ đâu bay về, chen nhau vào trong cửa sổ buồng. Có cái bong bóng màu đỏ ối. Có cái bong bóng màu vàng rực rỡ. Có cái màu tím thắm. Có cái màu xanh da trời. Có cái màu lá cây. Có cái màu xám nguệch. Bé không thích mấy cái bong bóng sau cùng này. Chúng nó cà lắc, mới ráng chui vào đó đã biến mất đó. Cái màu xanh bay ra cửa sổ và nhập vào sắc trời. Cái xanh lá cây chui xuống khóm su hào và biến thành một nụ hoa. Cái màu xám chập chờn, bập bồng bay lên trần rồi thành một lá tôn. Chỉ có mấy cái bong bóng đỏ vàng tím không trốn đi đâu được. Bé nhảy lên chụp mấy sợi dây lại, được dây nào cắn thận cột vào cổ tay trái. Cột được đến cái bong bóng thứ một trăm, bé thấy người nhẹ nhõm. Tự dưng trần nhà mở ra như một phép tiên. Bé bay lên không. Cha đứng dưới giàn su vẫy tay từ biệt. Thằng Tèo nhia bé với đôi mắt thèm thường. Bé bay lên tới phố, là là trên nóc hội-trường, lướt qua đỉnh tháp chuông nhà thờ, vươn cao lên khỏi trụ vô tuyến đang chụp bắt những áng mây. Ông tiên vui có cái râu dài thấy bé lên đỉnh mây, rủ bé chơi trò cút bắt. Về sau ra sao, bé quên mất, nhưng chắc chắn cha có hứa sáng nay dẫn bé ra công viên dự lễ. Bé vừa mang đôi tất ngũ sắc vừa nói với cha :

— Cha bảo sáng nay cho con đi thả bong bóng mà.

— Ông Thông nghe con nói, giật thót người như chạm phải điện. Ông chạy ra phía cửa sổ nheo mắt xem đồng hồ. Ở đây, mặt trời lên trễ, vì đỉnh núi phía đông quá cao và thị trấn nằm

sâu trong lũng thấp. Bóng tối còn lằng lằng đây đó, sương chưa tản hết trên từng khóm lá, nhưng đồng hồ đã chỉ bảy giờ. Thôi chết rồi! Chỉ còn một giờ nữa buổi lễ bắt đầu. Ông Thông chạy xuống nhà bếp khép cửa sau, chạy vào buồng khóa lại cái tủ gỗ đựng quần áo, rồi đẩy nhanh cái xe đạp cũ ra cửa trước. Ông rời rít bảo bé :

— Mau đi con! Mau đi con! Thơ không nhắc cha, thì nguy to rồi.

Bé gài mãi chưa được cái quai giày xăng-đan. Cha dùng hai tay xốc bé ra trước thềm, đóng ập cửa lại. Trong lúc tí tách khóa, cha ngáp ngừng, dăm chiêu như muốn tìm cái gì. Chợt cha à lên một tiếng :

— Chút nữa cha quên cái bánh chưng. Để hai cha con mình đem theo, lên khán đài ăn sáng luôn thể. Cha cứ hoang mang, nhớ nhớ mình quên cái gì. Hóa ra là quên ăn sáng!

Bé Thơ cười vui sướng, một phần vì thấy cha vui tính bông đùa vào sáng đầu tiên của mùa Xuân, một phần vì vừa gài được quai giày. Cha lấy bánh xong, đưa cho bé cầm, lần này cương quyết khóa thật nhanh nhưng cái ổ khóa cũ đột ngột trở chứng. Cha giật mạnh cái chìa mà không ra, nó mắc kẹt trong ổ khóa. Đến lúc gắng sức giật ra được, ổ khóa lại bật tung. Cha sắp mất kiên nhẫn, thì cái ổ khóa cảm thấy trêu chọc như vậy đã đủ rồi, chịu nằm yên trong ngàm và chịu cho ông Thông lấy chìa dễ dàng. Nét mặt cha bớt vẻ hăm hờ ban đầu. Cha nghiêng xe đạp, quàng chân ngồi lên yên, ra lệnh cụt lủn cho bé :

— Leo lên lẹ đi!

— Tình thế đã đổi khác. Tốt hơn hết, nên giữ im lặng cho lửa hạ xuống, cho gió mùa xuân, sương mùa xuân làm nguội hơi nóng giận. Thor tự bảo vậy, nên chỉ bấu chặt tay vào yên xe chứ không dám ôm lưng cha. Gió và sương mát dịu thật. Nhà cửa thiên hạ còn đóng im ỉm, nên con đường chật hẹp hàng ngày trở nên quang đãng sạch sẽ. Chỉ có vài người từ phía ngôi chùa trở về, tay vẫn còn cầm cành lộc non. Bé Thor đoán niềm vui đã dần dà nhen nhúm trở lại nơi cha, khi ông Thông triu mến bảo con:

— Xuống đi con Thor. Đứng đây đợi cha đi gửi cái xe đạp rồi đến công viên.

oOo

Ông Thông đã gửi xong cái xe đạp ở nhà kho Toà Hành-chánh. Nhưng lúc ra, ông đem theo cây chổi và cái phất trần. Bé Thor hỏi:

— Hôm nay lễ mà cha?

Ông Thông buồn rầu trả lời con:

— Ừ, lễ. Nhưng cha không được nghỉ. Ngày thường lao công lo quét dọn các văn phòng, lau chùi bàn ghế. Ngày lễ lo quét dọn khán đài, phủ bụi trên ghế quan khách...

Hai cha con dắt nhau ra phía công viên. Bé Thor thấy thương cha tràn trề.

Bé nói:

— Để con vác cái chổi.

Ông Thông vuốt đầu con:

— Con trai vác súng oai vệ hơn vác

chổi. Lớn con thích đi lính không?

— Thích. Con bắn súng đoành đoành. Con bắn chết mấy con chuột. Cha đưa chổi cho con vác, giả bộ làm súng.

Ông Thông cười, đưa cái phất trần cho con bảo:

— Vác súng dài là lính tron. Con cầm cái súng ngắn này làm tướng.

Bé Thor hỏi:

— Súng ngắn bắn có chết không cha?

— Sao không?

— Lính dùng súng dài bắn lính bên địch. Tướng dùng súng ngắn bắn tướng địch phải không cha?

— Không. Mấy ông làm tướng chỉ cầm súng ngắn lấy oai. Có oai để ra lệnh cho lính đánh nhau. Tướng không cần bắn súng.

Bé Thor không hỏi nữa, cắp cái phất trần vào nách giống như các ông Đại-tá cắp hèo duyệt binh, cười nói với ông Thông:

— Cha coi đây. Con giống ông Đại-tá đi « nhìn » lính hôm trước không?

Ông Thông cười lớn, ngắm một cách thích thú đứa con trai lên sáu mặc quần áo mới, gắng làm điệu đi oai vệ như người lớn, chổi lông gà cắp vào nách khó khăn nên đôi vai rùn lên, đầu ngoẹo hẳn sang bên mặt. Ông Thông kêu Thor lại:

— Thôi, oai lắm rồi, ông Tướng. Lính tráng họ đã hàng ngũ chỉnh tề rồi kìa. Con lên khán đài phủ bụi cái ghế niệm nhưng đồ đặt ngay chính giữa.

Rồi lần lượt phủi hết mấy hàng ghế sau. Làm cho mau, chóng ngoạn cha thương, lớn cha cho đi làm Tướng. Để cha lo quét sơ cái sân cờ.

Lính trong tiểu khu mặc áo trắng nếp, đang chỉnh đốn hàng ngũ và ôn tập thao diễn. Bé quen với cảnh này quá rồi, nên không thêm để ý. Bé lo phủi bụi mấy hàng ghế trên khán đài. Ông lính mang gương trắng ngồi góc bên kia nhìn bé với đôi mắt xoi bóí nghi ngờ. Nhưng ông không đứng dậy. Ông ta chờ bé đến gần hỏi trống:

— Ở đâu, làm gì đây?

Người lính đứng dưới bục trả lời thay cho Thơ:

— Thằng con lão lao-công tòa hành chánh đó Đại-úy.

Ông Đại-úy chưa tin, hỏi lại:

— Con ông Thông hả?

Bây giờ bé Thơ mới trả lời:

— Dạ.

Đại-úy không chú ý tới bé nữa, quay sang hỏi người lính:

— Đã cho thử lại băng phát-thaah chưa?

— Thưa Đại úy, đã thử rồi.

— Bắt đầu từ chỗ nào?

Người lính lúng túng:

— Từ lúc mở đầu bài quốc-ca được không Đại-úy.

Viên sĩ-quan khánh-tiết bắt đầu nổi sùng, nhưng hình như chợt nhớ hôm nay là ngày đầu năm, nên cố gắng nói thật chậm để dần giận dữ:

— Tôi đã bảo với anh là không cần đoạn quốc-ca. Ban quân nhạc của tiểu-khu đứng sắp hàng dưới kia, làm gì sang nay, mà anh để băng quốc-ca. Anh nhớ kỹ cho tôi: lúc tôi điều khiển lễ thượng kỳ, anh mở cái nút micro. Lúc tôi hô « nghiêm » để toàn thể quân cán chính long trọng đón nghe thông-điệp của Tổng-thống, anh mới tắt nút micro và mở nút tape. Đoạn, anh cho máy thu băng chạy. Nghe rõ chưa?

Người lính tuy đã quá quen với công việc, nhưng buổi lễ long trọng định vận hên xui của cả một năm, cùng những lời dặn dài dòng của viên Đại-úy làm cho anh bối rối. Anh ta lắp bắp:

— Thưa Đại úy nghe rõ. Lúc Đại úy hô « nghiêm » thì mở tape.

Chúc Mừng

Vui mừng được tin:

Anh NGUYỄN THANH LONG

vâng lệnh song thân làm lễ thành hôn với:

Cô NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT

Hôn lễ sẽ cử hành ngày 12-1-1972 tại Qui-nhơn

Thành thực cầu chúc đôi bạn tìm được Hạnh-phúc lâu bền

Gia đình MANG VIÊN LONG

Ông Đại úy giật mình hỏi lại :

- Tôi hô « nghiêm » khi nào ?
- Khi điều khiển thượng kỳ, Đại úy hô « nghiêm » thì mở tape.

Viên sĩ-quan tức giận, đập mạnh tay lên ghế quất :

- Ai bảo anh thế ? Lúc thượng kỳ, anh mở tape làm sao ban quân-nhạc tấu bài quốc ca.

Rồi ông kiên nhẫn nhắc lại thật chậm nhưng điều căn dặn, bắt người lính lặp lại những điều phải làm. Một anh lính khác chạy đến báo cáo :

- Thưa Đại-úy, bong bóng sắp đem về. Phải nhờ ba cái bình xì mới mau như vậy. Tuy biết lụp chụp vội vàng, nhưng tội em không dám bơm sớm, sợ hơi đá xì hết thả không bay.

Viên sĩ-quan trút bớt sự giận dữ lên người lính vừa hôn hồ tâng công :

- Anh biết bây giờ mấy giờ rồi không mà chưa đem bong bóng về ? Chỉ còn có hai chục phút nữa thôi.

Nét mặt người lính xù như cái bong bóng bơm quá sớm anh vừa nói. Người lính lí nhí biện-hộ :

- Thưa Đại úy, chắc chắn kịp. Chiếc Jeep sắp về ngay bây giờ.

Ông Đại-úy tự nhận thấy mình bắt công, hạ giọng an ủi :

- Thôi được. Cám ơn anh. Nhớ dặn lão Thông cách thả : màu vàng trước tiên vì là màu cờ. Màu đỏ tiếp theo tượng trưng cho màu ba sọc, tới mấy bong bóng xanh màu hy vọng. Cuối cùng, thả bong bóng trắng như màu cánh

bồ câu hòa bình. Nghe rõ không ?

Tuy hỏi vậy, nhưng Đại-úy không bắt nhắc lại kỹ càng như đối với người lính truyền tin. Ông bỏ khán đài chạy xuống đoàn quân đang đứng ngay ngắn theo đội ngũ. Bé Thor nghe lóm câu chuyện mấy chiếc bong bóng, hí hửng phất cái chổi lông gà cầu-thả trên hàng ghế sau cùng, rồi chạy về phía cha. Chiếc xe Jeep chở bong bóng đã trở về, và người lính chịu trách nhiệm trọng-đại đang lo giải thích cặn kẽ cách thả bong bóng cho cha của bé Thor. Bé đến nắm chéo áo lưng của cha, nhưng ông Thông mãi nghe không chú ý đến con. Ông cứ gật đầu lia lịa :

- Được, được. Anh nói sơ tôi đã hiểu. Màu vàng phải thả trước vì tượng trưng cho nền cờ. Màu đỏ thả tiếp theo vì là màu ba sọc. Màu xanh hy vọng. Màu trắng bồ câu hòa bình.

Người lính không yên tâm, cố dặn :

- Bác nhớ kỹ chuyện thả bong bóng sau thông-diệp là sáng kiến của Đại-tá. Ông chú ý lắm đó. Bác thả bong bóng sai thứ tự, là chôn sống tội này đó nghe. Bác nhớ kỹ cho.

Ông Thông giải thích cho người lính yên lòng :

- Tôi lanh trí lắm. Anh khỏi lo. Cái gì khó thuộc, tôi đặt về là nhớ suốt hết. Này nhé, tôi chỉ cần nhớ câu này :

ĐỎ VÀNG máu ĐỎ cùng nhau.

RỪNG XANH sao để TRẮNG phau xương tàn.

Người lính vỗ tay cười, yên lòng bỏ đi.

Bé Thơ không còn thấy gì khác hơn chùm bong bóng trên đỉnh đầu. Y như trong giấc mộng, vì mấy chiếc bong bóng mặt mày nhẵn nhụi tươi tắn này cũng cả lác tặc. Chúng không chịu đứng yên. Cái nọ cọ má vào cái kia, kêu riu rít như tiếng chim sẽ mới ra ràng từ trong tổ ấm mừng gọi trời xanh và cảnh lá bao dung. Mỗi lần gió lạnh từ đỉnh núi thổi thốc từng cơn, là mỗi lần chiếc bong bóng hớn hờ nghiêng ngã. Ban đầu, sợi dây chỉ còn thả dài, chiếc nào bành bồng ngã nghiêng theo hướng chiếc nấy. Càng về sau, mãi lo cọ đầu nghiêng vai, chúng quấn lấy nhau, làm thành một chùm liên kết. Cha lo âu nói với bé Thơ :

— Con coi chừng giùm cho cha. Chúng nó dính chùm thế này, chốc nữa làm sao thả theo từng màu được. Con cầm cho cha màu này.

Ông Thông đưa chùm bong bóng màu xanh cho bé cầm. Tay bé run, bé sợ nó bay mất để nhập vào vòm cao xanh như mấy chiếc trong mộng. Ông Thông lại tưởng con lạnh, trách móc :

— Cha đã dặn mồng một hay mưa phùn và mù sương. Năm ngoái năm kia cũng vậy. Con ưa mặc đồ mới, bây giờ lạnh run thấy không ?

Bé Thơ trả lời :

— Con đâu có lạnh. Con sợ nó dăng ra khỏi tay con, bay tuốt lên cao, mắt hút không tìm ra. Nó xanh màu trời hy vọng hả cha ?

Ông Thông ngạc nhiên thấy con nói một câu « người lớn » quá tuổi :

— Ai dạy con nói vậy ?

— Dạ ông Đại úy dặn ông lính. Ông lính dặn lại cha. Con nghe rõ mà.

Ông Thông cười, tự nhận cái lỗi lầm lảm cẩm về mình. Thơ lấy chùm dây quấn nhiều vòng quanh cổ tay trái, trong khi ông Thông lo gỡ mấy cái bong bóng xanh còn mắc dính vào chùm bong bóng vàng. Lúc gỡ xong, ông lại thấy chùm bong bóng đỏ đã quấn chặt vào chùm trắng. Ông Thông lo sợ, vì đằng trước khán đài, đội quân nhạc đã khởi tấu chào mừng ông Đại-tá đến. Tiếng hô « Nghiêm » đồng dục của ông Đại-úy lại càng làm cho ông Thông rối thêm. Ông đẩy bé Thơ ra xa một chút nữa, rồi bảo :

— Con phải giữ thêm chừa cha một chùm nữa. Mỗi tay giữ một chùm. Nếu không, già thôi già sẽ rồi rắm hết.

Bé Thơ chỉ trông mong có thể. Ý bé muốn giữ thêm chùm bong bóng trắng, có vẽ hình bồ câu, nhưng không dám đề nghị với cha. Lỡ tham lam ôm đồm, không giữ chặt, bong bóng bay thì làm thế nào ? Bé tự nhủ vậy, nên mỉm cười gật đầu một cách e ngại lúc nghe cha nói. Bé cố giấu sự cảm động hân hoan :

— Cha đưa con giữ thêm mấy con bồ câu cũng được. Bồ câu hoà bình hả cha ?

Ông Thông cột hai chùm vàng đỏ vào hai cổ tay, rồi cẩn thận gỡ nhẹ mấy cái bong bóng trắng lém lỉnh hoang đàng. Ông không nghe lời bé. Thơ thắc mắc hỏi nữa :

— Vì sao ông Đại úy gọi là bồ câu hoà-bình hả cha ?

Ông Thông đem chùm trắng lại cho

bé, đích thân cúi xuống cột vào cổ tay phải cho con. Ông dặn :

— Con gắng dang hai tay ra cho hai chùm khối quán quít nhau. Bỏ câu bùa bình hả? Chuyện trong Thánh-kinh đó Thơ.

— Chuyện Thánh-kinh là sao hả cha?

Ông Thông chỉ tay ra phía núi đồi trước mặt :

— Con có thấy ngọn núi cao ngất và thung lũng sâu mờ sương này không? Con có thấy đám mây lưng chừng trời và suối nước chảy dưới kia không?

Con có thấy chim chóc, thú vật, con kiến con trùn không? Cả loài người nữa. Con có biết ai tạo ra tất cả chừng ấy thứ không? Thiên Chúa đấy. Chúa tạo ra hết. Nhưng mọi sự diễn ra không đúng lòng Chúa. Gian ác tràn lan trên mặt đất. Lòng người hướng về ngang trái nhậy nhụa. Ngài đâm ra ân hận đã tạo ra dương thế này. Ngài buồn rầu tự bảo : Ta sẽ hủy diệt sự sống do ta tạo nên trên khắp mặt trái đất. Từ sâu bọ cho đến chim muông

Duy chỉ có ông Nô-ê được Chúa thương nên Chúa kêu ông ấy đến bảo rằng : Trần gian đầy rẫy tội lỗi, nên ta sắp hủy diệt hết. Người hãy dùng gỗ trám đóng một chiếc thuyền lớn. Người hãy dẫn cả gia đình vào sống sẵn trong thuyền. Người hãy đem theo các loại sinh vật, loại nào cũng đủ đôi đủ cặp. Riêng các loài thanh sạch, các loại chim trời, thì hãy đem theo đủ bảy cặp. Người cũng nhớ đem theo đủ thực phẩm cho gia đình người và các loài sinh vật...

Ông Thông miên man kể theo trí nhớ

một con chiên ngoan đạo, không cần biết bé Thơ có hiểu hay không. Bé Thơ tròn xoe mắt hỏi cha :

— Ông Nô-ê có đem bỏ câu theo không cha?

— Có chứ sao không. Bỏ câu là loài chim trời thanh sạch.

Khi ông Nô-ê làm theo lời Chúa dặn xong, thì Ngài khiến mạch nước nơi vực thẳm tuôn ra, thác trên trời đổ xuống mưa trút ào ào suốt bốn mươi ngày bốn mươi đêm. Nước lũ tràn ngập địa-cầu, đỉnh núi cao chìm sâu cả mười lăm thước. Nước dâng đến một trăm năm mươi ngày, nên mọi vật trên quả đất, từ côn trùng đến chim trời đều bị tiêu diệt.

Bé Thơ lại hỏi :

— Mấy con bỏ câu có chết không cha?

— Chết sao được. Ông Nô-ê đã mang chúng vào thuyền mà. Nước dâng cao bao nhiêu thì thuyền càng nổi bấy nhiêu, nên bỏ câu vô sự. Kể đó Thiên-Chúa nhớ rằng có thể Nô-ê đã hết lương thực nên Ngài khiến gió thổi cho nước rút hết. Một trăm năm mươi ngày sau, khi nước rút nhiều, thuyền của Nô-ê mắc cạn trên đỉnh núi A-mê-ni-a. Nô-ê không biết trận lụt lớn đã hết chưa, bèn mở cửa thuyền thả chim quạ bay đi. Quạ bay về phương trời xa, Nô-ê chờ mãi không thấy nó bay trở về.

Bé Thơ hỏi :

— Nó bị gió quật xuống nước phải không cha?

— Không. Lúc đó hết cả gió rồi. Quạ mãi đậu trên các xác chết rửa trôi không thèm về với Nô-ê nữa.

Sau đó, ông Nô-ê lại thả một con bồ câu. Nó xõa cánh nhẹ nhàng bay đi, rồi chẳng bao lâu quay trở lại vì không tìm được chỗ đất khô để đậu.

Bé Thơ hỏi :

— Bồ câu không đậu trên xác chết sao cha ?

— Không. Nó ghét mùi tử khí. Ông Nô-ê lại chờ bảy ngày sau, thả thử một con bồ câu nữa. Tới chiều, nó trở lại thuyền, mỏ ngậm một cành ô liu xanh tươi. Ông Nô-ê hiểu rằng trên mặt đất nước đã cạn, cây cối lại xanh tươi. Từ đó, bồ câu là hình ảnh của...

Tiếng kèn đồng trời nhạc quốc ca cất ngang lời ông Thông. Cả hai cha con phản ứng như cái máy, đứng thật thẳng dậy, nhìn về phía trụ cờ. Thế đứng của cả hai đều giống nhau, hai tay dang ra cho hai chùm bong bóng cách biệt. Tiếng kèn chấm dứt mà cờ chưa tới đỉnh, nên ai nấy nghe rõ mồn một tiếng ròn rọc róc rách và tiếng bong bóng va chạm riu rít. Ông Đại-ủy hô «Nghỉ», rồi chậm rãi lễ phép xuống giọng :

— Kính mời Đại-tá Tỉnh trưởng, ông Chánh án Tòa Sơ thẩm, ông Chủ-tịch Hội đồng tỉnh và quý vị quan khách an tọa.

Ông Thông tự thấy cánh tay mình ẽ ẩm, nên thương hại bé Thơ, bảo con :

— Minh cũng tìm chỗ an tọa đi Thơ. Còn lâu mới thả bong bóng. Trước hết là lời chào mừng đầu năm của Đại tá này, tiếp theo là lễ gắn huy chương cho các chiến sĩ hữu công này, sau đó tới thông điệp chúc Tết của Tổng thống này.

Thông điệp bao giờ cũng dài. Thông điệp xong, mới đến mục thả bong bóng.

Hai cha con đi về phía mấy bụi cây dương liễu xanh. Buổi lễ tổ chức trong khuôn viên tòa hành chánh, chỉ có công chức và quân nhân tham dự, nên không có đứa con nít nào chạy theo mấy chùm bong bóng.

Ông Thông hỏi Thơ :

— Con có đói không ? Cha bóc bánh chung ra ăn nhé ?

Bé Thơ nói dối :

— Con không đói. Mấy con chim bồ câu ai vẽ đẹp quá.

— Con có thích bồ câu không ?

— Thích lắm, nhà thằng Tèo có một chuồng bồ câu sơn đồ vẽ hoa lá vàng. Buổi trưa, chúng nó gù nhau nghe buồn buồn, êm tai...

Ông Thông tò mò hỏi Thơ :

— Chúng nó nói chuyện với nhau đấy. Con có biết trưa trưa chúng nó nói gì với nhau không ?

— Giọng gù buồn buồn, chắc là chúng nó kinh cãi nhau.

— Con nói đúng lắm. Con bồ câu mái trưa trưa cảm cảm : Anh làm gì bay sang Bắc sang Đông suốt cả sáng nay ? Theo con đi nào hử ? Con bồ câu trống bực mình cầu nhau : Trưa nào bà cũng ca vọng cổ. Để yên cho người ta ngủ, Đả hảo để yên cho người ta ngủ mà.

Bé thích chí cười khúc khích. Bé hạ tay phải xuống, nhìn kỹ vào hình mấy con bồ câu, nhìn sâu vào những đôi mắt

hiền từ và những đôi cánh xòa quí phái, Bé không tìm thấy đôi mắt nào bất bình hay cái kính hết. Bé Thơ lưu ý cha :

— Mấy con bồ câu này đều hiền khô mà cha.

Ông Thông vui mừng thấy con khôn lớn hơn Tết năm ngoái, biết đối đáp rành rẽ và nhận xét chính xác. Ông hỏi :

— Con xem kỹ lại thử. Chắc có những con mắt lém lỉnh hay đồ ngẫu phần nộ. Xem mấy con phía bên trên kia.

Bé Thơ hạ thấp tay phải xuống một cấp nữa, tìm kiếm từng hình bồ câu vừa tìm vừa lắc đầu :

— Con không thấy. Mắt con nào cũng vậy. Thật là hiền quá chừng. À, có một con bồ câu đui.

— Sao con biết nó đui ?

— Người ta quên vẽ con mắt.

Ông Thông cười xoà, an ủi bé :

— Ông thợ vẽ không quên đâu. Đó là con bồ câu chúa. Ông ta vẽ con chim đầu đàn không có mắt, không thấy nước lụt, yên tâm tha tiếp cảnh ô-liu.

Bé Thơ mãi ngắm hình chim, không chú ý tới những lời cha nói. Mắt bé Thơ sáng lên, môi bé Thơ cười. Bé nhìn về phía cha, định nói cái gì nhiều lần nhưng sau đó lại thôi. Ông Thông đoán được ý con, hỏi trước :

— Con muốn xin cha cái gì? Đầu năm mới, con xin thứ gì cha cho thứ nấy.

Bé ngập ngừng trước khi nói :

— Cha cho con mấy cái bong bóng bồ câu này, đừng thả bay mất nữa.

Ông Thông không tin ở tai mình Ông ngạc nhiên quá, chưa biết trả lời thế nào thì giọng Ông Đại-úy đã oang oang trên micro :

— Tất cả chú ý « Nghiêm ». Thông điệp của Tổng-thống Việt-nam Cộng-hòa.

Ông Thông và bé Thơ lại phải dừng ngay ngẩn dậy như mọi người. Cả công viên phăng phắc. Tiếng máy thu băng lục cục rè rè trên loa phóng thanh, rồi giọng của Tổng-thống đồng dục :

« Quốc dân đồng bào,

« Khác với thông lệ, tôi muốn dành lời nói đầu tiên trong giờ phút giao thừa, thiêng liêng này để quay về quá khứ :

« Cảm ơn các bậc tiền nhân đã từng nêu gương anh dũng bất khuất trong việc bảo vệ bờ cõi và xây nền độc lập nước nhà.

« Cảm ơn các chiến sĩ đã bỏ mình nơi rừng sâu đồng vắng, hay lặn lội, khổ cực trên sông rạch bùn lầy để chống lại mọi hình thức xâm lược, đem lại an ninh tự do cho đồng bào.

« Cảm ơn những anh em bạn bè bên cạnh chúng ta, đứng sau chúng ta, những người đã từng vỗ về an ủi khi chúng ta chán nản, khuyến khích khuyến răn khi chúng ta thất vọng.

« Cảm ơn nếp nhăn trên trán người già là dấu hiệu của kiên nhẫn đời đời, nụ cười trên môi trẻ thơ là dấu hiệu của hy vọng lạc quan.

« Nhờ tất cả bao nhiêu công lao hy sinh, nhờ tất cả sự nhẫn nại kiên trì, và niềm tin sắt đá không lay chuyển, mà hôm nay đây, vào buổi sáng mùa xuân

tươi đẹp này, tôi có thể hãnh diện reo to cùng với toàn thể quốc dân đồng bào: Thanh bình đã về!

«Thanh bình đã về! Súng đã thôi nổ. Cỏ đã mọc trên đồng hoang. Chồi xanh đã nhú mầm. Cây rừng đã tươi lá. Sự sống đã hồi sinh.

«Hòa bình đã về, về trong danh dự và bằng sức mạnh...» Ông Thông không thể đứng yên được nữa. Ông lấy tay kiểm soát lại các chùm bong bóng. Ông lầm nhảm: «Da vàng, máu đỏ cùng nhau. Rừng xanh nở để trắng phau xương tàn. Da vàng máu đỏ... Ông tiến đến gần bé Thơ, nghiêm nghị căn dặn bé:

— Khi ông Đại-úy ra lệnh, con đừng cha thả trước nghe không. Cha thả «da vàng» bay lên này. Rồi thả «màu đỏ» bay lên này. Tới lượt con, con nhớ thả chùm xanh trước, rồi thả cái chùm trắng sau cùng.

Thơ xịu mặt, không trả lời. Ông Thông dặn nữa:

— Con chờ cha thả hết rồi mới thả. Xanh trước, trắng sau.

Bé trả lời gọn:

— Cha cho con mấy con bồ câu. Thả bay mắt uống...

Ông Thông nôn nao cả dạ, trợn mắt dọa bé:

— Mày muốn chết hả? Tao bảo thả là thả!

Ngay lúc đó, tiếng ông Đại-úy ví von trên micro:

— Để thể hiện mùa xuân thanh bình trên quê hương thân yêu, nhưng chiếc

bong bóng sẽ được thả bay lên cao, mang tin vui cho khắp mọi nhà nhân ngày xuân mới. Trước hết màu vàng tượng trưng nền cờ của dân tộc Việt-nam kêu hùng.

Ông Thông vội thả nắm dây, đưa mạnh chùm bong bóng lên không. Mọi người ngược cổ trông theo, vừa cười nói vừa vỗ tay vui.

Ông Đại-úy tiếp:

— Tiếp theo là màu đỏ tượng trưng cho ba sọc cờ, nói lên tình Bắc Trung Nam ruột thịt.

Ông Thông thả tiếp chùm bong bóng đỏ còn lại, rồi chạy đến bên cạnh bé Thơ.

Văn giọng ngâm nga của ông Đại-úy:

Mùa xuân đến, và nhờ sự nỗ lực của toàn thể quân cán chính, chúng ta hy vọng tràn trề một mùa Xuân tươi đẹp, no ấm. Màu xanh hy vọng đang vươn lên cao.

Ông Thông vỗ nhẹ vai bé Thơ. Bàn tay nhỏ nhắn thả ra, chùm bong bóng đỏ từ từ bay lên khỏi mái khán đài, óng ánh dưới ánh nắng, nhập nhoè vào sắc trời. Bé nấn nỉ cha:

— Cho Thơ mấy con bồ câu đi cha! Cho con đi cha!

Ông Đại-úy nói tiếp:

— Cuối cùng, là đàn bồ câu mang tin hòa-bình, tung cánh khắp muôn phương của đất Việt.

Mọi người nhìn lên khoảng trời trên mái khán đài, chờ đợi. Chờ mãi không thấy gì. Ông Đại-úy lập lại lần nữa:

— Chim bồ câu trắng biểu hiệu cho hòa bình. Sau đây là đàn bồ câu mang tin hòa bình cho toàn dân Việt-nam...

Sau khán đài, ông Thông rời rít cổ gỡ bàn tay của bé Thơ. Bé đang khóc rưng rức, và mấy ngón tay nhỏ bấu chặt lấy chùm dây bong bóng trắng. Đến lúc không còn giữ bình tĩnh được nữa, ông Thông chặt mạnh lên cánh tay non của bé, cù lét vào nách bé. Bồ câu tung bay, nhưng con bồ câu mất hiền! Cả con bồ câu mất mù cũng xa bàn tay bé!

Mọi người reo hò vỗ tay. Quân nhạc tấu một khúc vui.

Trong khi đó, ông Thông ngồi xuống

trước mặt con ôm chặt bé Thơ vào lòng, ông không biết đỡ con thế nào, vì thật ra bé không khóc thành tiếng. Bé ngược mặt lên nền trời xanh màu hy vọng, nhìn theo mấy cái bong bóng trắng, nước mắt chảy thành dòng trên má.

Mãi một lúc sau, ông Thông mới nói được một câu an ủi bé :

— Bồ câu của Tổng-thống mà con. Đâu phải của mình mà con đòi giữ lại.

Bé Thơ không trả lời, nhưng be nhủ thầm : Mùa xuân đã mất rồi! Còn đâu những con bồ câu mất hiền!...

NGUYỄN MỘNG GIÁC



Rượu nguồn cùng say

Thơ KHÁNH LINH

Từ mạch đất mềm non thay sắc lá
Đem tin Xuân qua nhũng cánh hoa cười
Cả vũ trụ như lên màu tuổi mạ
Lúa trở dòng dòng nương ruộng xanh tươi

Cuộc chiến tương tàn cầm bằng huyền thoại
Cho ngàn sau thơm sử nước non này
Ô nhục hận thù chôn theo đá sỏi
Hoa tình thương ươm luống đạn bom cay

Hồn dân tộc thắm cảnh non lộn mới
Cho cây quê hương mật ngọt lên đây
Mẹ Việt-Nam lệ buồn nên thác lũ
Khóc đàn con chung bọc ngược xuôi bầy

Xuân đoàn tụ muôn chim truy quốc tổ
Mẹ cạn khô giòng hong suối mắt mây
Đàn con đại reo cười xuân mở hội
Mừng đón người về tay ấm vòng tay

Cô vợ trẻ xưa đợi chờ mòn mỏi
Luôn phấp phỏng góa bụa từ đây
Thanh bình lại nâng vui hơn ngày cưới
Mắt biếc môi hồng má thắm háy háy

Xin cầu nguyện ai còn trong ngõ tối
Cho tương lai đoạn tuyệt phận lưu đày
Bóng hạnh phúc đỉnh trời cao vời vợi
Nghiêng xuống dần đem trái ngọt làm tay

Gót nguyên thủy xuân về xanh sắc lá
Lửa tin yêu thấp sáng Việt-nam này
Nguồn hy vọng dâng non cao biển cả
Mềm khai nguyện vươn dậy tự luống cày

Cả dân tộc vào ngày xuân khai hội
Trời đất giao mùa đông tạnh bão bay
Đốt dĩ vãng u buồn năm tháng cũ
Nguồn rượu Lạc Hồng ngắt ngưỡng cùng say

KHÁNH LINH

Thơ VIÊN LINH

Mỗi năm vào tháng Chạp
Tôi nghe chuông đổ quanh đời
Những người vĩnh biệt
Trong đêm khuya mù hay những sớm mai
Muốn đi trước thời gian cùng tận.

Đêm qua chuông mõ lại kêu
Đâu trong cuối ngõ
Hỏi ra cô em nhỏ chán đời
Uống dầu hôi tự tử.

Em ơi sao dễ chết
Ước chị anh ngó được mặt em
Ngó cuộc đời đóng kín
Như nhà tù xập cửa ngày đêm.

Khuya chưa ngủ nghe nhạc sầu đứt khúc
Tấu bản chia tay
Trăng sáng như mơ trời thấp thoáng
Cảnh đời tẻ ngắt trái tim này.

Tôi đã sống
Như mơ
Tóc dựng đứng những đêm đèn thấp suốt
Tu ngọt chai bìa
Trùng mắt ngó lung tẩm ảnh cũ trên bàn
Ngó cây đen ngoài cửa sổ
Không trông mình sẽ sống đến mai,
Ồi, thời gian tích tắc
Chạy hết cút đêm ngày.

Buổi tối nằm ôm ta khóc lặng
Một mình than thở với đêm khuya
Nhà trong vợ thức ra thăm hỏi
Cứ tưởng là anh chuyện với ma.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Mùa Xuân bên ngoài

● Tặng D.T.

Buổi chiều sau khi dùng cơm, chị Béatrice nhìn chúng tôi bằng đôi mắt nửa khoan dung nửa trang trọng như điều chị sắp sửa nói ra sẽ mang đến một đổi thay nào đó trong cuộc sống trăm trăm thường nhật của chúng tôi, những trẻ mồ côi sống nhờ tình thương trong cô nhi viện. Mà quả thật những lời thốt ra từ chiếc miệng xinh xắn không hề thoa son của chị Béatrice (vì chị là một nữ-tu) quan trọng thật. Tiếng nói của chị cất lên, âm thanh vút cao hơn thường lệ, có hiệu lực như một bàn tay kỳ diệu bấm mạnh vào nút một mạch điện và bỗng chốc ánh đèn sáng lòa khắp căn phòng, xoi thủng, làm biến dạng và tản mạn thứ bóng tối mịt mù là cuộc sống tội nghiệp, đầy vắn khúc của chúng tôi, vây kín bởi bốn bức tường cao, hoàn toàn cách biệt với đời sống nhộn nhịp, màu sắc lung linh bên ngoài. Thứ đời sống lạnh lùng đến buồn nản, cho dù những bàn tay săn sóc cẩn thận và nụ cười hiền từ, khoan dung như nụ cười Đức Mẹ của các chị nữ-tu lúc nào cũng sẵn sàng phả hơi ấm, muốn phục sinh những tâm hồn băng giá, căn cõi của chúng tôi.

Chờ cho tất cả các đôi mắt hướng về phía mình và mọi tiếng ào ào

lắng xuống, chị Béatrice mới bắt đầu nói :

— Đúng vào đêm văn nghệ tất niên sẽ có bà khách đến đón một em về nhà ăn tết.

Tưởng gì chứ việc này đối với chúng tôi cũng chẳng có gì lạ. Hằng năm cứ đến lễ Giáng-sinh hoặc Tết thường có một vài gia đình nào đó giàu lòng từ thiện, hoặc không có con, thường trực tiếp đến viện xin phép Mẹ giám đốc đón một trong những đứa chúng tôi về nhà. Cũng có khi chúng tôi nhận được những gói quà xinh xắn bọc trong giấy bóng màu kèm theo tấm danh thiếp với dòng chữ : « *Trân trọng mời em nào nhận được mảnh giấy này, vui lòng đến vui xuân với ông bà... tại nhà số.* » Chắc chắn sẽ có sự khác lạ trong mùa xuân năm nay và chị Béatrice đã mặc khải cho chúng tôi sự khác lạ đó.

— Em nào được bà khách đến đón sẽ về luôn với gia đình, không trở lại viện nữa, vì bà khách chính là mẹ của em này.

« Bà khách là mẹ! » Tất cả chúng tôi đồng thanh lặp lại như cùng đọc một đoạn kinh trong nhà nguyện hoặc tại phòng ngủ. Đây chính là điều mới lạ, đổi thay quan trọng, sự huyền nhiệm mà chúng tôi chờ đợi bấy lâu nay. Tức thời hàng chục cái miệng

cùng chu lên một lượt, những chiếc mỏ háu đói của đàn chim non hướng lên con chim mẹ vừa tha mồi về tồ vào một sáng mai hồng :

— Ai ! Ai vậy hở chị ?

Cùng lúc, câu hỏi cũng bật lên trong trí tưởng của tôi. Ai là kẻ sẽ được diễm phúc này? Ông phước mẫu nhiệm sẽ tràn trề đồ xuống một trong những đứa bé mồ côi, lạc lõng là lũ chúng tôi như cơn mưa xuân tươi mát dầm dìa trên thân cây khẳng khiu, đẽ mai đây nhú ra những chiếc lá xanh, những búp hoa nõn.

Chị Béatrice đặt ngón tay nhỏ lên môi ra dấu yên lặng :

— Đừng có làm ồn lên thế, Mẹ giám đốc nghe rồi bị phạt bây giờ. Bà khách muốn dành sự ngạc nhiên trong đêm văn nghệ tất niên, khi chương trình kết thúc nhạc cảnh «Ly rượu mừng», em nào được bà khách tiến lên sân khấu tặng bó hoa hồng trắng và hôn lên má, em đó sẽ theo bà trở về đoàn tụ với gia đình.

Chị Béatrice chấm dứt câu chuyện và xua chúng tôi ra sân vì đã đến giờ chơi trước khi bắt đầu buổi học tối. Những tiết mục sắp xếp tuần tự trong thời khắc biểu mà chúng tôi đã thuộc lòng từ mấy năm nay. Sáng thức dậy, đọc kinh, đánh răng rửa mặt, điem tâm, đi học, học chiều, ăn cơm, giờ chơi, học tối, đọc kinh, đi ngủ, đều đều như thế từ thứ hai đến thứ bảy. Có khác chăng là ngày chúa nhật chúng tôi có thể dậy muộn

hơn một chút nhưng sau khi đi lễ chúng tôi phải làm vườn, nhổ cỏ, tưới hoa hoặc lau chùi những cửa kính trong viện và tại các phòng học.

Ở đây đã mấy năm tôi quen thuộc hết những người và cảnh vật trong viện mồ côi này. Dầu có bị mất lại tôi cũng có thể di chuyển mà không sợ vấp ngã trên những lối đi trong hành lang, vượt qua sân chơi đến phòng học, phòng ăn, phòng ngủ, nguyện đường. Tôi thuộc hết màu sắc những đóa hoa nở theo mùa được trồng tía một cách khéo léo, chăm sóc chu đáo trong khu vườn xinh xắn của viện : hoa hồng, cúc, thược dược, bông sứ, hoa mười giờ, ti gôn. Chúng tôi còn biết cả tính tình khoan dung, khuôn mặt khả ái với nụ cười rạng rỡ như đóa hồng của chị Béatrice. Vì lẽ đó nên giờ dạy của chị thỉnh thoảng lại ồn lên như cái chợ. Trái lại, khi nào có chị Cécillia cả lớp học im phăng phắc, không phải vì dینگ người khổ hạnh của chị, mà bởi cây roi mây có thể vụt xuống bất cứ đứa nào dám nói chuyện, dầu là rất khẽ, lúc chị đang giảng bài. Tôi cũng nhớ như in tính tốt của con Nghĩa, lòng nhường nhịn, chia xẻ của con Nga, cái miệng láu táu, ưa ăn cắp vặt của con Hồng. Tôi cũng không làm sao quên được những âm thanh huyền ảo của những chiếc xe hàng, tiếng xích lô máy nổ ròn rã vào lúc rạng đông đánh thức chúng tôi dậy, bắt đầu một ngày trong không khí ban mai mát lạnh ; hồi còi giục giã, thê thiết của đoàn tàu chạy xinh xịch trên

quãng đường sắt nằm phía sau hàng rào của viện. Những chiều chúa nhật cùng lũ bạn đứng trên sân thượng, nhìn đoàn tàu băng qua, lòng tôi bỗng chớm lên niềm ước mơ được đáp tàu đi thật xa, đến bất cứ một nơi nào đó miễn là rời khỏi khung cảnh buồn bã nơi đây.

Tại sao tôi lại đến đây? Tôi là ai giữa cuộc đời khốn khổ này, tôi là ai? Câu hỏi đã xoáy mạnh trong đầu óc tôi từ bao năm nay, nhất là vào những đêm mùa đông, gió lạnh hun hút đuổi nhau ngoài hành lang, theo những khung kính vỡ nơi cửa sổ lùa vào phòng. Tôi là ai? Câu hỏi đã nhiều lần hiện đến những đêm mùa hè, tôi thẩn thờ ngồi một mình trên sân thượng nhìn lên những vì sao lóng lánh khắp bầu trời. Mắt tôi đầm đìa những giọt lệ nóng nên cả trời sao bỗng trở nên nhoè nhoẹt, kể cả vì sao nhỏ nhoi, tội nghiệp xa thẳm trên kia mà tôi vẫn tin là ngôi sao bản mệnh của mình.

«Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu», có lẽ số phận của tôi còn đáng thương hơn đứa bé trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng. Những giọt lệ tủi thân vẫn thi nhau lăn dài xuống má khi tôi nhớ lại giọng chữ quái ác như những lần roi tàn nhẫn của định mệnh, ghi trong phiếu lý lịch của tôi: Nguyễn Diệu Thanh, 14 tuổi, cha: không, mẹ: không, nhập viện năm 196... Tờ lý lịch còn ghi thêm trường hợp của tôi, được moi ra dưới đồng gạch vụn của một căn nhà đồ nát, còn âm

ỉ cháy vì đạn pháo kích cùng mấy xác chết đã cháy đen mà người ta tin tưởng là cha mẹ hoặc thân nhân của tôi. Không còn một giấy tờ hoặc dấu tích gì còn lưu lại cho biết về nguồn gốc thê thảm của tôi, ngay cả tên họ. Diệu Thanh cũng chỉ là tên do Mẹ giám đốc đặt cho tôi. Đã nhiều lần tôi cố vận dụng trí tưởng, bơi ngược dòng thời gian với hy vọng sẽ tìm thấy quãng đời thơ ấu của mình. Cố hình dung ngôi nhà trước đây tôi đã sống, ngôi trường đến học, những con đường in dấu chân tuổi thơ của tôi, nhất là khuôn mặt của cha mẹ, anh em tôi, những nét mặt tôi tin là rất hiền từ, đầy thân ái. Tôi bất lực trong ước muốn đã nung nấu tâm tưởng tôi từ năm này sang tháng khác. Sự kinh hoàng, biến cố chết đi sống lại và những ngày mê man trong bệnh viện đã là tấm giẻ lau tẩy xóa hết những vết hằn năm tháng của đời tôi. Trí óc tôi trở nên mù mịt, tối đen như tấm bảng đã chùi sạch những vệt phấn quá khứ. Tôi nhớ đã có lần đến khóc với Mẹ giám đốc xin Mẹ khơi sáng phần đời dĩ vãng mù tăm của tôi. Nhưng Mẹ cũng không biết gì hơn những điều đã ghi trên tấm phiếu lý lịch của tôi cũng như bao trẻ mồ côi khác. Mẹ nhận con từ hội Hồng thập tự, họ có nói thêm gì đâu. Và lại Mẹ cũng không thắc mắc làm gì. Mẹ chỉ biết một điều là Chúa nhân từ trao phó các con cho Mẹ và Mẹ có trách vụ nuôi nấng.

Tôi trở về, hoàn toàn chán nản nhưng cũng không dám trách Mẹ.

Nội việc lo cho chúng tôi đủ ăn ngày hai bữa, chạy đến cơ quan từ thiện này xin áo quần, đến đoàn thể kia xin sách vở giấy bút, trợ cấp đã làm Mẹ và các chị nữ tu mệt đừ người rồi, họ đâu còn thì giờ, tâm trí để điều tra xem trước kia chúng tôi đã sống ở đâu, con ai. Nơi đâu, gia đình nào rồi cũng tang thương, khổ khổ đến thế thôi. Có điều tôi không bằng lòng về hai chữ "không" điền vào mục tên họ của cha mẹ tôi. Nhất định là tôi phải có cha mẹ nhưng người ta không biết đó thôi. Cha mẹ tôi có thể đã chết, nhưng biết đâu vẫn còn sống. A! Biết đâu cha mẹ tôi vẫn còn sống. Hy vọng vừa loé lên khiến tôi nhớ đến «bà khách» mà chị Béatrice vừa kể trong câu chuyện ban chiều. Không chừng bà ta chính là mẹ của tôi đến đón tôi trong đêm văn nghệ cuối năm này (lạy trời cho tôi nghĩ đúng). Ý tưởng vừa đến khiến tôi vui hẳn lên nhưng không dám nhảy nhót vì sợ nó sẽ vụt bay đi,

Trong sân chơi chiều hôm ấy và những ngày tiếp theo đợt sóng xâm xi, bàn tán đã cuốn lấy chúng tôi chung quanh nguồn tin do chị Béatrice tiết lộ. Chúng tôi bỏ hết trò chơi thường lệ, ngoại trừ những đứa vô tâm, chia thành từng nhóm, tùm năm tùm ba để đoán xem đứa nào trong chúng tôi sẽ là kẻ may mắn, điểm phúc được đón về với gia đình trong mùa xuân này. Cánh cửa đời đang thênh thang mở rộng để chờ nó bước qua, hóa thân từ một đứa bé mồ côi trở thành kẻ có cha mẹ, ghi trang trọng trên tờ

khai sinh. Sung sướng biết bao, con đường nối kết bởi những vòm hoa kỳ diệu, thân ái, nồng nàn hạnh phúc sẽ được bước chân nó dẫm lên với sự hãnh diện trước hàng trăm đôi mắt thềm thường vì kém may mắn của những đứa trẻ đồng viện.

Biết đâu tôi là đứa bé may mắn ấy, có thể lắm chứ. Tại sao tôi không thể trúng số độc đắc đầu trong viện này có đến hàng trăm đứa. Ý nghĩ này khiến lòng tôi rộn lên niềm sung sướng cảm động. Tôi ở lâu hơn trong nhà nguyện mỗi đêm và lời nguyện cầu của tôi bỗng trở nên thành khẩn, thiết tha. Trước khi đi ngủ tôi thường lên leo lên sân thượng, tìm xem ngôi sao bản mệnh của mình có sáng hơn trước chút nào không cho dù trong mùa đông những vì sao rất hiếm hiện ra giữa bầu trời. Sự băng giá của không gian đã xua đuổi cả những vì sao nhưng tôi hy vọng nó không ruồng rẫy thân phận của tôi. Niềm hy vọng về sự đổi thay trong đời sống khiến tôi quên mất gió lạnh của những đêm cuối năm cho đến khi tôi rời khỏi sân thượng, trở về phòng ngủ mới hay áo quần và tóc tai tôi đã dẫm dĩa những giọt sương đêm.

Trong giấc ngủ, tôi thường mơ những giấc mơ đẹp, sáng láng. Người tôi nhẹ nhàng, trong suốt như thủy tinh và tuy không có cánh tôi vẫn có thể bay lên, thanh thoát như hơi gió. Chung quanh tôi phôi phôi những cánh hồng, mây bông bành, trắng nõn như bông. Một bà tiên áo trắng lơ lửng giữa những tầng mây, dang

rộng đôi cánh tay đón tôi vào lòng, âu yếm đặt lên má tôi một nụ hôn. Tôi len lén đưa mắt nhìn lên khuôn mặt nguy nga, rạng rỡ và chợt nhận ra toàn thân bà óng ả, mông lung như được kết bởi muôn ngàn sợi tơ trời. Bao nhiêu lời tôi sắp đặt, nói đi nói lại nhiều lần bỗng chốc biến mất. Đôi vai tôi rung rung vì xúc động và môi tôi chỉ bật ra những lời nức nở. Mẹ của con! Mẹ chính là người con mong đợi bao nhiêu năm nay. Xin mẹ hãy thương lấy con gái khốn khổ của mẹ. Mẹ hãy mang con ra khỏi bầu không khí buồn thảm như bãi tha ma của viện mồ côi. Con đã chán đời sống lúc nào cũng phải ngửa tay trông chờ sự bố thí của mọi người. Xin mẹ nhân từ thắp sáng vì sao hiu quạnh của đời con.

Nhưng sao mẹ tôi bỗng lắc đầu buồn bã. Bà khẽ gỡ tay tôi ra rồi vụt bay lên cao. Tôi thất thanh gọi lớn: Mẹ, mẹ đừng bỏ con! rồi cố bay theo nhưng không còn kịp nữa. Mẹ tôi ngoái đầu nhìn lại, đôi mắt triu mến, long lanh hạt lệ. Tôi đón lấy một cành hồng của mẹ tôi vừa ném xuống nhưng gai nhọn đâm vào tay khiến tôi kinh hãi thét lên...

Tôi giật mình tỉnh dậy, miệng còn ú ớ những âm thanh vô nghĩa. Trán tôi lấm tấm mồ hôi. Gió lạnh vẫn run rẩy trên những cành thông bên ngoài, khẽ đập lên cửa kính. Cuối năm trời càng trở lạnh nhưng tôi biết rằng mạch nhựa sống mạnh mẽ đang tiềm tàng trong cành vật,

cây cỏ, kể cả con người. Sự đổi thay sẽ hiện hình khi mùa xuân trở lại. Băng giá rồi tan đi, cây cành sẽ khoác những chiếc áo tơ nõn, hoa nở đầy vườn trên những lối đi. Sự đổi thay màu nhiệm nào sẽ đến với tôi trong mùa xuân này?

oOo

Sự chờ đợi đối với tôi tưởng quá dài vậy mà đêm văn nghệ đã tới. Mẹ giám đốc muốn tổ chức vào tối 28 đề những học sinh ở ngoài đến học chung trong trường của viện có thể nghỉ sớm, sửa soạn về quê ăn Tết. Mấy ngày sau cùng hầu như chúng tôi được nghỉ học hoặc chỉ đến lớp lấy lệ. Mọi người đều trở nên bận rộn. Những tấm thiệp đã được cho vào trong các phong bì xinh xắn gửi đi các nơi mời quan khách, phụ huynh học sinh và các cơ quan từ thiện đến tham dự văn nghệ tất niên. Cuối sân trường chiếc sân khấu cao kết hợp bằng bàn ghế đã hoàn tất vào chiều 27. Hệ thống âm thanh, đèn rọi, đèn màu cũng đã lo xong. Như chia xẻ với niềm vui và sự náo nức đang đầy ứ trong hồn chúng tôi, tấm màn nhung đỏ thắm và những sợi giấy hoa đủ màu treo trên sân khấu thỉnh thoảng lại rung rinh, bay lượn theo từng cơn gió lướt qua.

Mây bột ẩm đậm và mặt trời sau giấc ngủ dài suốt mùa đông đã dần dần hiện ra, chiếu những tia nắng ấm xuống cảnh vật. Góc mai phía trước phòng khách đã nở những nụ hoa vàng đầu tiên và những chậu thược

được trông kiêu sa hơn bao giờ hết, phô diễn những đóa hoa lớn bằng miệng chén, lung linh các màu đỏ, tím, hồng điều.

Chiều 27, chúng tôi được ăn cơm sớm hơn mọi ngày để lo thay đổi y phục, trang điểm, tập dượt lại chương trình một lần chót trước khi cuộc trình diễn chính thức bắt đầu. Mùi kem, son phấn và quần áo mới đã gợn lên trong tôi một cảm giác nao nao kỳ lạ. Nhưng tôi biết chắc cảm giác này không gây ra do sự góp mặt của tôi trên sân khấu một chốc nữa đây. Đây không phải là lần đầu tiên tôi được tham dự vào buổi trình diễn của viện đề nhân đó giới thiệu chúng tôi với đám nhân loại bên ngoài. Sự chờ đợi, bâng khuâng pha lẫn háo hức bắt nguồn từ biển cố do bà khách mang lại sau nhạc cảnh "Ly rượu mừng" mà chị Béatrice đã loan báo vào buổi chiều hôm kia. Tôi chạy đi kiếm con Nga với hy vọng sự hiện diện của nó sẽ giúp trái tim bé bỏng của tôi trở lại nhịp đập bình thường. Nga với tôi vốn là hai đứa bạn thân học chung một lớp và nằm cạnh giường nhau, gặp chuyện vui buồn chúng tôi đều san sẻ với nhau và xem nhau như những hơi ấm trong những ngày tháng hiu quạnh.

Gặp tôi Nga reo lên mừng rỡ :

— A, cô vợ hiền xinh đẹp của ta ! (Chúng tôi đóng vai đôi uyên ương trong nhạc cảnh).

Tôi cầm lấy tay Nga, giọng run run :

— Tôi lo quá «bồ» ơi !

— Bộ khớp hả, nhạc cảnh này chúng ta đã diễn hôm lễ Giáng sinh rồi mà.

— Không, chuyện đó đâu thành vấn đề, tôi muốn nói đến bà khách.

— Ôi, hơi đâu mà quan tâm. Chắc chị Béatrice đặt điều để làm quà cho chúng ta. Và lại nếu có thực, làm sao mình rút trúng thăm độc đắc trong khi mấy trăm đũa trẻ khác đều cùng chung một hy vọng như mình.

Tôi vội chạy trở về chỗ cũ vì sắp đến giờ trình diễn. Sau cái quắc mắt của Mẹ giám đốc làn sóng lao xao, rầm rì trên sân khấu bỗng im bật. Tiếng dương cầm ngọt ngào của chị Jacqueline đã dịu dặt vắng lại trong một nhạc khúc Nga-la-tư, nhạc đệm cho luân vũ mở đầu chương trình văn nghệ. Chúng tôi như đang sống trong một giấc mơ dịu dàng, hư ảo màu sắc. Tôi chải lại mái tóc, nhìn vào gương và rất bằng lòng với khuôn mặt tươi tắn của mình. Ít ra là Mẹ sẽ hãnh diện khi nhận ra con gái của mẹ. Mẹ trông con gái có xinh đẹp giống mẹ không. Đôi mắt đen láy này, đôi môi như cánh hồng hé nở này. Đó là hình ảnh bà tiên tôi nhìn thấy trong giấc mơ. Hay bà tiên chính là hình ảnh của tôi do niềm ước mơ phóng lớn. Tôi hôn lên đóa hoa thực được hái trộm sau bữa cơm chiều. Đó là đóa hoa đẹp nhất trong vườn. Tôi định bụng sẽ dâng tặng mẹ tôi (bà khách) sau khi bà đã hôn lên má và nhận ra tôi là con trước đôi mắt ngạc nhiên của mọi người. Tôi nâng niu cánh hoa đỏ thắm, mượt như nhung. *Còn cha gót đỏ như*

son. Mẹ sẽ thay cha làm hồng cuộc đời lá úa của con. Mạch sống của tôi căng phồng hơn bao giờ hết, dạt dào, xanh mát như những thảm cỏ non trên triền đồi, dưới thung lũng.

Vở kịch chính do các chị lớp trên diễn đang đến hồi kết cuộc. Tôi hé vôi chéo màn nhưng, nhìn xuống đám khán giả lơ nhố bên dưới. Lòng tôi rộn ràng khi nhìn thấy bà khách đang ngồi cạnh ghế của Mẹ giám đốc ở hàng đầu. Tôi cắn môi sung sướng, tiếng reo mừng rõ suýt bật ra. Đúng rồi, đúng mẹ tôi rồi. Đôi mắt đen to, chiếc miệng xinh xắn như đóa hồng.

Tiếng dương cầm rộn rập nổi lên, cuồng quýt như trái tim tôi. Tấm màn nhung đã mở và chúng tôi tuân vự xuất hiện: nông phu, chiến sĩ, thương gia, công nhân, đôi vợ chồng trẻ, bà mẹ già. Chúng tôi vừa nhẩy múa nhịp nhàng vừa cất cao tiếng hát trong ánh đèn màu. Sự trở về sau những chia xa. Đoàn tụ. Ước vọng hòa bình của một dân tộc khốn khổ sau bao năm chiến tranh. Thỉnh thoảng tôi nhìn xuống chỗ bà khách và thấy đôi mắt bà nhìn lên long lanh, chói lòa trong ánh đèn màu rạng rỡ. Nhạc cảnh kết thúc, những tràng pháo tay tán thưởng rào rào vang lên. Con Nga liếc nhìn tôi, mỉm cười sung sướng. Sân khấu vẫn mở ngỏ và Mẹ giám đốc tiến lên máy vi âm bằng những bước đi trịnh trọng. Giấc mơ của tôi đã sắp trở thành sự thật. Mẹ giới thiệu bà khách với quan khách và trường hợp may mắn tìm thấy lại con gái của bà sau bốn năm thất lạc vì chinh chiến.

Tim tôi đập mạnh và hơi thở cũng dồn dập hơn trước. Tôi bóp chặt cuống hoa thược dược trong tay để khỏi run vì cảm xúc. Nước mắt đã rưng rưng trong rèm mi và chực trào ra. Bà khách rời khỏi ghế ngồi, từ từ tiến lên sân khấu, ôm trên tay một bó hồng trắng. Mẹ giám đốc ngừng lại mấy giây chờ đợi rồi tiếp tục, giọng bà sang sảng như quan tòa: «Xin giới thiệu với quý vị, bà khách danh dự của đêm văn nghệ tất niên này là mẹ của em... Nguyễn... Diệu... Nga».

Mọi người ồ lên một tiếng kinh ngạc, nồng nhiệt vỗ tay chào mừng phút giây đoàn tụ. Miệng tôi há ra kinh ngạc, đóa hoa thược dược rơi xuống đất hồi nào tôi không hay. Tôi bước nhanh xuống sân khấu, xô vệt đám người chung quanh và chạy thắt thều về phòng như người mất trí. Tha lỗi cho tao nghe Nga. Đáng lẽ tao phải đứng lại chứng kiến phút giây hạnh ngộ sung sướng của mày nhưng tao không còn can đảm. Hãy vui với hạnh phúc vừa tìm thấy của mày. Xin giã từ mày, Diệu Nga, bạn thiết cốt của tao. Giã từ những chiều chúa nhật lang thang trên hè phố, những hạt đậu phụng giòn nóng ăn chung trong rạp chiếu bóng. Giã từ những đêm đông rét run trốn chị giám thị nằm chung một giường để chuyện hơi ấm cho nhau.

Nước mắt tôi ràn rụa trên mặt gối. Tôi nghe những tiếng vỗ vụn chung quanh và tưởng chừng vũ trụ sụp đổ dưới chân. Tôi cắn chặt đôi môi nhưng tiếng nức nở vẫn bật ra. Tôi là ai, tôi là ai trong cuộc đời này?

PHẠM VĂN BÌNH
(mùa đông 71)



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cờ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Phỏng vấn Diệp-Túy-Bạch

NHÀ DANH HỌA HIỆN ĐẠI TRUNG HOA DÂN QUỐC



Diệp-Túy-Bạch tiên sinh người tỉnh Triết-Giang, năm nay 62 tuổi. Từ lúc bé đã nổi tiếng thông minh tài trí. Năm 18 tuổi, ông gia nhập quân đội cách mạng (trong thời kháng chiến Hoa-Nhật), tốt nghiệp các khóa Đại học quân-sự Tham-mưu và Quốc phòng. Ông bắt đầu học vẽ vào năm 1943, lúc bấy giờ ông làm Đoàn-trưởng, và vẽ ngựa là thú tiêu khiển trong lúc thanh nhàn.

Sau này vì tích trữ được rất nhiều họa phẩm có giá trị, ông được các giới hâm mộ tài nghệ và khuyến khích ông triển lãm tác phẩm trong nước. Kết quả thành công bất ngờ và cũng do nơi sự khuyến khích của

nhiều người, ông đã xin giải ngũ trước thời hạn để đi triển lãm vòng quanh thế giới. Ông đã hoàn tất công việc triển lãm tại các quốc gia trong vùng Đông-Nam-Á như : Phi-Luật-Tân, Tân-Gia-Ba, Mã-Lai-Á, Thái-Lan, Hong-kong v.v. và gần đây, ông đã đến viếng và triển lãm tại Việt-Nam. Ông được Đài Truyền hình Việt-Nam phỏng vấn và phát hình vào ngày 5-1-1972.

Cuộc triển lãm của ông ở Cholon, khai mạc vào ngày 08-01-72, bế mạc ngày 23-1-72, kết quả thành công mỹ mãn.

Theo lời ông thì sau khi kết thúc triển-lãm ở Cholon ông sẽ triển-lãm tại Saigon theo lời mời của ông Tổng Thư ký Hội Văn hóa Pháp và cuộc triển lãm ở Saigon sẽ khai mạc vào ngày 25-02-1972.

Sau đây là cuộc phỏng vấn họa sĩ Diệp-Túy-Bạch :

HỎI :— Xin tiên sinh cho biết, tiên sinh đến Việt-Nam vào ngày nào và từ đâu đến ?

ĐÁP :— Tôi từ Hong-kong đến Việt-Nam ngày 18-11-1971

Hỏi :— Có nhiều người ngoại quốc, khi chưa đến Việt-nam đều tỏ vẻ sợ sệt vì cho rằng Việt-nam là một nước đang

có chiến tranh. Xin tiên sinh cho biết, tiên sinh có cảm tưởng này trước khi đến Việt-nam không ?

ĐÁP :— Hoàn toàn không, vì tôi xuất thân là một quân nhân, tất phải hiểu thế nào là chiến tranh trong phạm vi quân sự và thủ đô Saigon là hậu phương chứ không tiền tuyến.

HỎI :— Xin cảm ơn tiên sinh và xin tiên sinh cho biết trong lúc còn trong quân đội, tiên sinh giữ chức vụ gì?

ĐÁP :— Lúc ấy tôi là Thiếu-tướng Lục-quân.

HỎI :— Xin tiên sinh vui lòng cho biết, tại sao tiên sinh chỉ họa mã mà không họa thêm môn nào khác?

ĐÁP :— Điềm này hơi quan trọng và chủ yếu nên tôi xin giải thích dài dòng một tí. Trong lịch sử Trung Hoa, công đức của loài ngựa tương đương với loài người, vì lúc nền văn minh chưa tiến bộ, nhân loại chưa phát minh xe điện hay tàu bay thì mọi vấn đề liên quan đến «tốc độ» phải nhờ đến sự cung phụng của loài ngựa. Trên chiến trường, ngựa còn được mệnh danh là dũng tướng. Riêng cá nhân tôi, cả một đoạn đời chiến đấu, loài ngựa gắn gũi với tôi nhiều nhất. Tất cả những chiến-công của tôi đều nhờ ở sự góp sức của loài ngựa. Tôi phát giác ở loài ngựa những ưu điểm mà loài người không có. Theo tôi, loài ngựa có 4 đặc điểm mà tôi cho là 4 cái «Thiên».

1 là «Thiên Chân», ngựa là loài vô cùng chân thành, nghèo khổ không thể làm chúng thay lòng, giàu sang uy võ không thể làm chúng khuất phục đó là cái «chân» thiên phú của ngựa, loài người rất khó được như thế.

2 là «Thiên thiện». Con người phải cậy ở sự giáo dục của gia đình, học đường, xã hội lại có cả tôn giáo, nhưng có được «thiện» hay không, điềm này không dám chắc. Còn loài ngựa, thiên



bẩm không gian, không tham, vô tư, vô dục, lại có thiện tính phục tùng, trọng trách nhiệm, có mức phục vụ cao độ nhất cũng như có đầy đủ tinh thần phấn đấu và hy sinh. Càng khó tìm hơn nữa là ngựa là động vật ăn chay, và trong tất cả động vật, ngựa là loài duy nhất không loạn luân. Loài ngựa tập trung: Trung, Nghĩa, Liêm, Si, Trí, Nhân, Dũng, Mỹ và Đức. Thiện-tính của ngựa, có thể nói rằng hoàn toàn thiên phú.

3 là «Thiên Mỹ», có thể nói con người là động vật đẹp nhất trong vạn vật, tuy nhiên không phải ai ai cũng đẹp cả, hơn nữa con người nhờ y phục, nhờ trang sức mới có được cái đẹp toàn diện. Ngựa thì không, chỉ cần mỗi một màu sắc của của bộ lông

ngựa đủ tiêu biểu một vẻ đẹp không xiêm y nào sánh kịp và từ xưa đến nay chưa có một họa sĩ nào vẽ nổi màu sắc của lông ngựa. Tóm lại, thiên bần loài ngựa đẹp tự nhiên, hiên ngang hùng dũng và linh động mà không cần phải trải qua những sự ngụy tạo.

4 là «Thiên Hành». Đời bây giờ, những kẻ tầm thường trong thiên hạ làm việc thì chỉ cốt để ăn no mặc ấm, không cần phải nghĩ đến «Chân Thiện Mỹ» là cái chi. Họa chẳng là những phần tử trí thức mới hiểu thế nào là Chân Thiện Mỹ, nhưng «nghĩ đến» chưa hẳn đã «làm được». Con ngựa trời sinh ra đã có sẵn Chân Thiện Mỹ và loài người phải nhìn nhận hiểu như vậy là công bình.

HỎI : — *Xin cảm ơn sự giải thích chu đáo của tiên sinh, chúng tôi rất lấy làm v'nh hạnh được nghe thấy cả một triết lý về Chân Thiện Mỹ, và nhân đây xin tiên sinh giải thích thêm một chi tiết. Chúng tôi đọc báo được biết trọn 5.000 năm lịch sử, Trung quốc chỉ có ba họa sĩ vẽ về loài ngựa và tiên sinh là người thứ ba và lại là người đầu tiên sáng tạo lối vẽ Ấn-tượng, vậy xin tiên sinh cho biết thế nào gọi là Ấn-tượng-phái và Ấn-tượng-phái khác với họa pháp của hai họa sĩ trước kia ở điểm nào?*

ĐÁP : — Sở dĩ gọi là «Ấn tượng phái» là vì tôi chú trọng sự tự nhiên, mà tự nhiên hẳn là không lấy mẫu hay nào làm điểm tựa trong lúc vẽ và vẽ mỗi một động tác của ngựa đều phát

xuất từ cảm hứng, từ tưởng tượng mà tạo nên những «thần» những «sắc» trong từng nét bút. Tuy nhiên nói như vậy, không phải cho rằng hai họa sư Hàn - Cán (1000 năm trước) và Từ-Bi-Hồng (75 năm trước) dùng mẫu hay nào để vẽ. Chúng ta cần phải hiểu sự khác biệt ở những thời đại: vào thời đại Hàn-Cán, ngành hội họa Trung-Hoa chú trọng « tả-chân » vì vậy không thể có danh từ Ấn tượng. Vào thời-đại Từ-Bi-Hồng, người Trung-Hoa đang ở vào triều lưu « Sùng bái Âu Tây ». Chính họa-sư Từ-Bi-Hồng đã du học ở Paris và nét vẽ của Ông hoàn toàn căn cứ theo sự học hỏi ở nước ngoài chứ không phải vẽ theo lối « Bát-mặc » như nhiều người lầm tưởng. Chính tôi đã có nhiều lần mục kích Họa sư Từ-Bi-Hồng họa mã, Ông phải dùng hai cây bút, cây thứ nhất để vẽ những nét nhạt và cây thứ hai dùng để tô nét đậm. Có thể nói Họa sư Bi-Hồng là một bậc thầy giáo-dục cho tôi hiểu rằng ngành hội họa truyền thống Trung-quốc không thể có lối vẽ như vậy. Từ lúc đến viếng và mục kích lối họa của Họa-sư Từ-Bi-Hồng tôi trở về và thất vọng bỏ mất mấy năm không cầm bút vẽ lấy một nét. Sau này tôi tình cờ thưởng thức một bức họa «Bát mặc Tiên nhân» của Lương Giai vào đời Tống. Bức họa này làm tâm linh tôi rung cảm và bắt nguồn từ đó tôi sáng tạo ra môn « Bát mặc họa mã ».

HỎI : — *Xin cảm ơn tiên sinh một lần nữa, xin tiên sinh cho biết*

cảm tưởng của tiên sinh đối với kỳ triển lãm ở Việt-Nam lần này ra sao?

ĐÁP : — Bình tâm mà nói, tôi xin phát biểu một cách vờ vờ rằng : tôi đặt chân đến Việt-Nam như én gặp mùa xuân và cá gặp sông nước, tôi cảm thấy đến Việt-Nam như về đến cố hương. Người Việt-Nam từ màu da đến phong tục, tập quán, cũng như nhân tình thế thái không khác với người Trung-quốc bao xa, điểm đặc biệt là sự tiếp đãi nồng hậu của các giới ở đây làm tôi cảm động. Tóm lại người Việt-Nam cũng

như Hoa-kiều ở Việt-Nam có một trình độ văn hóa rất cao.

— HỎI : *Xin tiên sinh cho biết, tiên sinh còn lưu lại Việt-Nam bao lâu nữa, và tiên sinh sẽ đi triển lãm ở đâu sau khi rời Việt-nam.*

ĐÁP : — Về thời hạn thì ít nhất phải 2 tháng nữa, vì qua Tết tôi còn phải triển lãm ở Hội Văn-hóa Pháp Sa~~igon~~, và sau khi rời Việt-Nam, tôi sẽ đi California để triển lãm và giảng học theo lời mời của trường Đại-học này.

HOÀNG-DIÊM-KHANH

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài «*Đông-Y có thể chữa khỏi bệnh Lan-vỹ-viêm bằng khoa châm cứu*» của Ô. Trần Tiên Hy trên Bách Khoa số 360 (I.I.1972) có những chỗ in lầm sau đây xin bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho :

Trang 45 cột 1 hàng 22 : ở Bắc Kinh (không phải «*tại*» Bắc Kinh).

Trang 45 cột 2 hàng 5 : mỗi khi nhớ tới như bây giờ đây (thiếu chữ «*như*»).

Trang 45 cột 2 hàng 29 :... rằng họ đã chữa những bệnh (thiếu chữ «*đã*»).

Trang 48 cột 1 : Bác sĩ Đoàn văn Quỳnh (không phải «*Quỳnh*»).

Trang 49 hàng 17 : Hán phương, yếu phương giải thuyết (không phải «*giả*»).

Trang 49 cột 19 : chúng tôi có đưa (thiếu chữ «*có*»).

Trang 50 hàng đầu : Và đến năm (không phải «*vào*»).

Trang 51 phần cuối nói về «*phân, tắc*» trong khoa châm cứu còn nhiều thiếu sót. Xin ghi thêm lại cho đầy đủ như sau :

Phân tắc mà châm y phải y cứ để quyết định độ sâu khi chích kim vào Hợp-cốc và Nội-đỉnh là căn cứ vào bề dài của lông giữa của ngón tay giữa, còn như phân tắc ở các nơi khác thì tại mỗi nơi đều có một lối chiết tính riêng chứ không phải đều y cứ vào bề dài lông tay giữa của ngón tay giữa. Ví dụ ở đầu thì bề dài từ chân tóc phía trước đến chân tóc phía sau chia ra thành 12 phần, một phần là một tắc, nhưng đó mới chỉ là tắc để đo bề dọc, còn như về bề ngang thì phải lấy 2 khoé mắt làm 1 tắc; còn như ở nơi chân thì đầu xương tibia đến cuối xương tibia là 16 tắc, khoảng cách từ Túc-tam-ly đến Lan-vỹ là 2 tắc, 2 tắc đây tức là 2/16 của bề dài nói trên v.v...

Tòa soạn BÁCH KHOA

TRÍ ĐĂNG giáo khoa

Sách xuất bản năm 71

Lê văn Tú: *gs Đại học Khoa học Saigon*

- TÂN TOÁN HỌC 12B
- GIẢI TÍCH HỌC 12B
- HÌNH HỌC GIẢI TÍCH 12B

Phan lưu Biên, Lê văn Đăng, Trần thành Minh: *gs Petrus Ký*

- BÀI TẬP HÌNH HỌC GIẢI TÍCH 12B
- ĐẠI SỐ HỌC 12A (*giáo khoa và toán*)
- PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN HÌNH HỌC KHÔNG GIAN 11A.B
- PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN ĐẠI SỐ lớp 11 A,B
- CÂU HỎI GIÁO KHOA TÂN TOÁN HỌC lớp 12B

Lê văn Đăng, Nguyễn thị Sinh: *gs Petrus Ký, Lê văn Duyệt*

- TOÁN 12A (*Đại số, Điểm động học, Xác suất thống kê*)

Nguyễn văn Nhượng, Nguyễn thanh Khiết, Ng ngọc Thả,
gs Nguyễn bá Học, Quốc gia Nghĩa Tử, Tân Văn, Đồng Nai

- PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN HÌNH lớp TÁM
- PHƯƠNG PHÁP GIẢI TOÁN ĐẠI SỐ lớp TÁM

Vũ Ký: *gs Petrus Trương vĩnh Ký*

- LUẬN VĂN CHƯƠNG VÀ GIẢI ĐỀ THI TỬ TÀI I ABCD

Nguyễn tăng Chương: *gs Petrus Trương vĩnh Ký*

- LUẬN VĂN, VĂN PHẠM lớp SÁU
- LUẬN VĂN, VĂN PHẠM lớp BẢY

Trương đăng Đệ *gs Võ Tánh*

- KHẢO SÁT VÀ GIẢI ĐỀ THI ANH VĂN TỬ TÀI I VÀ II

Sinh ngữ I

Lữ phúc Ánh *gs Mạc đình Chi*

- VĂN PHẠM ANH VĂN CĂN BẢN (*viết bằng Anh Việt ngữ*)

Phạm thanh Liêm *gs Mạc đình Chi*

- LUẬN TRIẾT HỌC: Phần LUẬN LÝ

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

Đ.T : 92.017

Mồng Bốn Tết Độc
TÌNH NƯỚC MẶN

tân truyện của
VIÊN LINH

Phát hành nhân dịp đầu Xuân :

VŨ KHẮC KHOAN

MƠ HƯƠNG CẢNG

tùy bút

- ★ Một tuyển lọc những ý tưởng quan yếu mà tác giả đã nghiên
ngắm trong hơn hai mươi năm cầm bút về thể sống và
nghệ thuật.
- ★ Muốn hiểu **VŨ KHẮC KHOAN**, phải đọc tác phẩm này, rồi
hăng đọc những tác phẩm khác.

KÊ SĨ xuất bản

Nhà xuất bản **LÁ BỐI** sẽ phát hành trong ngày đầu Xuân
Nhâm-Tý :

Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay
của **TẠ TỰ**

Sách dày 700 trang, biên khảo công phu, ấn loát thật đẹp.

Trong rừng thiệp chúc Xuân, bạn chọn :

HOA ĐÀO NĂM TRƯỚC

của Nguyễn-Hiển-Lê

XUẤT HÀNH NĂM MỚI

của Võ-Hồng

đề gửi bạn hữu, vừa là một thiệp Xuân vừa là một
tác phẩm đề đọc trong ba ngày xuân, chỉ có . . .

50\$ luôn bao thơ

SINH HOẠT

Tam - Ích, và những giòng chưa đọc lại

Có những người chỉ mới chạm mặt lần đầu, ta đã không ưa, đã thấy ghét. Cũng có những người, ngay từ buổi sơ ngộ, ta đã cảm thấy như thân thiết gần gũi, khiến có thể muốn tâm sự, muốn lại gần. Ta gọi đó là cái duyên. Nhưng nếu có duyên là sau khi đã gặp nhau, cảm mến nhau ngay và không rời nhau nữa, thì quả thực tôi không có duyên với Tam-Ích.

Chẳng là trước đây, qua báo chí, tôi có được đọc một số bài của ông, viết về những đề tài như ý-thức-hệ, phê bình văn nghệ, khảo cứu hay đúng hơn là những tiểu luận về các vấn đề văn hóa, tôi vẫn thầm mong có dịp nào được gặp gỡ quen biết với ông. Thế nhưng tôi cũng không có ý tìm cách để được quen biết. Cho tới một hôm cách đây cũng có hai năm, văn hữu Hoàng Trọng Miên gặp tôi và cho biết có đưa cuốn tiểu luận «Quan niệm về cái chết qua Thi ca và Triết lý» của tôi cho Tam Ích đọc. Tam Ích đọc xong, phê bình đại khái là cuốn đó viết nhẹ nhàng, có lẽ vì tác giả là một người làm thơ nên vấn đề triết lý lại được trình bày rất thi vị. Từ đó, ở trong tôi, tình cảm tự nhiên nghiêng nặng thêm về cái tên mang hai chữ Tam Ích (đó là phản ứng tự nhiên của bất cứ ai khi nghe người khác nhận xét về mình, nhất là một khi nhận xét đó không xấu). Thế rồi Hoàng Trọng Miên đưa luôn

cả bản thảo tập thơ ĐĂNG TRÌNH của tôi cho Tam Ích. Đọc xong, nhân một dịp đi công việc, ông ghé thăm tôi và tôi được diện kiến với người mà mình hằng nghĩ tới. Với tất cả phong cách chững chạc, nghiêm túc của một người cầm bút lâu năm, có địa vị trên văn đàn và đã đứng tuổi, buổi đầu gặp nhau tại văn phòng của tôi, Tam Ích đã gọi tôi bằng hai chữ «tiên sinh». Lối xưng hô này, giờ thỉnh thoảng nghĩ lại tôi còn thấy buồn cười về sự thận trọng có phần kiêu cách của ông. Ngay khi ấy, tôi có nói rằng câu xưng hô đó, nếu cần thì phải để cho tôi chứ không phải cho ông và tôi đề nghị để có được thân mật, tôi xin phép Tam Ích cho tôi được gọi ông bằng Anh vì ông hơn tuổi tôi khá nhiều, bằng tuổi người anh cả của tôi nữa. Và con người đã từng một thời được coi như cây bút xông xáo nhất của nhóm Đời Mới của Ông Trần văn Ân, với những bài nghiên cứu khá say mê về Mác-xít, đã vui vẻ nhận lời đề nghị này.

Buổi gặp gỡ đầu tiên đó được diễn ra trong một không khí thú vị cởi mở và ấm cúng bất ngờ. Nếu tôi nhớ không lầm thì trong buổi nói chuyện còn có mặt Tô Thùy Yên và cả Hoàng Trọng Miên nữa.

Dịp này, Tam Ích có nhận xét về tập thơ của tôi và ngỏ ý muốn viết cho tôi mấy lời bạt. Ông dặn tôi khi

nào in thơ phải in cho đẹp và cứ thẳng thắn, không nên vội. Thế rồi Ông viết bặt cho tôi và trong một lần gặp gỡ sau, tôi cảm ơn ông đã dành cho tôi khá nhiều cảm nghĩ quý hóa trong bài bặt. Tôi cho rằng những điều đó, đúng hay sai, bây giờ chưa phải là lúc để được xét tới. Còn quá sớm. Đó là chuyện sau này, công bằng và khách quan hơn, nhưng những gì mà bài bặt đó ghi lại với tôi là một điều cảm động và đáng ghi nhớ. Nghe tôi trình bày những ý nghĩ thực của lòng mình, Tam Ích đã mỉm cười. Ông nói rằng hãy sắp bài viết của ông trong những trang cuối cùng, ông muốn thế vì ông nói đó chỉ là cái phụ thuộc, cái chính là những bài thơ, và những trang giấy ghi nhận ý nghĩ của ông, như một góp mặt và một bày tỏ cảm tình, thế thôi.

Sau những buổi gặp gỡ đó, Tam Ích có nói một câu mà tôi nhớ mãi rằng nếu muốn kiếm ông thì cứ nhắm qua Tô Thùy Yên hoặc Hoàng Trọng Miên, vì chỗ ở của ông lờ mờ lắm, ông không muốn thấy tôi tới đó. Câu nói này, đã là một cái gì vương vất mãi trong tâm hồn tôi.

Sau đấy, phần vì công việc, phần vì tập thơ mới lên khuôn lại được in quá chậm, nên tôi định để khi tập thơ ra đời, sẽ đem lại biểu ông và nhân đó, sẽ có với nhau một cuộc đánh chén cho hả hê, bỏ gác hết mọi công việc. Trong khi chờ đợi thực hiện được ý định, tôi có gửi biểu ông một

chai rượu, gọi là chút quà tặng một người Anh đã quên tuổi đi mà hạ cố tới mình và cũng như là lời tạ lỗi cho sự quá bận rộn không tới thăm viếng ông được.

Thế rồi, khi những trang cuối cùng của Đăng Trình được lên khuôn, tôi nghe tin sét đánh : Tam Ích đã hóa thành người thiên cồ. Tôi không biết diễn tả làm sao về nỗi bàng hoàng của tôi khi nhận được tin này. Cầm những trang giấy chưa ráo mực với những giòng chữ của Tam Ích, tôi nghe như ở trong tôi có một cái gì đó, không hẳn là niềm ân hận, cũng không hẳn là niềm hối tiếc, nó là một thứ tình cảm pha lẫn lộn giữa chua xót và bùi ngùi. Có lẽ vì thế mà tôi phải viết những giòng chữ này.

— Tam Ích, ông đã không còn nữa để mà thấy tôi đã làm theo đúng ý ông về bài bặt của ông mà tôi nghĩ rằng đó là bài bặt cuối cùng ông viết cho tôi. Nó không hẳn là những giòng chữ cuối cùng của đời ông, nhưng nó là những giòng chữ đầu tiên và cũng là cuối cùng cho tôi, nó là những giòng chữ mà ông đã không được đọc lại khi in ra như ý ông muốn.

Và những giòng chữ này, ở đây, cũng là đầu tiên và cuối cùng, tôi công khai bày tỏ lòng thương tiếc của tôi, như một nén hương thành tâm đốt lên cho một mối duyên văn quá ngắn ngủi. Sự ngắn ngủi này, phải chăng đã là một thiệt thòi cho riêng tôi ?

Dẫu sao, thì tôi cũng mong rằng

cái chết, một chọn lựa cuối cùng của ông, là lựa chọn đúng và tuyệt vời hơn cả đối với ông, người đã dành cả một đời mình cho những tìm kiếm chân lý từ Mác-xít tới hiện sinh.

Người ta có thể không đồng ý với ông về quan niệm, thái độ chính trị hay cách thể ngấm nhìn đời sống của ông, nhưng khi ông đã nằm xuống, tôi nghĩ chẳng còn vấn đề gì hơn là tinh lọc, lưu giữ lại những điều ông đã viết ra, bằng tất cả tâm hồn thiết tha với dân tộc, với nhân sinh. Vì đó là vốn liếng mà ông đã để lại cho chúng ta, những người phải đi nốt đoạn đường đời mình, phải thể không các bạn, những thân hữu gần xa của Tam Ích?

Sau khi ông phát áo, đập sách để đi về chốn « sương mờ cõi khác », người con lớn của ông có viết gửi đến tôi một thư ngắn nói rõ về bút

hiệu của ông : Tam-Ích = 3 XXX. Trong toán học, chúng ta thường dùng X như ẩn số. Ẩn số của cuộc đời có một mà chúng ta giải đoán còn không ra, huống hồ ông lại lấy những 3 XXX để dùng làm bút hiệu, thì ở cõi phù sinh này ông kiếm làm sao ra đáp số ?

Thưa anh Tam-Ích, đáng lẽ tôi phải làm thơ khóc Anh, nhưng Tạ Ty đã làm rồi. Tôi xin mượn đoạn cuối bài ngũ ngôn của Tạ Ty để làm nén hương thắp lên tỏ lòng thương tiếc Anh :

*Đất lạnh anh nằm đấy
Tôi cười với thế nhân
Vì thương nên muốn gọi
Đến tên nhau một lần.*

Sau khi đưa đám Tam-Ích Lê-Nguyên-Tiếp

CAO-TIÊU

Giải thưởng Văn Bút 71

5 giờ chiều ngày 21. 1. 72 vừa qua một lễ kỷ-niệm 15 năm văn Bút V. N. đã được tổ chức tại trụ sở của Hội ở đường Đoàn thị Điểm Saigon. Cũng nhân dịp này Hội trao tặng giải thưởng Văn Bút 71 về bộ môn Sân khấu cho cô Kim Cương, một soạn giả mà cũng là một nữ diễn viên thoại kịch và một tài tử điện-ảnh thời danh. Buổi lễ đặt dưới quyền chủ tọa của ông Quốc-vụ-khanh Đặc trách Văn

hóa và đã được rất đông các anh chị em nhà văn, nhà thơ, nhà báo trong và ngoài Hội tham dự.

Tác phẩm trúng giải là một thoại kịch 2 màn mang tên *Bức tranh lụa thề* mà nữ nghệ-sĩ Kim Cương đã dự thi với một bút hiệu chưa hề được phổ biến : *Kim Chi*, «Bức tranh lụa thề» đã được 4 phần 5 tổng số phiếu trong một cuộc bỏ thăm kín của Hội đồng tuyên trạch Hội Bút Việt, và tác giả

của nó đã được lãnh giải duy nhất của Hội là 100.000 đ. Nội dung vở kịch chống lại văn hóa đồi trụy, khiêu dâm là cái tấn tuồng bi thảm của một họa sĩ vẽ tranh lỏa thể và cuối cùng người họa sĩ đã rước lấy những hậu quả đau thương cho chính bản thân và gia đình mình. Vừa chống lại những biểu hiện văn nghệ sa-đọa, vở kịch còn nhằm qui cái trách nhiệm của văn nghệ sĩ đối với thực trạng tinh thần của xã hội.

Trong bài diễn văn của Hội đồng tuyên trạch Ô. Vi Huyền Đắc nói về cô Kim Cương có nhắc đến Sacha Guitry vì hai người đều vừa là diễn viên lại vừa là soạn giả. Đây không phải lần đầu Kim Cương viết kịch rồi được giải mà tất cả những vở kịch đã trình diễn trên sân khấu truyền hình cũng như hàng mấy chục vở kịch đã trình diễn trên sân khấu Thoại kịch Kim Cương hồi

xưa mang tên soạn giả Hoàng Dũng đều do cô Kim Cương soạn cả. Hoàng Dũng cũng như Kim Chi đều chỉ là bút hiệu của cô. (Xin xem Tâm sự Kim Cương » trên Bách-Khoa số 256 ngày 1-9-1967).

Trong bài diễn văn cảm ơn Hội Bút Việt, cô Kim Cương đề cập đến trách nhiệm của người làm văn nghệ trước hiện tình xã hội và nói rằng : « nghệ thuật tự nó không sao có thể tự giải cứu mình, nếu nó không đóng góp phần vào sự giải cứu chính cái thực trạng phát sinh ra nó, đó là hoàn cảnh xã hội, với tất cả những ưu tư lớn lao bày ra trước mắt chúng ta. »

Cô Kim-Cương có nhã ý tặng lại Hội Bút-Việt một bức tranh sơn dầu — lần này không phải là bức tranh lỏa thể nữa—mà là một tranh vẽ biểu hiện của. Bút Việt : một cây bút đâm gãy thanh kiếm.

Tiến trình của báo chí V.N.

10 giờ sáng chủ nhật 23-1-72 vừa qua Hội Chuyên nghiệp Báo chí Việt Nam đã tổ chức tại Giảng đường trường Taberd Saigon một cuộc nói chuyện về đề tài trên đây, mà diễn giả là nhà báo lão thành Trần Tấn Quốc. Chủ nhiệm Nhật báo Đuốc Nhà Nam và cũng là đệ nhất phó Chủ-tịch của Hội Chuyên nghiệp Báo-chí V.N Số thính giả vào khoảng trên 300 người đa số là các nhà báo và các sinh viên ban Báo chí ở các Đại-học.

Diễn-giả giới hạn cuộc nói chuyện ở tiến trình của báo chí V.N. Từ lúc có tờ Gia-định báo đến báo chí năm 1945 và chỉ đề cập đến báo chí trong Nam mà thôi. Ông chia ra thời kỳ phôi thai của báo Việt, rồi thời kỳ báo chí đã có ý thức quốc gia

đến thời kỳ ý thức chính trị bột phát, báo chí hướng dẫn dư luận chống Pháp, chống anh Ba, chú Bảy... Ông kể lại những thủ đoạn của nhà cầm quyền Pháp hồi đó đã đối phó và khủng bố các nhà báo ra sao rồi ông nói đến sự tiến triển của nghề nghiệp, đến tổ chức qui mô của Tòa soạn báo Thần Chung của ông Diệp văn Kỳ, đến kỹ thuật sắp chữ và đúc chì là một kỹ-thuật đặc biệt của báo V.N do sự mua chữ khó khăn ở bên Pháp mà nảy sinh.

Sau phần nói chuyện là phần hội-thảo có ông thăm phán Trần Thúc Linh, nhà văn Sơn-Nam, một số anh em sinh viên v.v... lên phát-biểu ý kiến nhiều lúc rất sôi nổi.

THU-THỦY

CÔNG-TY KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM (SICOVINA)

Vốn : 1.200.000.000 đồng

Trụ sở : 4, Lê Lợi - Saigon

Nhà máy Sợi	KHÁNH - HỘI
Nhà máy Nhuộm	AN - NHƠN
Nhà máy Sợi Dệt	HÒA - THỌ
Nhà máy Sợi Dệt Nhuộm	PHONG-PHÚ

Chúc Mừng Năm Mới

Sách mới

— Nẻo vào Thiền học của Nhất H nh do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 244 trang gồm 8 chương: Từ «Thập sắc hiện hữu», «Hương vị một tách trà» «đến Tìm lại con người». Phụ bản của Võ Đình. Giá 280 đ.

— Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân Biên khảo của Sơn Nam do Phù Sa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang trình bày rất rõ ràng về lịch sử Thiên Địa Hội (ở Trung Hoa) và Thiên Địa Hội ở Nam kỳ Lục tỉnh, về cuộc Minh Tân ở Nam kỳ Lục tỉnh... Có thêm phần trích lục ở 52 số báo Lục tỉnh Tân văn là một tài liệu rất quý giá. Bản đặc biệt

— Đăng Trình tập thơ của Cao Tiêu do Ngọc Nụ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 118 trang, khổ 21 x 27 gồm 61 bài thơ trích trong 2 tập « Ý - giao-duyên » và « Phương thảo », in trên giấy nền Hội Xuân, gồm các tranh mộc bản phong tục V.N., rất đẹp. Một số lớn họa-bản vẽ theo thơ, của Hiếu Đệ và Nguyễn Uyên - Bạt của Tam - Ích. Giá 400đ.

— Chuyện cười cồ nhân do Vương Hồng Sển sưu tập Việt-Hương ấn hành và tác giả gửi tặng Sách dày 260 trang gồm hơn 200 truyện tiểu-lâm thời trước, ghi lại từ 42 cuốn sách về Tiểu-lâm Việt và Pháp ngữ, nhiều cuốn hiện không ai có.

— Trai Việt gái Mỹ bút ký của Nguyễn Tấn Phương Người trẻ Việt-nam xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 3 của tác giả, dày 160 trang

gồm những câu chuyện rất hấp dẫn. Giá 180 đ.

— Buồn nôn tập thơ trào phúng của Tư Vẽ do nhà xuất bản Sinh viên « Đi Tới » ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang, in ronéo, gồm những bài thơ trào phúng từ 1958 đến nay, liên quan mật thiết đến thời sự miền Nam.

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Lê Đồng Yên (thơ); Phạm Lê văn Duyệt (thơ); Trần Thượng Ban (thơ), Lý Bá Toàn (Một bài thơ bị lãng quên), Trần Đồng Lạc (các hiệp hội sinh viên Phần lan...); Hồ kê Bạt (thơ), Trần ngọc Kim (thơ), Hàn Sa (thơ); Chương hư-Tạng (Thoáng mắt); Fu (thơ); Nguyễn Miên Thượng (Thơ); Đã-Tiên (thơ); Nguyễn nhật Ánh (thơ); Sao vườn Dầu (thơ); Trần Bình Lành (Melvin R. Laird: đặc trách quốc phòng); Đặng-Tự-Nhượng (thơ); Đoàn văn) Dương - Phú - Thanh - Đàm (thơ); Tống Châu Ân (thơ), khi mùa lạnh tới), Phú Quân (niềm tin nổi chết); Nguyễn cát Đông (còm cõi đáng xuân) Phan cung Nghiệp (thơ và Truyện).

Những bài sẽ đăng chúng tôi sẽ liên lạc với quý bạn bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách Khoa tới đây:

Ô. Lê Miên Tường. Rất mừng đã nhận được thư và truyện của anh. Bạn quá sẽ viết thư riêng đến anh sau

— *Lãng động truyện của Bà Minh Quân, do Thăng Tiến xuất bản và tác giả tặng. Sách khổ 10x20 thuộc tủ sách Quà tặng học trò, nội dung rất hợp với tuổi học trò, trình bày trang nhã, bìa của họa sĩ Vi Vi — Giá 45đ.*

— *Bút máu tuyền tập truyện ngắn của Vũ Hạnh, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 264 trang gồm 11 truyện đặc sắc nhất của tác giả. Giá 280đ.*

— *Bóng tối cuối cùng truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Giao Điểm xuất bản gửi tặng. Sách dày 270, trang, tác phẩm thứ 19 được xuất bản của tác giả, bìa của Nguyễn Đồng. Giá 320đ.*

— *Hồi chuông báo tử tập truyện của Lê Huy Oanh do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang gồm 7 truyện ngắn, bìa của Duy Thanh. Giá nhất định 70đ.*

Sắp phát hành :

SÔNG MƯA HỒNG

Tập thơ của PHẠM-CAO-HOÀNG

- Gồm 30 bài thơ
- Phụ bản của RỪNG
- Cơ sở Ý THỨC xuất bản

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin Trưởng-nam của nhà văn TOAN-ÁNH (Ô. Nguyễn Văn Toán) là NGUYỄN MINH TUẤN sẽ làm lễ thành hôn cùng Cô NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT tại Đalat ngày 21 tháng 12 năm Tân-Hợi (5-2-1972).

Xin trân trọng gửi lời mừng nhà văn Toan-Anh và chúc chú rể cùng cô dâu trăm năm hạnh phúc.

VÕ PHIẾN — LÊ NGỘ CHÂU

Chúc mừng

Nhà thơ TÀN HOÀI DẠ VŨ (Nguyễn Văn Bồn) và cô TRẦN THỊ NHƯ TÂM trăm năm hạnh phúc.

VÕ PHIẾN — TƯỜNG LINH — HOÀNG LỘC — LÊ NGỘ CHÂU

SƠN NAM

MIỀN NAM ĐẦU THẾ KỶ XX:

THIÊN ĐỊA HỘI

VÀ

CUỘC MINH TÂN

PHÙ SA xuất bản

- ☆ Phong trào Cần Vương ở miền Nam với tình huynh đệ, đạo nghĩa giang hồ. Cuộc khởi loạn của Phan-Xích-Long và những đạo-sĩ ở vùng Thất Sơn.
- ☆ Phong trào Duy Tân ở miền Nam với những cơ sở kinh tài hoạt động rầm rộ và tờ báo đổi lập đầu tiên vào năm 1908.

MỘT TÀI LIỆU CẦN THIẾT CHO VĂN HỌC, SỬ HỌC

Tổng phát hành: **ĐỒNG NAI**

270, đường Đề Thám

SAIGON